

15 THÁNG 10 NĂM 1968

BACH KHOA

T H Ơ I

Đ Ạ I

năm mười hai

VÔ PHIẾN *người hiền của quần chúng* * NGUYỄN
VĂN XUÂN *cuộc hí trường* * NGUYỄN HIỂN LÊ *lò
lửa Trung-Đông : Bán đảo Ả-rập sau thế chiến thứ
nhì* * TRẦN THIÊN *lược thuật cuộc nói chuyện với
Herbert Marcuse về phong-trào sinh-viên tranh đấu...* *
HIẾU *vài cảm nghĩ về « kế hoạch gia đình »* * TỪ
TRÌ *bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ và nguyên tắc dân
chủ* * TRẦN THÁI ĐÌNH *con người theo tư-tưởng
Lévi-Strauss* * HUỖNH PHAN *nhất cử lưỡng tiện* *
HOÀNG NGỌC TUẤN *cô bé tuyệt vời trên Cao-
nguyên* * CHU NGYM VŨ *đất hứa* * VÔ QUANG
YẾN *dâng hoa trên nấm mồ* * HOÀNG GỖ QUÝ
huế • mùa xuân 68 * NGUYỄN KIM PHƯỢNG *cổ
dứt* * ĐÔNG TRINH *hôm nay ngày mai* * HẠ LAN
anh * **SINH HOẠT** *thời
sự chính trị * thời sự văn
nghệ * thời sự kinh tế* *

283





Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 70

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 283 ngày 15 - 10 - 1968

VÕ PHIẾN <i>người hiền của quần chúng.</i>	3
TRẦN THÁI ĐÌNH <i>con người theo tư-tưởng Lévi-Strauss.</i>	9
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>lò lửa Trung Đông : Bán đảo Ả-rập sau thế chiến thứ nhì</i>	19
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>cuộc hí trường</i>	24
TỪ TRÌ <i>bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ và nguyên-tắc dân-chủ</i>	31
TRÀNG THIÊN <i>lược thuật nói chuyện với Herbert Marcuse</i>	37
HIẾU <i>vài cảm nghĩ về « kế hoạch gia-đình »</i>	44
HOÀNG NGỌC TUẤN <i>cô bé tuyết vờn trên Cao-nguyên (truyện ngắn)</i>	48
VÕ QUANG YẾN <i>dâng hoa trên nấm mồ (truyện khoa-học dự tưởng, phóng tác theo «Flowers for Algernon» của Daniel Keyes.)</i>	56
HOÀNG GỖ QUÝ <i>huế • mùa xuân 68 (thơ)</i>	65
NGUYỄN KIM PHƯỢNG <i>cỏ đứt (thơ)</i>	65
ĐÔNG TRÌNH <i>hôm nay ngày mai (thơ)</i>	66
HẠ LAN <i>anh (thơ)</i>	67
CHU NGYM VŨ <i>đất hứa (truyện ngắn)</i>	68
HUỲNH PHAN <i>n'ất cử lương tiện</i>	74
TỪ TRÌ <i>thời sự chính trị</i>	77
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	79
DUY <i>thời sự kinh tế</i>	81

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ: 30 \$ Công sở Giá gấp đôi

HỢP THƯ

— *Tạp chí Bách-khoa* đã nhận được những bài sau đây. — Bài ngủ đầu đời : Tuổi con ; Trên đời 43 ; Đêm phòng tuyến viết cho người yêu dấu ; Ngũ ngôn (Trần dza Lữ). Lên đường ; Dòng mắt thu (Hồng Duy). Buổi gặp mặt đầu năm ; Lạ xa (Hoàng Minh Kinh). Tóc em vàng ; Tiếng đàn (Trần Thiếu Xuyên). Buổi trưa nói chuyện với chim (Võ-Phi-Hùng). Nghỉ cho một ngày ; Ngày 29-5-1968 ; Những bài lục bát tình buồn (Trương văn Dũng). Cho quê hương ngày thơ ấu (Huỳnh-Thanh-Tòng). Trên đời (Nguyễn Minh Quang). Những thủ-tục đưa vào chiến tranh (Ngô Tường Linh). Trên khay (người tóc dài). Những khúc ca nhỏ ; Bài tình yêu thời chiến ; Nhập ; cuộc, Ngựa ; Cho người tình cố xứ ; Những ngày trở lại (Bưng biển). Trước mặt (Yến nguyên Thanh). Chiều làng em (Nguyễn Hương) Hàng me xanh (So-Li) Đi cho thấy quê hương (Nguyên Minh). Những đoạn tình buồn (N.A. Khương) Đêm trong trí nhớ (Nguyễn Sinh Từ). Dòng sông khổ nhục (Mai duyên Hải). Nói với bóng mình ; Mùa thay lá (Ỡ-Yên),

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp có thư riêng) thì quý bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— Anh Từ kể Trường (Saigon) Đã nhận được " Căn nhà trên sông ". Rất cảm ơn anh. Đề tiện liên lạc với anh bằng thư riêng, xin anh cho toà soạn biết địa-chỉ hiện tại của anh.

— Anh Đông Trình (Huế) xin anh cho biết địa chỉ đề tiện liên lạc.

— Anh Nguyễn hữu Trì. (Châu-dốc) Đã nhận được truyện ngắn của anh. Sẽ xin trả lời anh bằng thư riêng.

— *Thúy Nguyễn văn Mậu* (Hàm Long ; Kiến Hoà) những số báo ông nói trong thư, toà-soạn còn đủ. Ông có gửi 65đ gồm cả cước phí, bằng tem hoặc bằng bưu phiếu (đề tên Ô. Lê Ngô Châu) và 160 Phan đình Phùng Saigon, cùng ghi rõ địa-chỉ của ông hoặc của một người quen ông ở tại Kiến-Hoà, đề báo gửi tới khỏi bị thất lạc.

— Anh *Thế-Uyên*. — Lên đơn-vị 3, mưa lụt, đành quay về. Nghe phân-phối rồi, cho tin. Mỹ.

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin giới-thiệu cùng bạn đọc :

40 gương thành công của Dale Carnegie Nguyễn Hiến Lê dịch do Thanh-Tân xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 204 trang, gồm tiểu sử của 40 danh nhân, mỗi tiểu-sử dài độ 3 4 trang, rất lợi ích đối với thanh niên. Bản đặc biệt, Giá 100đ.

— **Tự học**, một nhu cầu của thời đại của Nguyễn Hiến Lê do Thanh Tân xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 232 trang gồm 14 chương và 2 Phụ-lục trình bày các cách tự học, đọc sách, học ngoại-ngữ, làm thẻ tài-liệu v.v... rất cần cho những người tự học. Bản đặc biệt. Giá 120đ.

— **Nói chuyện khoa-học** của Võ quang Yến, do Cơ sở Phạm-quang-Khai xuất bản và gửi tặng. Sách dày 212 trang, thuộc tủ sách *Tiến bộ*, gồm 18 bài về những phát minh mới mẻ của các ngành khoa học hiện đại : Y-dược, lý-hóa nhiên v.v... Bản đặc biệt.

— **Mảnh trời cuối cùng** tập truyện của Nguyễn-thị-Hoàng, do Hoàng-Đông-Phương xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày hơn 300 trang gồm 12 truyện ngắn chọn lọc ; Bìa Đình Cường, bản đặc biệt.

— **Đường mòn hành hương** tiểu thuyết của Nguyễn Đạt Thịnh do Hoa-Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 378 trang. Giá 370đ.

Người hiền của quần chúng

Người Mỹ họ đang chọn Tổng-thống. Đó không phải là chuyện mới lạ gì. Trái lại, họ từng chọn ba mươi sáu ông như thế rồi : họ đã thành thạo. Tuy vậy, phải nhận rằng lần này có nhiều trục trặc, khiến cho lắm người đã nói tới chuyện khủng-hoảng của nền dân-chủ, đã thảo luận, đã "xét lại" vấn-đề dân-chủ ở Mỹ.

Ông Johnson làm Tổng-thống từ năm năm nay, ai nấy nghĩ ông sẽ ứng-cử lần nữa. Bỗng ông lắc đầu. Ông có đưa ra lý do, nhưng người ta vẫn nghĩ ngay đến những lý do mà ông không tiện đưa ra : chẳng hạn ý kiến của ông không còn phù hợp với ý-kiến của đa số quần chúng.

Trong khi ấy có những nhân vật tuồng như phù hợp với quần chúng thì lại bị một số người quyết liệt từ chối : anh em ông Kennedy.

Nhưng cả ông này lẫn ông kia, các tổng-thống Hoa-kỳ gần đây thỉnh thoảng vẫn có cơ hội gặp nhau để làm đối tượng cho một nhận-định chê trách nghiệt ngã. Theo Dos Passos chẳng hạn, từ sau Đệ-nhị thế-chiến Hoa-kỳ không có được nhà lãnh-đạo nào ra hồn : Eisenhower xoàng quá cỡ ; Kennedy chẳng có được một tư-tưởng nào, đó là một tai-họa ; Johnson thì thủ đoạn và thiếu lý-tưởng... Truman tầm thường là thế, mà bên cạnh mấy ông vừa kể cũng thành ra nổi bật !

Dos Passos là một nhà văn xuất sắc, ông thành công lớn và có quyền bảo người này tồi người kia tệ. Tuy vậy làm nghệ-thuật và làm chính trị hẳn có đôi chỗ khác nhau. Và cuốn sách đầu tiên của Dos Passos ra đời cách đây bốn mươi tám năm : nửa thế-kỷ trong thời bây giờ là một khoảng cách ghê gớm. Nhưng ông tổng thống cũng như những nhà văn thuở đó hoạt động trong một khung cảnh khác, và không biết đến nhiều nỗi khó khăn của các đồng nghiệp của họ ngày nay.

oOo

Hồi Eisenhower còn làm Tổng-thống người ta khen rằng ông hay cười và có nụ cười dễ thương không chịu được. Lại có một năm nào đó, khắp nước đã bầu ông làm con người ăn mặc lịch sự nhất.

Trời, ông ta già rồi, đâu còn ham gì nữa ! Xin thông cảm cho ông ta : cái việc phải cười và phải ăn diện đến nỗi đánh ngã thanh niên cả nước chỉ thêm một khó nhọc vào nghề nghiệp của ông mà thôi. Về một phương-diện, nụ cười ấy và quần áo ấy không làm cho ông bớt xoàng xĩnh dưới mắt Dos Passos ; nhưng soát lại các yếu-tố đã giúp ông giữ được cảm tình của quần-chúng ở địa vị Tổng-thống, đó không phải là yếu-tố không đáng kể.

Xem trường-hợp ông Nixon thì biết.

Nixon lớn tuổi, xấu xí, lại tranh với Kennedy trẻ mà bảnh trai. Kennedy thách nhau ra trước ống kính vô-tuyến truyền hình, để đánh vào nhược điểm của địch. Nhiều người nghĩ rằng hôm ấy mà ông Nixon khéo hóa-trang hơn, nghĩa là có tí phần ở chỗ này chỗ nọ để chữa lại khuôn mặt cho ăn ảnh chút nữa, thì ông ta đã cứu vãn được thất bại một phần nào.

Chúng ta có thể quả quyết xưa kia vua Nghiêu chọn vua Thuấn không theo cách ấy. Tiêu chuẩn truyền hiền thời xưa dù khắt khe đến bậc nào cũng không đi xa tới chuyện phần son.

Riêng từ ngày Dos Passos còn trẻ đến nay, Tổng-thống Hoa-kỳ vẫn là do dân chúng bầu ra. Sự bầu cử ấy có thể không có thay đổi lớn trong thể-thức, lệ luật. Nhưng mà trên thực tế quần chúng mỗi ngày mỗi gần các ứng-viên hơn, chọn lựa mỗi chặt chẽ và trực tiếp hơn. Và thiết-tưởng đó là điều đã ảnh-hưởng đến mái tóc, bộ râu, đến áo quần... và rốt cuộc đưa tới món phần son của vị lãnh-tụ.

oOo

Một thế-kỷ rưỡi trước đây công dân Hoà-kỳ cũng tự tay cầm lá phiếu bầu người tài đức, bây giờ họ cũng tự tay bầu người tài đức. Cách bầu - cử giống nhau. Nhưng sự chọn lựa thì khác.

Trước kia giao-thông khó khăn, người người cách biệt, sách báo ít, phương-tiện truyền tin hiếm hoi, quần - chúng biết ai là người tài đức? làm sao biết được trong khắp nước người nào là tài đức hơn cả? Quần-chúng có biết, chẳng qua là gián - tiếp: qua dư - luận, qua những lời đồn đại. Cái tài cái đức thực ra chỉ được một số ít nhận thấy; quần-

chúng chịu ảnh - hưởng của nhận-định ấy. Số đông được bầu, nhưng chỉ có một số ít chọn.

Từ 1963 đến nay người Việt - Nam chúng ta đã có nhiều dịp thất vọng về một số chính-khách. Có những cụ nọ cụ kia, những chính-trị-gia đối-lập bên ba hải-ngoại lâu năm, những chí sĩ, những nhà cách-mạng lão thành mà quốc-dân biết tiếng. Trong lúc nước nhà gặp cảnh hỗn loạn nguy biến, ai nấy trông ngóng kỳ vọng ở họ, tưởng chừng nếu họ chịu « ra » một cái là tình-thế sáng rực lên ngay. Không ngờ, lần lượt hết người này tới người khác, họ càng « ra » càng gây nhiều thất vọng: chỉ cần dăm bảy tháng là đủ phơi bày trước mắt mọi người cái bất tài của cụ này, lại đôi ba tháng khác để chứng minh cái bất lực của vị nọ...

Như thế tỏ rằng ở xứ ta, ngay giữa thời buổi này, cũng không mấy ai được biết về tài đức của các nhân-vật trong xã-hội. Chắc chắn ở thế-kỷ trước dân Mỹ không hơn gì ta lúc này. Trong số các cử-tri đã bầu cho Washington, Lincoln, Jefferson v.v., được mấy kẻ thực sự biết rõ mặt mũi các ông này ra sao? tư cách họ thế nào? tài ba, tư tưởng họ giá-trị tới đâu?

Kề ra lỗi lạc như đức Khổng-tử, sự trọng vọng mà quần - chúng dành cho ngài trước đây cũng do một nhận-định gián-tiếp mà thôi. Trẻ già trai gái ai nghe nói tới ngài cũng kính phục, rõ ràng là ngài được sự tán - thưởng của tối đại quần-chúng; nhưng quần-chúng nào biết ngài ăn ở ra sao, nói năng những gì. Chẳng qua họ kính phục ngài qua sự giới-thiệu của một thiểu số trí-thức.

Bây giờ, nhất là ở Âu-Mỹ, hàng ngày

quốc dân nghe lãnh-tự nói, trông thấy lãnh-tự hội họp, tiếp khách. Toà Bạch Ốc trong suốt như gương : đời tư của lãnh-tự phơi bày trước mắt mọi người, ai nấy có thể theo dõi cách lãnh tự ăn ở với vợ con, bàn tán về một đám hỏi, đám cưới, về một ngày sinh nhật trong gia đình lãnh-tự v.v... Có thể nói đối với một công-dân trong một nước văn minh như thế, quốc-trưởng là ông hàng xóm gần nhất. Do đó, chỉ dần dần, cùng với sự phát triển của các phương tiện giao-thông, liên-lạc, thông tin, mà người dân đạt được quyền chọn lựa kẻ lãnh đạo mình.

Việc bầu cử là chuyện luật-pháp, một vấn đề hình thức. Sự chọn lựa mới là nội dung, nó lại là chuyện trình độ văn-minh của xã-hội. Cho nên dù trải qua thời gian luật lệ có được sửa đổi hay không sửa đổi, có được nói rộng hay không nói rộng, thường thường trong thực tế người dân vẫn lần lần tiến tới sự định đoạt chặt chẽ hơn số phận các vị lãnh-tự của họ. Nhờ công trình của các khoa-học-gia hơn là của các luật-gia.

oOo

Và chắc chắn, trải qua thời-gian, các ông Tổng-thống Hoa kỳ phải biến đổi. Các ông Tổng-thống, theo năm tháng, phải khác đi, vì lẽ máy bay bay nhanh thêm, ra-dô bán nhiều thêm, báo chí phát hành rộng rãi thêm.

Phải vậy chứ. Bởi vì kẻ chọn lựa quyết-định hình-ảnh của người được chọn lựa. Khi nhà vua ra tay chọn một vị trạng-nguyên tài mạo tuyệt vời, văn võ song toàn, để trao vận nước và trao công chúa cho, thì vị trạng-nguyên ấy có một đặc điểm. Khi trung thần tiến cử một bậc hiền-tài lên làm tể-tướng,

vị tể-tướng ấy có đặc-điểm khác. Khi các ông hàn-lâm chọn nhau, nhân-tài ấy lại có đặc-điểm khác nữa. Cha mẹ chọn rể có quan-niệm khác, con gái chọn chồng có quan niệm khác.

Rồi các thế-thức chọn lựa, cái hoàn cảnh thực hiện sự chọn lựa, dĩ nhiên cũng ảnh-hưởng quan trọng. Khi các ứng viên cố sức đào thải lẫn nhau trong cuộc tranh đua, như thế các tay giắc đấu lần lượt loại dần nhau, thì kẻ chiến thắng cuối cùng phải là tay cừ khôi ; về đạo-đức không dám bảo-đảm, nhưng về tài trí không thể nghi ngờ. Trái lại, khi các ứng-viên không quay vào nhau sát hại, mà chỉ được tự phỏ thác cho sự chọn lựa của công chúng, chỉ được hướng về phía công chúng để thuyết phục, thì kẻ đắc cử tất phải có tài hấp-dẫn lôi cuốn ; không thể có cái uy đáng sợ, họ chỉ có cái vẻ đáng mến. Khi cách mặt chọn lựa, thì người ta chọn tài chọn đức ; khi đối mặt chọn lựa, tự nhiên người ta lưu ý đến diện mạo cốt cách của ứng-viên.

Ở Nga-xô, trong nửa thế-kỷ qua, lãnh tự không phải là những tay xuất sắc nhất về biện-luận. Trái lại, giữa Staline với Trotsky, kẻ đa mưu đã thắng kẻ đa biện.

Trong khung cảnh chính trị của nước ta, khéo ăn khéo nói cũng không phải là điều kiện để đạt địa vị lãnh đạo. Và sự thực, trong những người kế tiếp nhau cầm đầu chính quyền lâu nay, hiếm thấy một người hùng biện.

Tại Hoa-kỳ, miệng lưỡi là cái tối cần cho người làm chính-trị. Trước đây bốn đời Tổng-thống, Geoffrey Gorier đã kiểm điểm thấy trong số 32 tổngthống Mỹ thì 20 vị là luật sư, 2 vị là thẩm-phán,

2 vị khác xuất thân từ trường luật. Tuyệt không thể có một nghề nào khác, một ngành học nào khác đương đầu nổi trong cuộc cạnh tranh vào tòa Bạch-ốc. Thắng lợi với một tỷ-lệ cao như thế, không thể coi như may rủi, ngẫu nhiên.

Hiện thời, những tên tuổi nổi bật trên chính trường cũng đang là những tay ăn nói. Johnson từ thiếu thời đã có tiếng khéo lời. Nixon là luật-gia. Humphrey, ai nấy đều rõ cái tính mau miệng của ông, thường khi quá đáng.

Một nhân-vật có ảnh-hưởng lớn đối với quần-chúng Hoa-kỳ vừa qua đời là mục-sư Luther King, cũng thành-công nhờ miệng lưỡi. Lời nói hay ở trong xã-hội Hoa-kỳ nó phải là cái cần thiết quá lắm, hiển nhiên, ai cũng rõ, cho nên cậu bé King sáu tuổi đã trình với mẹ cái quyết tâm: « con sẽ tìm ra được những chữ thật kêu ».

oOo

« Những chữ thật kêu », yếu-tố thành công ấy tiêu-biểu cho sự cạnh tranh bằng thuyết-phục, sự cạnh-tranh không phải trực-tiếp giữa các đối-thủ mà là cạnh-tranh bằng cách tranh-thủ một tập-thể trung-gian có quyền quyết-định.

Tập-thể này càng ngày càng tăng trưởng, càng mở rộng ra, càng đông đảo thêm lên. Trước kia, các nhân-tài chỉ cần thuyết-phục một số trí-thức; một khi được sự tín-nhiệm của hạng này rồi, uy-tín của họ tự khắc lan rộng tới quần chúng. Ngày nay, quần-chúng có phương tiện để tự mình nhận xét.

Tập-thể này càng ngày lại càng nhích gần tới, càng được trực-tiếp đối diện với nhân-tài, không chỉ nhận-định về họ như về một tư-tưởng, chủ-thuyết trừu-tượng, mà lại còn nhận-định về một con

người cụ-thể với đầy đủ mặt mũi xấu đẹp, với dáng đi giọng nói v.v. . .

Đặc điểm đầu tiên là chung cho xã-hội dân-chủ của mọi thời, còn hai đặc điểm sau là của các thời kỳ sau này, gần chúng ta.

Dos Passos phàn nàn rằng các Tổng-thống Mỹ gần đây không có lý-tưởng cao xa, không có tư-tưởng xuất sắc. Thật ra, trước quảng đại quần-chúng tư-tưởng xuất sắc làm sao đối đầu nổi với « những chữ thật kêu », một cốt cách hấp dẫn? J.J. Rousseau, Voltaire có những tư-tưởng xuất sắc về dân-chủ, nhưng một người thì tính tình gàn dở, một người gầy guộc xấu xí; họ dám ra tranh cử với Bob Kennedy chẳng? Ngay ở trường hợp Dos Passos cũng thế: hiển nhiên ông là một nhân tài trong địa hạt hoạt động của ông; nhưng hạng văn-sĩ như ông, như Faulkner v.v..., đâu có được quần chúng tán thưởng. Vì không phải tùy thuộc ở lá phiếu của quần chúng, ông mới dám đi tới tận cùng sự tìm kiếm hiểm hóc và táo bạo trong kỹ-thuật và rốt cuộc ông vẫn « thắng lợi » đối với những văn-sĩ viết truyện trình-thám gián-điệp là những kẻ bao giờ cũng hốt được nhiều phiếu hơn ông. Trong nghề nghiệp, ông có cái may mắn hơn các chính trị-gia. Nếu sự thăm-định được phó thác cho khối quần-chúng mở rộng thì không phải là nhân tài bị hao sút, họ chỉ gặp trở ngại là có thể không được chọn.

Sự cách biệt quan-điểm giữa quần-chúng và một giới chọn-lọc đã nổi bật lên trong cuộc bầu cử hiện nay ở Mỹ. Các cuộc thăm dò đều cho thấy hệ quần chúng thích ông Rockefeller thì các đại-biểu đảng thích Nixon, quần-chúng thích Mc. Carthy thì đại-biểu đảng thích Hum-

phrey : Có kẻ nói đến những điều ám-muội xấu xa trong « bộ máy » đảng-phái, có ý chê rằng các cuộc chọn lựa ở đây không quang - minh chính - đại. Nhưng « bộ máy » vẫn hoạt-động từ hồi nào tới giờ, sao trước kia không có mâu-thuẫn ấy mà bây giờ lại có ? Phải chăng là vì quần-chúng ngày nay không ngoan-ngoãn tin cậy nữa, tỏ ra độc-lập hơn.

Quần-chúng bắt đầu thực-sự sử-dụng cái quyền mà luật-pháp dành cho họ từ các thế-kỷ trước, họ xác nhận ý muốn của họ, và qui-định hình-ảnh các lãnh-tụ. Hình-ảnh ấy có những điểm khác rõ rệt các hình-ảnh về vị lãnh-tụ trong quá-khứ. Ông Johnson đi vận-động tranh cử dẫn các cô con gái chưa chồng đến các trường Đại-học, ông Nixon đề lấp ló phía sau đường lối chính-trị của mình cái hạnh-phúc của cô con gái xinh đẹp, bà Marcos hoa-hậu, bà Kennedy lịch-sự, mái tóc của John Kennedy, hai chiếc răng cửa của Robert Kennedy v.v... những cái ấy mà có dính 'lưu đến chuyện tranh-giành trong cuộc tuyển trạch hiền tài, tranh giành ngôi-vị điều-khiển vận nước, đó là điều làm bật ngửa những bậc từng dày công suy-nghiệm về phép trị nước như Khổng-tử, Mạnh-tử, Montesquieu, Rousseau v.v... Nhưng chính các bậc này, cứ chăm-chăm chú-chú nghiên cứu phép trị nước, mà không lưu tâm đến những phản-ứng tình-cảm của quần-chúng, thì nếu ra đời vào lúc này các ngài cũng sẽ thua to. Cứ xem kết quả cuộc bầu-cử Thượng-viện ở Nhật vừa rồi thì biết. Được phiếu nhiều nhất là Shintaro Ishihara, một nhà văn trẻ ăn khách, viết rất bạo, bảnh trai (hình như có đóng phim ?). Rồi đến Yukio Aoshima, soạn-giả kịch-tuồng vô-tuyến truyền-hình ; Toko Kon, chuyên viết truyện

bình-dân ; Nock Yokoyama, anh hề quen thuộc của màn-ảnh vô-tuyến truyền-hình ; Hirobumi Daimatsu, vô-địch bóng chuyền v.v... Thoạt nghe có vẻ ngộ nghĩnh, nhưng nghĩ lại đâu có gì là lạ khi những phần-tử trên đây được quảng đại quần-chúng biết đến và có cảm tình hơn là các chính-tri-gia chuyên-nghiep, có « lý-tưởng » và « tư-tưởng » ?

oOo

Bà Arendt ao-ước một môi-trường chính-trị trong đó các thành phần ưu-tú được chọn lựa với nhau. Môi-trường ấy đã có ở các xứ cộng-sản : đó là cộng-đảng. Phải chăng vì vậy mà sự chọn lựa ở đây được xác-đáng : không có xứ cộng sản nào than phiền về nạn khan hiếm lãnh-tụ tài ba ; trái lại, lãnh-tụ nào của họ cũng được tung hô là anh-minh tốt bậc.

Nhưng rõ ràng thiết-lập một môi-trường như thế thật bất tiện. Gạt bỏ quần-chúng ra ngoài là chuyện không tưởng.

Trước, quần-chúng ở xa nhân tài lỗi-lạc quá, họ đề cho hạng « ưu-tú » ảnh-hưởng, hướng-dẫn, diu dắt. Thấy họ ngoan, các ngài mời họ tham-gia chọn lựa. Lộng giả thành chân, bây giờ họ ra tay chọn thực, các ngài trái ý đòi đuổi họ đi, lập môi-trường riêng ! Nhảm quá, đâu được ?

Mặt khác, khi chọn lựa đã chuyển về chiều hướng như hiện nay thì phải theo thời mà khen chê phê-phán các vị Tổng-thống chứ, sao vẫn khư-khư giữ các tiêu-chuẩn xưa ? Khi chọn, thì khoái những kẻ khả-ái, mồm mép, tóm lại là « thu hút » ; khi chọn xong lại đòi họ thâm-thúy, sáng suốt. Sáng suốt là thấy trước cái gì số đông chưa thấy tới, là

không tương-đắc với số đông: chết một cửa rồi, làm sao đắc cử nổi?

Gần đây, người ta có nói đến kỷ-nguyên của quần - chúng, đến nền văn-hóa đại-chúng v. v... Tuy vậy, giới của Dos Passos ít chịu ảnh-hưởng của tình-trạng mới hơn giới của Eisenhower mà ông ta chê trách. Dos Passos không được quần-chúng hâm mộ bằng các anh hề và anh viết kịch vô - tuyến truyền - hình, nhưng chọn giải Nobel thì vẫn là những ông hàn-lâm, phê-bình trên sách báo thì vẫn là những tay am - hiểu; trong khi ấy, bầu Eisenhower thì chính-khách, học giả, cũng chỉ sử-dụng có một lá phiếu.

Một bên được tùy ý, một bên bị bắt buộc phải vừa lòng quần - chúng. Đấng Christ với đức Thích-ca mà vừa trăm-tư vừa lo tiếp-tân, bắt tay mọi người, thắt cà-vạt cho khéo v.v... thì tư-tưởng các Ngài chắc chắn cũng bớt phần cao-siêu.

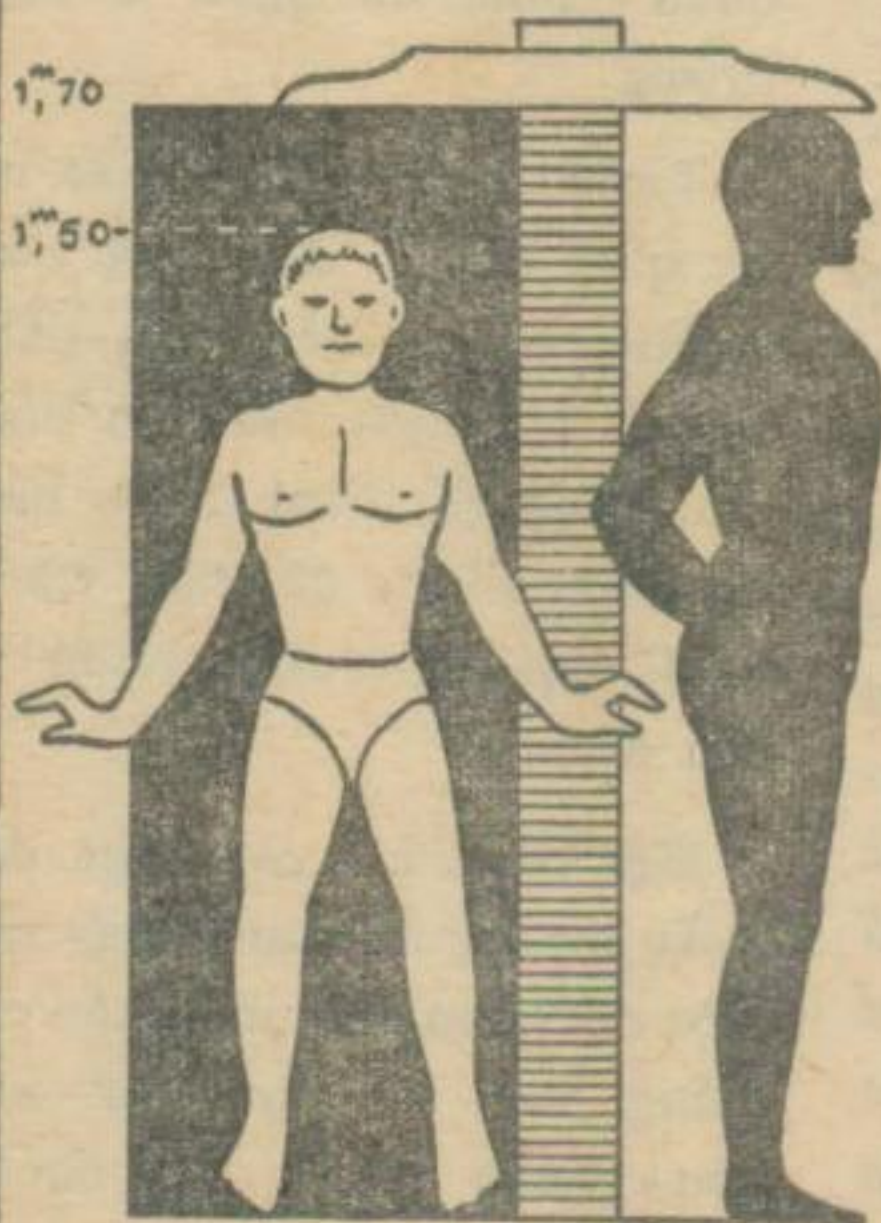
Đối với các lãnh-tụ của quần - chúng ngày nay, không nên quá khắc - khe. Được những lãnh-tụ càng ngày càng dễ thương hơn, một kết quả như thế không phải không đáng kể.

VÕ-PHIỂN

X - 68

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

Số KN 78 MEYTI/QCCDP

Khoa Nhân-học cơ-cấu của

CLAUDE LÉVI - STRAUSS

PHẦN II : CON NGƯỜI THEO TƯ TƯỞNG LÉVI-STRAUSS.

Cho đến nay, Lévi-Strauss luôn khước từ danh hiệu triết-gia. Ông bảo ông là một khoa-học-gia và chỉ làm công việc khoa-học. Trong thực-tế thì bất cứ nhà khoa-học nào, dầu là nhà vật-lý như Einstein, cũng có những quan-niệm về con người và cũng có thể được coi là những « triết gia bất đắc dĩ ». Riêng Lévi-Strauss thì sự thể càng rõ ràng : ông đã bắt đầu bước đường Đại-học bằng những năm theo đuổi triết học, ông đã thi thạc-sĩ triết học, nhưng rồi sớm chán ngấy triết học. Triết được dạy thời đó (khoảng 1921-1925) được ông tả như một thuyết « Nhất-nguyên duy-lý » (Monisme rationnaliste. Xem *Tristes Tropiques* của tác giả, Plon 1955, trg 42) : đó là một thứ học thuyết Hegel, nhằm giảm thu hai thực-tại thành một, nghĩa là giảm thu tất cả thực-tại vật-chất vào trong tâm trí con người. Sau đó Ông cũng theo rồi trào lưu Hiện-tượng-học và triết Hiện-sinh : nhưng Hiện-tượng-học « làm ông khó chịu bởi thuyết này quả quyết rằng thực-tại với kinh-nghiệm sống cũng là một » (Sđ, trg. 50). Và ông không thể chấp nhận triết Hiện-sinh, vì « trái ngược với

một sự suy nghĩ đứng đắn, và nhất là vì triết đó có xu hướng quá mạnh về ảo-tưởng của chủ-thể » (Sđ trg 50). — Trong khi đó, hai học-thuyết khác đã mở cho ông những chân trời mới : thuyết tâm-phân của Freud và thuyết duy-vật biện-chứng của Marx. Cả hai nhà tư-tưởng này cùng chủ trương rằng « không thể xây khoa-học về xã-hội con người cũng như không thể xây khoa vật-lý-học xưa kia trên những dữ-kiện của giác quan » (Sđ trg 49.). Khoa-học không phải là trí-thức bình dân, thứ trí thức làm bằng những gì mắt thấy tai nghe. Khoa học là thứ trí-thức nhằm khám phá những cơ-cấu ngầm, những dây chuyền ngầm đang thực sự chi phối những hành-vi hữu-thức của con người.

Lévi-Strauss chán ngấy triết-học cổ-điển, kể cả triết hiện-sinh. Nhưng ông không thể không đưa ra những nhận xét và cảm nghĩ của ông về con người. Thực ra ông đã « triết lý » khá nhiều, từ những cuốn đầu tay như *Tristes Tropiques*, đến những cuốn gần đây như *La pensée sauvage*. Nhất là nơi cuốn thứ

hai, được coi là phần xây dựng lý-thuyết của ông về con người. Như chúng ta biết, ông viết cuốn này ngụ ý đối chiếu quan điểm của ông với quan-điểm của triết-học xưa nay. Tuy nơi chương cuối cùng của cuốn sách (chương IX) ông mới chính thức lên tiếng đả kích Sartre mà ông coi là một đại diện cuối cùng của triết cũ, nhưng « ngay từ đầu cuốn sách, ông đã cố ý dùng một số danh-từ của Sartre » (*Pensée sauvage*, trg 324) để dễ bề phê bình.

Ông đã phê bình Sartre ở những điểm nào ?

a) Trước hết ông trách Sartre là duy-tâm và đã muốn thu giảm vũ-trụ vào trong tâm trí con người như Hegel : « Những ai bắt đầu bằng sự an nghỉ nơi những hiền nhiên hảo của cái Tôi, thì sẽ không bao giờ thoát ra ngoài được nữa. Những người chủ-trương đồng-nhất-tính của nhân-vị thường dễ sa vào cạm bẫy cho rằng con người là một cái gì dễ hiểu biết lắm. Sự thực thì Sartre đã trở thành người ngồi tù trong cái Cogito của ông... Ông đã nhấn mạnh về sự cách biệt giữa người cổ sơ và người văn-minh : điều này chỉ phản ánh cái mối dị biệt mà ông vẫn chủ-trương giữa Tôi và tha-nhân. » (Sđ trg 329-330). Đối với Sartre cũng như đối với Hegel, tha nhân là « phi ngã » (non-moi) : tha nhân là phản-đề, là hủy-thể, tức hạn-từ thứ hai của 3 hạn-từ biện-chứng-pháp (chính-đề, phản-đề, tổng-đề). Thế nên tha-nhân là mối đe dọa cho tôi. Hegel đã nói : giữa ngã và phi-ngã có một cuộc tử chiến một mất một còn. Phần Sartre thì cũng không bao giờ chấp nhận tha nhân : tha nhân là một khó khăn nan giải, tha nhân là địa ngục. Con người của Sartre cô đơn như

Thượng-đế trong triết học Aristote.

b) Từ thái độ duy-tâm, Sartre đã đề cao lý trí biện chứng (*raison dialectique*) là lý trí làm nên lịch sử : đây là mũi dùi mà Lévi Strauss đâm vào triết Sartre. Lý trí biện chứng tượng trưng cho lý trí bay lượn trên thế giới, lấy cái nhìn đề bao quát cả vạn vật trong quá trình tiến triển. Cũng vì thế Sartre coi tâm trí cổ sơ là giai đoạn hoang-sơ của tâm trí con người : người văn minh nhìn lại các thời xa xưa đó cũng như người lớn chúng ta nhìn lại thời thơ ấu của mình. Lévi-Strauss bảo Sartre viết thể là theo ảo tưởng vì ông đã này coi con người như một thứ « ý thức vô thời gian » (*conscience intemporelle*), siêu thời-gian, không bị kẹt vào thời gian nào hết, nhưng vượt trên mọi thời gian (Sđ trg 330). Con người đâu có là tinh thần treo lửng lơ ngoài không gian và thời gian ? Lévi-Strauss sẽ chứng minh không những con người gắn liền với thời đại mình, mà còn phải nói con người là kết tinh của các cơ cấu thời đại. Khi viết cuốn « *Critique de la raison dialectique* », Sartre tỏ ra lắm cảm, khi thì coi lý trí phân tích và lý trí biện chứng là hai thực tại đối nghịch nhau như Thượng đế và ma quỷ, lúc lại cho rằng hai lý tại đó bổ túc cho nhau (Sđ trg 324). Thực ra, vẫn theo Lévi-Strauss, « cách suy luận của Sartre cũng cùng loại với cách suy luận của những tác phẩm mà ông phê bình » (Sđ trg 325). Và kết quả là Sartre đã hạ giá những khoa học thực nghiệm (Sđ trg 325) và tỏ ra không hiểu một tí gì về cách suy tưởng của những dân tộc cổ sơ (Sđ trg 332). Sartre hạ giá các khoa học thực nghiệm vì khinh rẻ lý trí phân tích là nền tảng các khoa này. Và lý trí phân tích cũng là hình thái sơ-khai của tâm trí

so với lý trí biện chứng là hình thái kiện toàn ! Ông coi khinh sự suy luận của các thô dân vì họ chỉ biết dùng lý trí phân tích. (Lý trí phân tích là ý thức cụ thể của ta, phát xuất từ sự đụng chạm của sinh hoạt thiên hình vạn trạng của ta hàng ngày và luôn giữ tính chất *cụ thể* của nó ; trái lại lý trí biện chứng tượng trưng cho sự bay bướm của tinh thần con người, luôn đi từ tình trạng này qua trình trạng khác, và có bản chất là *không lệ thuộc* vào một cơ cấu vật chất nào hết : đó là quan niệm thông thường về hai loại lý trí).

c) Nhưng điều đáng trách nhất của Sartre, vẫn theo Lévi-Strauss, là đã *quên bài học của Freud và Marx*. Đúng hơn, Sartre đã chỉ nhớ một nửa bài học rồi cứ đó mà tán ra : « Chúng tôi tưởng Sartre đã chỉ nhớ có một nửa bài học hỗn hợp của Marx và Freud. Hai ông đã dạy rằng con người chỉ có nghĩa nếu ta đặt mình vào phương diện của ý nghĩa ; đến đây, chúng tôi đồng ý với Sartre. Nhưng rồi phải thêm rằng ý nghĩa này không bao giờ là nghĩa đúng : cái thượng-tầng kiến trúc là những hành vi hệt nhưng lại « thành công » về mặt xã hội, *les superstructures sont des actes manqués qui ont socialement « réussi »* (Sđ trg 335-336). Câu này tóm tắt cách đầy đủ mối tương quan đối nghịch giữa thuyết Sartre và thuyết Lévi-Strauss, nó giả thiết chúng ta đã làm quen với tư tưởng của Marx và Freud. Ta biết Sartre giảm trừ thực tại thành những ý-nghĩa cho con người (*le pour-soi*) : cái gì không có nghĩa cho tôi thì phải coi là vô nghĩa, lảm lý, buồn nôn (*l'en-soi*). Nhưng Sartre quên rằng con người sống trong ảo tưởng, cho nên ý nghĩa mà ta ý thức không bao giờ là nghĩa đúng sự thực : vô thức mới đúng

là căn bản thực sự và là tất cả thực tại con người. Sartre quên điều quan trọng này. Sartre đề cao những hình thái của sinh hoạt văn minh, nhưng văn minh là một « thượng tầng kiến trúc », tức một lối *suy tưởng* của con người : và Sartre quên rằng những thượng-tầng kiến trúc này do các hạ-tầng cơ-sở (*infra-structures*) mà phát sinh. Hạ-tầng cơ-sở là những điều kiện sinh hoạt kinh tế và xã hội. Chẳng hạn quan niệm về đạo vua-tôi là một thần thoại, một thượng tầng kiến trúc đã « thành công » trong việc bảo vệ trật tự xã hội một thời nào đó, nay phải nhờ khoa xã hội và kinh tế chính trị mới khám phá ra thực chất huyền hoặc của nó. Mấy chục năm về trước đây, ở nước « An nam » mình, ai dám nghi ngờ về sự chính đáng (đúng) của thể chế vua tôi ? Nay Sartre đòi phê bình những thể hệ trước, hỏi ông có quyền làm như thế không ? Quan điểm của Lévi-Strauss là con người nhất thiết bị kẹt vào trong cơ cấu xã hội thời đại mình : nếu Sartre sinh làm người An-nam và sống vào quãng những năm trước 1945 thì chắc ông cũng sinh hoạt và cảm nghĩ như mọi người An nam thời đó, nghĩa là coi thể chế vương quyền là đúng. Để hiểu rõ điều này, cần biết Lévi-Strauss nghĩ gì về con người.

oOo

Lévi-Strauss nghĩ gì về con người ?

Thay vì trả lời thẳng, ta hãy xem ông nghiên cứu con người theo chiều hướng nào. Ông đã chế nhạo Sartre vì cái nhìn *giả tạo* của triết gia hiện sinh này, sau khi đã lên án ông về tội duy tâm : « Rõ ràng những cảnh huống mà Sartre đã coi là điều kiện hình thức của

thực tại xã hội và được ông phân tích, đều thuộc vào loại những truyện tạp nhạp của đời sống xã hội (*des incidences secondaires de la vie en société*) : đình công, đấu quyền Anh, đấu túc cầu, chờ đợi xe buýt » (Sđ trg 330). Không nên tìm hiểu con người trong những hoàn cảnh giả tạo, và cũng không nên coi con người như một chủ-thể luôn luôn làm chủ mình và sáng suốt (ý thức) về mình. Thực ra Heidegger và Merleau-Ponty đã đề cao « sinh hoạt chưa ý thức » (*la vie pré-réfléchie*) và coi đó là điều-kiện để có thể có sinh hoạt ý thức, nhưng hai ông vẫn chia xẻ quan điểm của triết *logos*, coi con người là một chủ thể có khả năng phản tỉnh ngay sau từng hành vi. Lévi-Strauss và trào lưu Cơ cấu nghi rằng sự phản tỉnh từng lúc của mỗi người như thế vẫn phần nào là ảo tưởng, vì con người mắc kẹt vào thời đại của mình (con người không độc lập đối với môi trường kinh tế, văn hóa, chính trị của thời mình) : cho nên khi nào thời đại qua đi, con người mới thực sự bừng tỉnh. Như vậy con người của Lévi-Strauss « tại thế » một cách trọn vẹn và sâu xa hơn con người hiện-hữu-tại-thế của Heidegger nhiều lắm. Ông viết :

« Chỉ cần lịch sử xa rời ta trong thời gian, hoặc ta dùng tư tưởng để xa rời lịch sử, thế là lịch sử liền hết có thể ăn nhập với ta và cũng mất luôn tính chất dễ hiểu đối với ta, một ảo tưởng vẫn gắn liền với tình trạng ta tạm thời « ở trong » lịch sử đây. Tuy nhiên đừng ai bịa rằng chúng tôi bảo con người có thể hoặc phải gỡ mình ra khỏi cái tình trạng ở trong lịch sử đó. Con người không có khả năng làm điều này, và sự khôn ngoan của con người là hãy tự nhìn mình sống cái tình trạng « ở trong » đó, đồng thời nhận biết rằng (nhưng chỉ có thể nhận định như thế khi mình ở một

âm-giai, *registre*, khác) : cái mình đang sống một cách trọn vẹn và mãnh liệt đây cũng chỉ là một thần thoại ; người thế kỷ sau sẽ nhận ra như thế, và có lẽ trong mấy năm tới đây chính ta cũng nhìn nhận như vậy, nhưng đối với những người ở một chục thế kỷ sau ta thì sự thế không có vẻ như thế chút nào. » (Sđ, trg 38).

Xem thế mới biết quan niệm của Lévi-Strauss về thần thoại (hay huyền thoại) khác hẳn với chủ trương của nhiều tác giả khi họ cho rằng chỉ có con người sơ khai mới sống trong huyền thoại vì chưa suy luận bằng lý trí, — hoặc họ phân biệt thần thoại một bên, rồi truyền thuyết, cổ truyện v.v. một bên, — hoặc họ cho rằng thần thoại có tính chất tôn giáo, thần linh, nên khác với loại truyền kỳ. Theo Lévi-Strauss thì *con người sống thời đại mình như một thần thoại* (Freud đã bảo con người sinh ra trong vô thức, lớn lên trong mộng tưởng mà !). Cho nên ta không có quyền nghi mình là phản tỉnh và khinh các dân tộc cổ sơ là sống trong thần thoại : sau bảy tám trăm năm hay một ngàn năm, hậu thế sẽ mỉm cười về thái độ kiêu căng của ta và họ sẽ thấy ta cũng sống trong thần thoại như ta đã thấy các thế hệ xưa kia.,.

Tại sao ông dám quyết rằng con người sống thời đại mình như một thần thoại ?

Vì con người bị kẹt trong cái thời đại của mình. Kẹt thế nào ? Nói một cách giản dị thì mỗi người là một đơn-tổ của phân-tử xã hội : ta sống với xã hội, sống bằng xã hội và trong xã hội, ta chia xẻ những ý nghĩ, những ước vọng, những lo sợ, những khó khăn của xã hội, gây nên bởi những điều kiện vật lý, sinh lý, kinh tế, chính trị, văn hóa v.v. Con người không là chủ thể theo nghĩa

một hiện hữu gần như hoàn toàn độc lập đối với môi trường sinh hoạt : con người như thể chỉ có trong đầu óc mấy ông triết gia duy tâm. Con người thực tại là một sinh vật chịu ảnh hưởng đè ép của môi trường xã hội : giờ tay động chân là ta chạm vào những thềm chề, những giới hạn, những phê bình và những cấm đoán. Ngay cả những suy nghĩ của ta cũng bị chi phối bởi xã hội và cả một truyền thống văn hóa. Nếu hiểu chủ-thể theo nghĩa là hiện-hữu tự chủ, thì quả là thần thoại.

Cũng vì thế Lévi-Strauss dùng dân tộc-học để nghiên cứu về con người : thấy con người cỡ sơ bị kẹt trong thời đại họ thể nào, ta sẽ hy vọng (?) hiểu được tình trạng kẹt của chúng ta (tuy là ở một giai tầng khác). Tóm lại, lập trường của ông là : con người là một sinh hoạt thiên nhiên ; con người với môi trường sinh hoạt của nó cũng là một. « Theo hướng nhìn của chúng tôi, thì bản ngã không đối diện với tha nhân cũng như con người không đối diện với thế giới : những điều ta biết được qua con người đều là những gì của « thế giới », và bởi vậy chúng rất là quan trọng » (Sd, trg 328). Như thế con người nếu không là sản phẩm của môi trường thì cũng là kết tinh của những phản ứng đối với môi trường. Quan niệm của Lévi-Strauss là thế : có thể nói ông coi con người có cùng một « xương thịt » với thế giới sinh hoạt của nó. Con người của ông là con người thiên nhiên, nếu hiểu thiên nhiên theo nghĩa là sinh hoạt chưa phản tỉnh. Dưới đây là một trang quan trọng nữa của ông, nói lên hình ảnh con người theo nhãn quan của ông. Ông gọi con người là « chủ thể nói năng » (sujet parlant) vì ông dùng khoa ngữ học để thám hiểm thực chất sâu xa của con người sinh hoạt chưa phản tỉnh :

« Khoa ngữ học giúp ta gặp một hiện-

hữu biện-chứng và tổng-kết (un être dialectique et totalisant), nhưng lại ở ngoài (hay ở dưới) ý thức và ý chí. Là hành vi tổng kết không phản-tỉnh, ngôn ngữ là chính lý trí con người, một lý trí có những lý của nó mà con người không biết nổi. Nếu có ai vấn nạn rằng lý trí chỉ có vẻ như thế cho những chủ thể dùng khoa ngữ-học để nhìn nó từ bên trong, thì chúng tôi trả lời ngay rằng chủ thể nói năng (le sujet parlant) không thể có sự giả vờ như thế : bản chất của ngôn ngữ vẫn như thế từ khi chủ thể chưa hiểu biết gì về bản chất đó, mặc dầu chủ thể đã có thể dùng ngôn ngữ để nói năng ; nhưng rồi mai đây bản chất của ngôn ngữ sẽ vẫn cứ như thế, bởi vì lời nói của chủ thể đã không bao giờ và sẽ không bao giờ là thành quả của việc tổng-kết hữu-thức các định luật ngữ-học. » (Sd, trg 334).

Đối với ông, con người nói năng là hình ảnh con người sinh hoạt : ta nói, và chúng ta ai cũng nói năng, nhưng mấy người biết ngữ học là gì và đâu là những định luật ngữ học ? Hơn nữa, đâu có là nhà ngữ học đi nữa, thì khi nói năng, ta cũng nói năng như mọi người, nghĩa là không thể ý thức về các định luật kia. Khi nói năng, ta hiện hữu như « một hiện hữu biện chứng và tổng kết vô thức », vì hành vi tổng kết (tức tổng hợp tất cả trước sau) diễn ra « ngoài hay là dưới ý-thức và ý-chí. » Cũng như lời nói là một dàn âm thanh đúc kết nên bởi tương quan đồng tại (relation syntagmatique) và tương quan liên tưởng (relation associative), thì mỗi cử chỉ và thái độ con người mỗi thời cũng bị chi phối bởi cảnh huống lúc này của họ, và bởi những hình ảnh ăn sâu vào tâm trí họ qua những sự kiện văn hóa của dân họ Lévi-Strauss nói hành vi sinh hoạt này diễn ra ở ngoài hay ở dưới

ý-thức và ý chí : nói cách khác là vô thức.

Trên đây ta lại vừa gặp lại chữ «biện chứng». Lévi-Strauss nghi lý trí của ta biện chứng hay phân-tích ? Theo ông nghi nó là lý trí hoang sơ, tư tưởng hoang sơ (*pensée sauvage*), tư tưởng đúng như khi đang hình thành : đó là tư tưởng cụ thể, nằm giữa cảm giác và quan niệm (*entre percept et concept*), nên đáng gọi là lý trí phân tích hơn là lý trí biện chứng. Thực ra cả hai hình thái này chỉ nên coi là hai thể sinh hoạt của cùng một lý trí sinh hoạt cụ thể : « Đối với chúng tôi, lý trí biện chứng luôn luôn có đặc tính tác tạo : đó là chiếc cầu luôn luôn được nối dài thêm ra và do lý trí phân tích phóng bằng qua những vực thẳm, chẳng biết phía bờ bên kia ở mô tê, mặc dầu biết chắc rằng bên kia có bờ. Như vậy danh từ lý trí biện chứng chỉ nói lên những cố gắng liên li mà lý trí phân tích phải thể hiện để tự bồi bổ và bổ khuyết, nếu nó muốn là hình ảnh trung thực của ngôn ngữ, của xã hội, của tư tưởng. Sartre gọi lý trí phân tích là lý trí làm biếng ; còn chúng tôi lại gọi nó là lý trí biện chứng, lý trí căng cứng, luôn luôn căng thẳng bởi nó luôn luôn cố gắng để tự vượt chính mình. » (Sd, trg 326).

Nhìn lại hệ thống các thần thoại của dân Bororo, ta thấy họ tư tưởng một cách cụ thể, lấy truyện thần và truyện người gán cho tất cả mọi tương quan sinh hoạt trong thế giới sinh hoạt của họ. Nhìn vào cách nhận thức của họ, người ta thấy rõ hai đặc tính : đó là một hệ-thống chặt chẽ và có khả năng bao quát gần như vô cùng (Sd trg 287). Chặt chẽ, vì khi gọi tên một vật, họ luôn luôn dùng cả một hệ thống những cặp tương quan đối-

nghịch, và ấn định cho vật kia đứng vào chỗ nào trong hệ thống đó. Bao quát, vì không những họ có thể gói ghém tất cả vạn vật, thần linh và cây cỏ, vào trong hệ thống đó, họ còn dùng những tương quan thần thoại để nói lên những hiện tượng bất định và xa xôi, ngẫu nhiên và lạc lõng. Nhìn vào hệ thống gọi tên các vật và các tương quan vạn vật của họ, người ta thấy nó giống như một cây : gần gốc thì các cành mọc từng đôi rất đối nhau, nhưng càng lên tới ngọn thì sự đối xứng này càng bị lu mờ đi, như kiểu mất hút về phía đó (Sd trg 210). Phải chăng đó là hình ảnh của sự tiến từ những con số rõ ràng của toán Euclide sang những hình thức toán tổng quát của Riemann... Dầu sao thì dân Bororo đã chỉ dùng thứ ngôn ngữ rất cụ thể mà vẫn diễn tả được đủ mọi thứ ý tưởng.

Những nhận định của Lévi-Strauss trên đây về lý trí phân tích và cách tư tưởng của thổ dân có ý thấy bản chất con người là một sinh hoạt cụ thể và vô thức, vô thức gần như trong thần thoại. *Thần thoại không phải là tác phẩm* của con người : đó là *chính sinh hoạt* con người. Tác giả đã viết những câu đáng lưu ý : « Công việc phân tích các thần thoại không có và không thể có mục đích vạch cho thấy người ta suy tưởng thế nào. Chúng tôi không có tham vọng trình bày xem người ta đã suy tưởng thế nào trong các thần thoại, nhưng là trình bày xem các thần thoại tự suy tưởng thế nào trong người ta và người ta không hay biết gì, *comment les mythes se pensent dans les hommes et à leur insu.* » (*Le cru et le cuit*, trg 20). Như vậy là không có chủ thể hành động, không có chủ thể suy tưởng. Các tư tưởng suy tưởng ở trong tôi. Các thần thoại tự suy

tưởng ở trong con người. Nói thế cũng như nói : « Tôi không nói. Có lời nói ở nơi tôi. Tôi không quyết ; có sự quyết ở nơi tôi ». Tác giả còn viết thêm : « Như chúng tôi đã đề ra, có lẽ còn phải đi xa hơn, nghĩa là phải coi như không có chủ thể đề rồi nghiên cứu xem các thần thoại suy tưởng với nhau như thế nào. » (Sđ trg 20). Các bạn quen với lịch sử triết học, chắc liên tưởng đến Hume, triết gia đã nói rằng các ý-tưởng đơn sơ ở trong tâm trí ta như các diễn viên ở trong một phòng trò, và các ý tưởng đó liên kết với nhau nhiều thế nhiều cách để tạo nên những ý tưởng phức tạp của ta, chứ tâm trí chẳng có vai trò chủ động nào, vì tâm trí là cái sân khấu của phòng trò. Nhưng có khác : những yếu tố của Hume là những ý tưởng ở trong tâm trí ta, còn các yếu tố cấu tạo nên thực trạng con người theo Lévi-Strauss lại là những hoàn cảnh sinh hoạt cụ thể trong thiên nhiên. Dầu sao thì cũng có những nét tương tự, nên người ta mới gọi phong trào Cơ cấu là Tân Duy-nghiêm.

Khoa Nhân học chứng minh rằng không có con người. Rằng con người chỉ là một ảo tưởng. Chủ thể là một huyền thoại. Chủ thể, thực ra chẳng chủ động chút nào : đó chỉ là kết tinh của những cơ cấu thiên nhiên. Đoạn sách khá dài mà chúng tôi trích dịch để bạn đọc suy nghĩ sau đây nói lên khá đầy đủ quan niệm của Lévi-Strauss về con người :

« Thế giới đã bắt đầu không con người, và sẽ hoàn tất không con người : Những thể chế, những phong tục và tập tục mà tôi đã dành trọn cuộc đời để liệt kê và tìm hiểu, chỉ là hoa lá nhất thời của một loài thụ-tạo : đối với loài thụ tạo này, các thể chế

phong tục kia không có ý nghĩa nào khác, ngoài cái việc đề cho nhân loại có vai trò của mình trong đó. Vai trò này chẳng những không đánh dấu một sự độc lập nào của con người và nỗ lực của con người (mặc dầu đã bị lên án) chẳng những không phải là chống lại một cách vô hiệu quả với sự suy sụp của vũ trụ, nhưng thực ra phải coi con người như một bộ máy, có lẽ tinh xảo hơn các bộ máy khác : chiếc máy này đang từ từ làm tan rã cái trật tự nguyên-thủy và đun cái khối được tổ chức vững mạnh kia vào cái thể noạ-tính (inertie) càng ngày càng trầm trọng, cho tới cái thể im hẳn. Từ khi con người biết thở và biết kiếm đồ nuôi mình cho tới khi khám phá ra những khí giới nguyên-tử và hạch-tâm (trải qua sự khám phá ra lửa bếp), con người đã không làm gì hơn là hăng say phá-tán từng tí những cơ cấu đề rồi đưa chúng đến một tình trạng mà rồi chúng không thể hợp lại được nữa... Còn như những sáng tác của tâm trí con người, thì cũng chỉ có ý nghĩa cho con người thôi, và chúng sẽ sa vào hỗn mang một khi con người không còn nữa. Thành thử, nhìn vào toàn thể nền văn minh, ta có thể mô tả nó như một guồng máy phức tạp lạ lùng nhờ đó ta có thể hy vọng giữ cho vũ trụ sống sót, nếu văn minh đã không sản xuất ra cái mà các nhà vật-lý kêu là *entropi* (entropie), nghĩa là noạ-tính. Thay vì viết một sách về khoa « Nhân-học » (Anthropologie), có lẽ cần phải viết về khoa « Noạ-học » (Entropologie), một khoa sẽ có chủ đích nghiên cứu về quá trình tan rã kia trong các hình thái của nó...

Dầu vậy, tôi hiện hữu đây. Tất nhiên tôi không hiện hữu như một cá-vị : bởi vì, theo phương diện này, tôi là gì, nếu

không phải là mối tranh dành mỗi lúc giữa một xã hội khác, kết thành bởi vài tỷ tế bào thần-kinh được che đậy dưới xương sọ, và thân thể tôi, được coi là người máy (robot) cho cái xã hội kia? Tôi không thể tìm chốn nương thân nơi khoa tâm lý, hoặc khoa siêu hình, hoặc nghệ thuật: các khoa này bị coi là những huyền thoại và từ nay phải chịu quyền một khoa xã hội học kiểu mới sắp xuất hiện, và khoa này sẽ càng không dung thứ cho chúng hơn là khoa xã hội học trước đây. Cái Tôi không những đáng ghét: nó chẳng có chỗ đứng giữa cái *Chúng Ta* và cái *Không*. Và nếu kết cục tôi phải chọn cái *Chúng Ta* này (mặc dầu *Chúng Ta* cũng chỉ là một ảo ảnh), thì chính là vì trừ phi tôi tự hủy (và hành vi tự hủy sẽ làm mất hành vi chọn), tôi chỉ có thể chọn giữa ảo ảnh và cái *Không*...(Tristes Tropiques, trg 447-448).

Cái nhìn của Lévi-Strauss đượm màu chán nản, hoài nghi, lạnh lùng, đi từ vũ trụ hoang sơ đến vũ trụ hoang tàn: con người chỉ xuất hiện ở quãng giữa lịch sử trái đất, và những gì con người coi là xây dựng kỹ thuật và văn hóa đều bị ông cho là trò chơi của con người. Khi loài người không còn trên trái đất nữa, thì những cái kia cũng sẽ bị vứt bỏ như những đồ chơi của đứa con duy-nhất một gia đình già nua. Chủ ý của ông vẫn là « đánh bật con người ra khỏi trung tâm của thế giới », thế giới vật lý cũng như thế giới sinh hoạt. Nỗi bi quan của ông đã đi tới cực độ khi ông thấy văn minh càng ngày càng thì đua sản xuất vũ khí nguyên tử và hạch tâm, gây nên một sự nguy hiểm ghê gớm ngay về phương diện vật lý và sinh lý.

Đến đây, tư tưởng của ông tuy quá

đáng nhưng bao hàm nhiều sự thực. Còn như ông nói thế giới đã bắt đầu không con người và sẽ hoàn tất không con người thì có vẻ mơ hồ và không dựa vào sự kiện khoa học nào hết. Con người mới sinh ra gần đây, sau bao nhiêu giống kim thạch và sinh vật khác, nhưng nếu nhìn vào quá trình tiến triển của vạn vật trên trái đất như Teilhard de Chardin, Bergson và nhiều nhà tư tưởng có căn bản khoa học khác, thì người ta không thể tin như Lévi-Strauss rằng cuộc tiến hóa vĩ đại từ kim thạch đến sinh vật độc-tế-bào, và từ đây tới con người qua những giai đoạn vừa nhiều vừa xem như bất ngờ, rút cục rồi lại trở thành một cuộc thoái hóa của thiên nhiên. Khoa học chưa thể nói cho ta nghe rồi đây cuộc tiến hóa sẽ tiếp tục mang những sắc thái nào, và con người sẽ tiến triển ra sao, nhưng người ta không nghi rằng cái mũi tên tượng trưng cho cuộc tiến-hóa vĩ đại của toàn thể vũ trụ (mà con người hiện nay là điểm tiến xa nhất) lại có ngày quay trở lại tình trạng nguyên thủy hoang sơ.

Một điểm nữa khá rõ rệt trong quan niệm của ông về con người là không có con người cá vị, không có nhân-vị người, và họa may chỉ có hiện tượng người, nghĩa là xã hội người. Theo ông thì nhân-vị người không khác gì một thể trận, một mối tranh chấp giữa những tế bào thần kinh và cái khối xương thịt mà chúng ta gọi là thân thể con người: ông đã hạ giá con người thành một hệ thống sinh hoạt, chi phối bởi những giao động thần kinh và phản ứng bắp thịt... Phải chăng đây chỉ là một kiểu nói để trả giá cho cái quan niệm cơ cấu của ông về con người? Chứ nếu ông nói nghiêm chỉnh như thế, thì ai mà nghe được? Cũng như

sau đây vài chục dòng ông đã viết những câu sau đây, những câu cuối cùng của cuốn *Tristes Tropiques* : « Bao lâu chúng ta còn đây, và bao lâu thế giới chưa chìm vào hoang tàn, thì chỉ sự thú vị-ngoạn mới mang lại cho con người cái hạnh phúc mà con người đáng được : ngưng sự tiến bước (phá tán), hãm cái thói dứt nút hết cả những kẽ hở của bức tường tất-định như kiểu bít xong cái tù của mình, ... và trong những lúc thanh thoi mà cái loài của chúng ta cho phép ngơi tay, (tìm thấy hạnh phúc đó) trong sự ngắm nghĩa một cục kim khí xinh đẹp hơn tất cả những kỳ công của chúng ta, — thưởng thức làn hương của bông huệ, làn hương khoa học hơn tất cả sách vở của ta, — và trao đổi một cái nhìn nhọc mệt và đầy tha thứ với một con mèo» (Sđ trg 449).

Những câu như thế, viết thì được, và đọc cũng được, nghe cũng hay, nhưng thử hỏi ta có "sống" những câu như

thế được chăng ?

Tóm lại, phương pháp làm việc của Lévi-Strauss và khoa Nhân-học cơ-cấu của ông mang lại cho văn học nhiều đóng góp tích cực trong việc thám hiểm bản chất sâu xa của con người. Thực ra đây mới là giai đoạn khai phá, còn đầy những thí nghiệm chưa hoàn toàn bảo đảm, mặc dầu là đượm nhiều hy vọng. Còn như những quả quyết của ông về con người như kiểu những quả quyết mà chúng ta vừa nêu lên trên đây, ít nhất chúng ta phải nghi đó là những phán đoán có tính chất giáo-điều, thiếu căn cứ khoa học và triết học, vì vượt quá thành quả nghiên-cứu của phương pháp thực nghiệm được dùng trong khoa Nhân học. Chúng ta còn phải đưa ra nhiều nhận định quan trọng khác về Lévi-Strauss, nhưng hãy đợi phần tổng kết về khoa học nhân-văn .

TRẦN-THÁI-ĐÌNH

(10- VII- 1968)

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1433BYT D.P.Đ.



A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

B Á N Đ ẢO Ả R Ậ P

sau thế chiến thứ nhì

● NGUYỄN-HIÊN-LÊ

Bán đảo Ả Rập là đế quốc của Hồi giáo mà cũng là đế quốc của Dầu lửa vì Dầu lửa chi phối nó cũng như Hồi giáo, còn mạnh hơn Hồi giáo.

Hồi giáo xuất hiện thế kỷ thứ VII phải dùng mấy trăm ngàn quân trên một thế kỷ mới chinh phục được một đế quốc tuy là rộng lớn nhất thời cổ nhưng cũng chỉ gồm miền Tây Á, Trung Á, Bắc phi và tây nam Âu, tức khu ven Địa Trung Hải, Hồng hải, Vịnh Ba Tư, từ Đại tây dương tới sông Indus.

Dầu lửa mới xuất hiện ở tây bắc bán đảo Ả Rập (Mésopotamie) từ sau thế chiến thứ nhất—hiện nay ở Kirkuk du khách còn được trông thấy cái mỏ giếng dầu đầu tiên của Irak, cũng có thánh giá, cũng có mộ bi ghi ngày sanh 15.10.1927 và ngày tử 28-7-1940—mà chỉ trong ba bốn chục năm đã chinh phục được ba phần tư thế giới : Châu Âu, châu Á, châu Phi (1) và còn phát triển nữa vì người ta đã tính dầu ở bán đảo Ả Rập chiếm 80 0/0 dầu trên thế giới.

Hồi giáo hiện nay sau mười ba thế kỷ phát triển bằng gươm súng, kinh sách, nghệ thuật, mới có được khoảng 400.000 tín đồ, một phần bảy nhân số trên địa cầu; còn Dầu lửa Ả Rập thì đã «ban phước lành» cho ít nhất là một tỷ rưỡi người.

Nó còn linh thiêng hơn Mohamed : các chính khách, kinh tế gia lỗi lạc nhất Tây phương : Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Ý, Hòa lan, bây giờ lại thêm cả Nhật, chỉ đánh thấy cái hơi của nó thôi cũng đủ mê man, nhảy tung tung lên, hoa chân múa tay như bị vía Cô vía Bà nhập vậy. Ngay như người Mỹ trung thành rất mực với «the american way of life» (lối sống mỹ) mà cũng chịu nhin Whisky-soda, Coca-cola, nước cà chua, thịt bò hộp... mà ăn chà là, uống nước giếng, cải trang làm Ả Rập đi lang thang trong sa mạc để đánh hơi Dầu lửa.

Sức mạnh của Dầu lửa kinh khủng, cả Hồi-giáo, Ki-tô-giáo, Phật-giáo... chống lại cũng không nổi. Ta cứ ví dụ rằng bao nhiêu kinh sách của các tôn giáo đó bỗng mất hết và tất cả các tu sĩ trên thế giới bỗng ăn cháo lú, quên hết những lời Chúa dạy, Phật dạy thì nhân loại có thể kém văn minh một chút

(1) Châu Mỹ dùng dầu của Huê kỳ và Yénézuela.

nhưng nhất định là vẫn tồn tại. Nhưng nếu các giếng Dầu trên thế giới bỗng chết «bất tử» như giếng Kirkup năm 1940 thì chẳng những cả nền văn minh vĩ đại của chúng ta sụp đổ mà nhân loại sẽ chết đói chết rét đến một nửa là ít. Không có Dầu lửa thì không có điện, xe hơi, máy bay, máy cày, máy lạnh, máy sưởi, vân vân,, kỹ nghệ sẽ chết đứng và canh nông sẽ ngắc ngoải. Đã xây mả cho Dầu lửa thì tại sao người ta không nghĩ dựng tượng cho Dầu lửa ? Muốn cho xứng thì tượng phải cao lớn gấp hai tượng Thần Tự Do ở New-York. Vì Tự Do chỉ là một đứa con dinker của Văn minh cơ giới ngày nay — người ta bảo vậy — mà Dầu lửa mới chính là cha của Văn minh đó. Và tôi đề nghị cũng dựng nó ở cửa sông Hudson cho hợp tình hợp lý,

oOo

Ngay trên bán đảo Ả Rập chúng ta cũng thấy Dầu lửa thắng Hồi giáo.

Hồi giáo khó khăn lắm mới liên kết được các quốc gia Ả Rập ba lần 1948, 1956, 1967 trong các chiến tranh với Do Thái giáo, mà tội nghiệp quá, lần nào cũng lui đui. Có bảy quốc gia : Ai cập, Syrie, Liban, Jordanie, Irak, Ả Rập Séoudite, Yemen thì chỉ có ba quốc gia Ai Cập, Syrie, Jordanie là phát cờ Mohamed mà tiến quân còn các quốc gia kia đứng ở ngoài hô hào suông ; trong bốn quốc gia này, Liban, Yemen nhỏ quá không đáng kể ; Ả Rập Séoudite và Irak giàu lớn mạnh mà cũng lơ là với Thánh chiến là tại sao ? Chỉ tại họ có Dầu lửa. Tôi không bảo rằng vì họ thờ Thần dầu lửa mà phải tội với Allah ! Allah đâu có cho họ thờ thần nào khác.

Dầu lửa chia rẽ Ả Rập : Ả Rập Séoudite chống Ai Cập, Irak chống Syrie Koweit tách ra khỏi Irak đều là vì Dầu lửa cả. Họ chia rẽ nhau vì kẻ có Dầu lửa nghi kẻ không có Dầu lửa nuôi dã tâm chia nguồn lợi Dầu lửa của mình. Họ chia rẽ nhau về chính thể, cả về ý thức hệ nữa mà nguồn gốc cũng chỉ tại Dầu lửa. Hễ có hơi dầu lửa ở đâu thì có Anh, Pháp, Mỹ ở đó. Anh, Pháp, là những nước dân chủ, nhưng lại thích «dân bản xứ» cứ giữ chế độ quân chủ; còn Mỹ không thích chế độ quân chủ nhưng có bệnh nhạy cảm, hễ dân bản xứ mà đòi cải cách xã hội thì la bải hải rằng họ cộng sản phải cúp viện trợ. Thành thử ở Ả Rập các nước có dầu lửa đều là quân chủ hoặc thủ cựu; các nước không dầu lửa trái lại ham dân chủ cấp tiến. Sự tranh chấp giữa các đế quốc Đông, Tây làm cho tình trạng càng thêm rối thêm thảm. Tây có mỏ Dầu ở Ả Rập, dĩ nhiên ủng hộ giạt dây các nước có Dầu lửa ; Đông không có mỏ Dầu ở Ả Rập thì ủng hộ, giạt dây các nước không có Dầu lửa, nhưng cũng cố gây ảnh hưởng ở các nước có Dầu lửa và thế cờ nhiều lúc biến chuyển rất bất ngờ.

Do đó mà trong ba bốn chục năm nay, ở bán đảo Ả Rập xảy ra không biết bao nhiêu xung đột : xung đột giữa các đế quốc, xung đột giữa các quốc gia Ả Rập, xung đột giữa các đảng phái trong mỗi quốc gia. Có chiến tranh đế quốc, chiến tranh độc lập, chiến tranh chính trị tức chiến tranh xối thịt, có chiến tranh Dầu lửa, và từ khi có quốc gia Do Thái, thì thêm chiến tranh nội giống, tôn giáo nữa, nhưng chiến tranh nào truy nguyên ra cũng không trực tiếp thì gián tiếp liên quan tới Dầu lửa. Chỉ có chiến tranh cơm áo của dân nghèo là mới lấp ló thì đã bị lợi dụng, nhưng chẳng lâu đâu, nó sẽ bùng nổ ghê gớm hơn cả các

chiến tranh khác. Dân nghèo sẽ không than thở như Vũ Trọng Phụng nữa : ‘ Ôi ! con người mà có được cơm ăn thì sướng quá ! ’. Đồ mồ hôi như Chúa dạy mà vẫn không có cơm ăn thì họ sẽ đổ máu để giành lấy cơm ăn !

Không năm nào không có biến cố lớn hoặc nhỏ : lớn thì như cách mạng Ai cập, vụ kinh Suez, chiến tranh Ả Rập - Do Thái, Cách mạng Irak, nhỏ thì là các cuộc đảo chánh, cái tở nội các ở Syrie, Jordanie, Irak. Ở Syrie trong mười bốn năm có bảy cuộc đảo chánh, ở Jordanie vua Hussein ba lần xuýt toi mạng, lại có lần chỉ trong tám ngày bốn nội các bị giải tán.

Bán đảo Ả Rập là thiên đường của Ki-tô-giáo (vườn Eden trong Thánh-kinh nằm trên bờ hai sông Tigre và Euphrate ở Mésopotamie) mà cũng là thiên đường của các sử gia. Ai có tài như Will Durant, tác giả bộ sử vi đại The Story of Civi-lisation) (1) mà viết về lịch sử bán đảo Ả Rập từ thế chiến thứ nhất tới nay thôi, tất sẽ được một bộ dày gấp ba bộ Đông Chu liệt quốc là ít. Cũng li kì như Đông Chu : cũng em giết anh, bẽ tôi giết vua (chuyện này ở thời đại chúng ta thường quá rồi), bạn bè phản nhau, cũng những cảnh phi ngựa trên sa trường, nửa đêm leo vô thành địch, lại thêm những trận dội bom mà cớ nhân không được biết, rồi cảnh quân lính ủa vào hoàng cung giết trợn hoàng tộc, cảnh các hồ tắm ngào ngạt dầu thơm Chanel, cảnh các sứ thần qua lại hườm nượp các kinh đô, chỉ khác hồi xưa họ ngồi xe ngựa ngày nay họ ngồi phi cơ, hồi xưa họ chở từng xe vàng thì ngày nay họ ôm một cái cặp chứa một sắp chi phiếu.

Cũng có đủ các nhân vật kì dị : anh hùng cái thế như Hạng Võ thì có Ibn Séoud : chỉ có 40 cây súng tời, 40 con lạc đà ghẻ mà chinh phục được bán đảo Ả Rập ; chính khách lừng danh thì có Nasser : tôi không biết nên ví ông với nhân vật nào thời chiến Quốc vì có nhà coi ông là Tần Thủy Hoàng có nhà lại so sánh ông với Quản Trọng. Có ông vua chỉ ham xây cất cung điện, sử không chép ông ta có bao nhiêu bà phi chỉ biết hồi năm mươi tuổi, ông đã có bốn mươi người con ; có ông vua bôn ba như vua nước Đàng, nay qua nước này mai qua nước khác để cầu viện và rất ham lái xe hơi chạy như bay. Có vị Thủ tướng (tức như Tướng quốc thời Đông Chu) thờ ba trào vua, giữ chức được ba chục năm, hét ra lửa mà rồi thầy bị một chiếc xe máy dầu kéo lê đi khắp thành Bagdad, da thịt rớt từng mảnh trên đường, còn rùng rợn hơn cảnh Thương Ưởng bị xé thầy nữa. Rồi lại có một Thân Bao Tư tân thời : Ben Gourion qua Paris năn nỉ Guy Mollet giúp sức để diệt Ai Cập. Mà cũng có một Lỗ Trọng Liên : Thủ tướng Nehru.

Cũng như trong Đông Chu, sân khấu luôn dời chỗ : từ Rhyad ở giữa sa mạc chuyển qua Koweit rồi Le Caire trên bờ con sông Nil, từ Le Caire qua Amman, Damas, Bagdad nơi mà chim cu đua nhau gáy trong những vườn hồng rực rỡ, ngào ngạt, có khi người ta tụ về La Mecque hoặc Jérusalem, những đất thiêng nhất của thế giới, có hồi người ta tản ra trên bán đảo Sinai, trên bờ sông Jourdain.

(1) Một nhà xuất bản ở Pháp đang dịch, sẽ in thành 31 cuốn mỗi cuốn chắc tới 300 trang khổ lớn.

Từ khi Đức đầu hàng (tháng 5 năm 1945), rồi Nhật cũng buông khí giới. (tháng 8 năm 1945) bán đảo Ả Rập qua một giai đoạn mới, giai đoạn độc lập. Trái hẳn với thể chiến trước, bản đồ Ả Rập không bị vẽ lại : ta vẫn thấy những đường ranh giới thẳng băng hằng mấy trăm cây số, chẳng theo địa hình địa thế gì cả, rõ ràng là do thực dân Anh, Pháp vạch với nhau trên giấy từ cuối thế chiến thứ nhất, y như họ cầm dao mà cắt một ổ bánh bông lang vậy. Thật kỳ cục ! Một sự vô lý cùng cực như vậy mà tồn tại không biết tới bao giờ nữa. Chỉ có biên giới Transjordanie là thay đổi một chút, nhưng không phải là hậu quả của thể chiến mà là hậu quả của chiến tranh Israël-Ả Rập năm 1948-49. Một điểm khác nữa : các miền tô xanh hay đỏ của Anh hay Pháp trước kia, bây giờ đều trắng. Bán đảo Ả Rập đã độc lập, nhưng chưa thống nhất.

Nó đã độc lập, đã thức tỉnh nên biến cố trong hai chục năm nay xảy ra rất nhiều, gấp cả chục lần cái thời nó thiếp ngủ dưới bàn tay sắt của Anh Pháp. Từ Đông qua Tây, từ Bắc tới Nam, miền nào năm nào cũng phát sinh phong trào này phong trào khác (xứ Ả Rập Séoudite tương đối yên lặng hơn cả) chẳng chịt với nhau, càng theo dõi càng thấy rối như tơ vò. Cho nên đề giúp độc giả có một tổng quan, chúng tôi nghĩ cần nêu trước dưới đây những hậu quả quan trọng của thể chiến thứ nhì; những hậu quả đó như những đầu mối chúng ta cần nắm vững để khỏi lạc lối trong cái mê hồn trận là bán đảo Ả Rập trong giai đoạn tranh giành nhau ảnh hưởng giữa Nga và Mỹ.

1.- Đọc chương trên, độc giả đã nhận thấy các quốc gia Ả Rập muốn gỡ cái ách của Anh (Pháp đã thất trận, không

đáng kể) và ở phía Đông, Irak đã nổi dậy, ở phía tây, Ai Cập cũng rục rịch nổi dậy. Cả hai nơi, phong trào cách mạng đều do quân nhân khởi xướng, tổ chức. Điểm đó đó khác hẳn với nước ta. Sở dĩ vậy vì hai nước đó trước chiến tranh, đã được coi là độc lập, nghĩa là có chính phủ gọi là tự trị, có quân đội, dù là bị Anh kiểm soát, họ có tướng tá, có trường võ bị, có khí giới. Ở nước ta thời đó trái lại chỉ có mỗi một ông Năm (đại-tá Xuân) thì lại là dân tây, mười ông ách, và một số lính khố xanh, khố đỏ nên phong trào cách mạng do các đoàn thể nhân dân chứ không thể do quân đội gây nên được.

Tuy hai phong trào cách mạng ở Ai-Cập và Irak đều thất bại, nhưng các sĩ quan vẫn giữ vững tinh thần và hết chiến tranh họ nắm lấy cơ hội mà tiếp tục cuộc cách mạng chính trị và xã hội.

Từ năm 1948 (chiến tranh Israël-Ả Rập) trở đi, họ lần lần nắm được chính quyền, thay thế các vua chúa hủ lậu, thối nát. Ở Damas là thống chế Zaim, đại-tá Hennaoui và đại-tá Chichakly; ở Le Caire là tướng Neguib và đại-tá Nasser; ở Amman (Jordanie) là tướng Abou Nuwar, ở Bagdad là tướng Kassem. Có người thành công giữ quyền được lâu, có người thất bại mới cầm quyền đã bị lật; nhưng xét chung họ đều có nhiệt huyết và khá liêm khiết (điểm này cũng khác với miền Đông Á chúng ta nữa) vì họ thực là những nhà cách mạng chứ không phải là hạng thừa nước đục thả câu, dựa vào thế lực này thế lực khác đảo chánh rồi chia nhau xôi thịt. Họ là phần tử tấn bộ trong nước, đa số còn trẻ, có tinh thần xã hội. Họ thực tình tủi nhục vì thấy cả khối Ả Rập phải thua 650.000 người Do Thái năm 1949; họ phản uất vì thấy bọn vua chúa trụy lạc, coi quốc gia là của

riêng lo vơ vét dùng bọn tôi tới vào những chức cao (tên tài xế của Farouk được đặc cách mang lon đại tá mặc dầu không hề học về quân sự), họ đau đớn vì thấy hạng dân đen bị bóc lột, sống điều đứng khổ hơn con vật, mất cả tư cách con người nhưng tới nay họ vẫn chưa thực hiện gì được nhiều.

2 - Họ gần gũi với nhân dân, hiểu nguyện vọng của nhân dân, sống giản dị, thường tiếp xúc với nhân dân, có thói hay diễn thuyết, họp báo tuyên bố, giảng giải đường lối của họ, khác hẳn bọn vua chúa sống trong thâm cung, lâu lâu mới ra mắt quốc dân một lần. Ngay các quốc vương lớp mới như vua Hussein xứ Jordanie cũng theo trào lưu. Vì vậy mà sân khấu chính trị chuyển từ những kinh đô cổ như Ryhad (Ả Rập Séoudite) tới những thị trấn đông đúc như Le Caire Bagdad, Damas, Beyrouth, nhất là Le Caire ngã tư quốc tế, nơi tụ họp đủ các đại diện của các cường quốc và của thế giới thứ ba, tức các nước chưa phát triển, nơi mà «tình cảnh cùng khốn an phận, lặng lẽ của châu Phi tiếp với cảnh cùng khốn phần uất, hung hăng của châu Á.»

3.- Sau thế chiến thứ nhất Ả Rập chỉ

đổi chủ, Thổ đi thì Anh, Pháp, Ý tới. Sau thế chiến thứ nhì, Anh, Pháp, Ý cũng phải cuốn gói. Ý không xứng làm chủ Tripolitaine, và người ta thành lập ở đó một vương quốc độc lập : Libye. Pháp phải trả độc lập cho Syrie và Liban, Anh hy vọng Syrie và Liban sẽ liên kết với Jordanie và Irak, hai xứ này còn chịu ảnh hưởng của Anh, và như vậy Anh sẽ kiểm soát được miền lưỡi liềm phì nhiêu. Nhưng trái với ước vọng của mình, Anh mất gần hết ảnh hưởng ở các nước đó, may lắm còn giữ được quyền lợi dầu lửa ở Irak. Theo tôi, có ba nguyên nhân :

— Anh rất khéo xử ở Ấn Độ, Miến Điện mà lại vụng xử ở Ai Cập, cố bám lấy quyền lợi, không chịu nhả ra đúng lúc, cho nên bị Ai Cập ghét mà các quốc gia Ả Rập khác cũng không ưa.

— Anh cho Do thái thành lập một «quê hương» ở Palestine, làm cho tất cả các dân tộc Hồi giáo đều oán Anh.

— Các quốc gia Ả Rập thấy Anh đã suy, không giúp đỡ gì được mình trong việc phát triển kinh tế, cả trong việc thành lập một quân đội nên hướng về các cường quốc khác : các cường quốc này là Mỹ rồi tới Nga.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-HIỂN LÊ

THƯ-LÂM ÁN THƯ-QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn
Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cở áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào :
Trương-mục Bưu-điện số 2.701 Thư-Lâm ấn thư-quán.

Cuộc hí trường

Nhiều người trẻ ngày nay yên trí cái trường hát cô bán vé với chỗ diễn bên trên là sân khấu, sau là hậu trường, trước là chỗ ngồi của khán giả, có lớp lang, trật tự, vốn đã có từ xưa. Sự thật, tình trạng rạp hát của ta được tổ chức như thế là hoàn toàn theo quan niệm nghệ thuật và phương pháp kinh doanh của Tây phương, sau biến cố 1862. Nghĩa là từ khi Thực dân pháp đã đặt nền cai trị, lập nhà hát Tây tại Saigon.

Sân khấu của Việt-Nam ngày trước ra sao ?

Thế kỷ XVII ở cung đình, vào thời chúa Nguyễn-phúc-Chu, chưa thấy có một sân khấu dành riêng để đóng tuồng. Thích Đại Sán, tác giả quyển Hải ngoại ký sự (1) có viết « trong tiệc có diễn kịch, Quốc vương dắt bốn tiểu hầu (nữ ca vũ) đến ; dọn lại bàn tiệc, nhường bốn tiểu hầu của vương hát trước. Trong cuộc hát, chủ nhân đặt một cái trống lớn (trống chầu) bên sân khấu, thỉnh thoảng điểm hai ba tiếng trống, cũng một ý nghĩa như gõ nhịp thuở xưa vậy ».

Trong bản dịch trên đây, có nhiều chữ chuyên môn về trình diễn như *kịch*, *tiểu hầu*, *sân khấu* *trống chầu*. Tôi không rõ nguyên chữ Hán là chữ gì và chắc người dịch bản văn này không chú

ý đến các chi tiết ấy nên người đọc có thể lẫn lộn cho đây là hát bộ. Nhưng tôi đoán thời đó ở Huế chưa có hát bộ và nếu là diễn viên hát bộ, tác giả người Trung Hoa phải viết là « Lê viên », và chẳng ông có thêm « thanh điệu lạ lùng bộ tịch đường lối cũng khác » thì lại càng chắc không phải hát bộ, vì nếu là hát bộ, ít ra ông cũng còn nhận diện được khi so sánh với các ngành sân khấu của miền Nam Trung Hoa (Thích Đại Sán người phương Nam) mà hát bộ ta chịu ảnh hưởng sâu đậm. Còn về trống chầu thì ta nên nhớ hát cô đầu, chèo ở Bắc, cũng đều có trống chầu từ xưa. Chỉ đáng chú ý là chữ sân khấu. Nhưng chữ này cũng là một sự suy diễn của dịch giả vì ở trên có nói « dọn lại bàn tiệc » thế thì ta đoán cuộc hát diễn ra ngay trong nhà đãi tiệc, và chính chúa tự cầm chầu « Vương rất cao hứng, tự đánh trống điểm nhịp cho bạn hát ». Như vậy, thời Nguyễn-Phúc-Chu thế kỷ XVII, nhà vua và các nhà quyền quý có nuôi các « tiểu hầu » để hát múa và việc trình diễn chưa có nhà hát, sân khấu riêng biệt.

Thế kỷ XVIII, theo một bức hình trong « A voyage to Cochinchina » của John Barrow đăng lại trong « Iconographie

(1) Viện Đại Học Huế xuất bản : 1963 trg. 129

historique de l'Indochine française» (1) thì ta đã thấy có rạp (tức là nhà lớn làm tạm rồi dỡ đi), diễn viên đóng giữa rạp dưới đất và khán giả ngồi vòng chung quanh. Nơi diễn viên xây mặt ra (tức chỗ Barrow đứng chụp ảnh) có lẽ là chỗ ngồi của quan khách. Bức hình cho thấy vở tuồng đang ở độ gay cấn : về phía trái, một người đang hăng hái ngăn chặn đôi nam nữ tiến vào giữa; ở giữa, một diễn viên đóng vai lão, mặt có hóa trang sơ sài, mang râu trắng dài, điệu bộ có vẻ rất «tuồng». Tuy nhiên, chưa có xiêm, y, mũ, măng gì. Điều này cũng không thể vì thế mà bảo những diễn viên này không phải đang đóng tuồng hát bội : cho đến đầu thế kỷ XX, nhiều diễn viên ở miền quê vẫn còn ở trong tình trạng dùng những liên đối may áo, giây lạt buộc chân, tấm vải màu buộc lên đầu... một cách đơn sơ, nghèo nàn. Nhưng nếu quả quyết bảo họ đóng theo lối hát bội cũng chưa đủ bằng cứ.

Có thể đó là loại «tuồng» riêng của Việt-Nam, trước khi chịu ảnh hưởng sâu đậm của tuồng Triều (Triều-Châu) Trung Hoa ? Tuy nhiên, dù thế nào, nhìn qua sân khấu này, người ta cũng dễ dàng nhận thấy ba ưu điểm lớn :

— a/ Diễn viên có vẻ sở trường, có phép tắc.

— b/ Việc đạo diễn đã vững.

— c/ Khán giả rất say mê và có trật tự. Thế kỷ XIX là thế kỷ huy hoàng nhất của hát bội và văn học hát bội phải được xem là nền văn học chủ yếu của thời kỳ văn nghệ rạng rỡ này.

Trong Nam, Lê-văn-Duyệt dựng « nhà hát bội » gần phủ Tổng thống (1) không thấy tác giả nói gì về các nhà hát này. Chỉ biết là qua các tài liệu khác, ban hát dưới quyền điều khiển của Đội nhất

Chiêu và gồm nhiều kép trứ danh. Cũng sau đó, trang 89, tác giả có ghi thêm một di tích khác về rạp hát ở gần Cầu Muối « Ngày Saigon bị Tây chiếm binh ta rút lui, bỏ lại đây tro troi mấy dãy nhà xơ xác, mặc tình mưa sa, nắng táp. Chỗ này cũng còn giữ được một rạp hát bội và một ngôi đình xưa đề y tên cũ : rạp hát và Đình cầu Muối » cũng như trước đó, trang 88, ông ghi « Cái cầu Quan đã nói nơi đoạn trước, chính ở gần con đường Bồ rết, đứng ra ở đường Kitchener, chỗ ấy nay còn một ngôi đình một rạp hát bội còn giữ tên xưa « Đình cầu Quan » và « Rạp hát cầu Quan » như lúc cựu thời. »

Như thế, cho chúng ta biết là Saigon thuở xưa có nhiều rạp hát bội và hình như rõ ràng là có cơ sở vững chắc như những nhà hát cổ ở Huế, nhưng không rõ hạng người nào đứng ra lập và họ có thu lợi không ? Vì như tôi đã nói trên kia, sự bán vé, thầu tiền vv... là do ta mới bắt chước người Pháp sau này. Tuy nhiên, trong Nam thời đó đã có nhiều người giàu khét tiếng. Người ta còn kể chuyện một bà họ Lê, giàu nứt đổ đổ vách, khi chết đi con cháu, trong thì làm chay, ngoài dựng rạp hát bội (trong chay ngoài bội) thuê ban hát, hát cả năm cho dân chúng xem thì chắc hạng giàu ấy cũng đủ sức đề bảo trợ cho một rạp hát không cần thầu tiền khán giả.

Ở Miền Trung, các tỉnh không có những rạp cố định, ngoại trừ Huế. Bên Gia-Hội có lập nhà Thanh Bình để dân chúng xem và cũng là nơi thờ tổ, nơi cư trú của ba đội võ ca của nhà vua. Các phủ đệ cũng có những ban hát riêng. Vua xem hát ở nhà Duyệt Thị. Người ta

(1) Trích lại của Tập san Sử-địa số 9-10-1963

(1) Saigon năm xưa, Vương hồng Sên. Tự Do 1960 trg 119

cũng hay nhắc nhở những nhà hát của Lý Lập, Bang Ớt, Mệ Khướu xem như là lâu đời; những rạp của Hoàng Chín (Thượng Tứ) Bà Chúa Nhất, cung An Định (An Cựu) Chúa Tám (Kim Luông) v.v... là của các hoàng thân quốc thích có vào đầu thế kỷ này.

Ngày xưa, chưa có những đoàn hát đi này nơi nọ. Trước hết là các đội : ở Huế, ba đội võ ca dưới quyền một *quản* võ ca (1). Ban này là của nhà vua. Ở các Vương phủ, cũng có các đội và những diễn viên giỏi cũng được lên chức đội, nhưng thuộc phủ-phòng chứ không phải đội võ ca là hạng có phẩm hàm chính thức như các võ quan triều đình. Các quan lớn ở các tỉnh có những ban hát mình tự nuôi lấy bằng cách cho họ chân lính hay giúp họ vài đặc ân. Các đại phú gia cũng lập ra những ban hát riêng. Khác với ban hát là các gánh hát. Gánh hát thường do những người có tài, nổi tiếng trong ngành hát lập nên. Các nhà giàu cũng có khi lập đề vừa giải trí vừa cho đi hát dạo. Thường thường là do những người biết hát, ham nghề chung lại tạo dựng rồi chờ có ai mời thì đi hát. Người cầm đầu kiêm đạo diễn gọi là *nhưng*. Những gánh này không thu tiền vé nhưng được thưởng bằng thẻ khi hát hay. Tiền thưởng là của làng hay của một cá nhân nào lên cầm chầu. Số tiền ấy thực sự chẳng bao nhiêu, tuy vậy, nó cũng là một khuyến khích đặc lực cho nghệ sĩ. Và lạ lùng ! Tuy thu được ít tiền như thế, nhưng nghệ thuật của người viết tuồng cũng như của diễn viên lên rất cao đi đến chỗ điêu luyện, trong khi lúc đã lập trường hát, lãnh được nhiều tiền, tình trạng tốt đẹp ấy dường như không còn nữa... song đó là chuyện về sau.

Bây giờ chúng ta thử đi tìm những cái rạp hát thực sự của Việt-Nam xem. Nó vốn không có ! Nhưng lập tức nó sẽ có nội trong một hai ngày, nếu cần phải hát. Hát vào những lúc nào ? Lúc làng có việc cúng tế, xóm có việc kỷ yên, ông quan nọ về hưu, cậu con trai ông xã đã đỗ đạt, hát tá thờ (2) v.v. Ông Tô-đức-Phúc trong bài Hát-Bội và đánh bài Chòi (3) có viết « *Hát Bội Bình Định ngoài việc mua vui và giải trí cho khán giả như những bộ môn sân khấu khác còn được dùng vào việc trả lễ ở đình, miếu, chùa chiền hoặc ở tư gia.*

Những người gia sự có việc hệ trọng đã lỡ van vái sẽ trả lễ bằng một thứ tuồng hát bội, sau này dù cho chuyện thành hay bại cũng phải hát trả, nếu không, họ tin rằng sẽ bị thần linh quấy phá đòi cho kỳ được. Việc hát lễ vì thế quan trọng vô cùng : phải coi năm, coi ngày xem có hợp với lời hứa chẳng. Tục ngữ có câu : « Nhất tạo gia nhĩ ca xướng » chính vì lẽ đó.

Ở các tỉnh từ Quảng Nam vào Bình Định, Phú Yên, các tỉnh trong Nam, những cái rạp dựng vội vàng, bằng tranh tre đơn sơ như thế là chuyện thường. Có khi người ta làm rạp ra giữa sông như nhà Thủy tạ, ngồi trên ghe mà xem, hoặc kết mấy chiếc ghe lớn lại rồi đóng tuồng ngay trên đó. Hát làng trên xong lại đến xã dưới. Dân làng này có dịp sang làng khác đề « thông cảm » đề nhậu nhẹt và cũng đề ít cô gái bỗng dưng biến thành... mẹ bất ngờ. Không khí rạp hát không phải không khí trường hát ! Đó

(1) Thế kỷ này, người cuối cùng là quản Phước

(2) Tôi sẽ viết riêng một bài nghiên cứu các loại hát phụ của hát bội.

(3) Văn-dân số 22 năm 1963

là một buổi đại lễ náo nhiệt như chưa bao giờ ! Chung quanh cái rạp hát cất vôi vàng cũng cất vôi vàng những cái quán con con bán đủ thứ rượu lậu, thịt chó . . . Chưa đến hát lễ (buổi hát đầu sau khi cúng tế xong) mà các chiếu bạc sóc đĩa, những cái bàn tào cáo đã mở ra lung tung, đôm đốp, qui tụ không biết cơ man nào là trẻ con. Đàn bà con gái lo dọn dẹp cho xong nhà cửa để chờ đến giờ (thường khai mạc giờ 12 hay 1 giờ sáng và bế mạc giờ 12 hay 1 giờ chiều) là rủ nhau đi xem, không ngại những chàng trai liêu lĩnh, ở những vùng hẻo lánh, dám nhảy xổ ra, vác trên vai chạy băng đồng. . . . Lạ lùng nhất là nhiều lúc vây cộp — gọi là vây Hội — do làng và tổng tổ chức (1) là một việc cấp thiết, thế mà cũng có nơi vừa đóng nọc làm rào, đánh trống nêo, phèng la inh ỏi, lại vừa mời bạn hát tới, dựng rạp đóng tường ! Những ông điền chủ ở nơi thâm sơn cùng cốc thường trước nhà có sân rất rộng. Muốn tiêu khiển, siêng năng thì kéo qua sân một tấm màn, lười thì thôi rồi rủ bạn hát đến đóng tường để xem và trả giá bằng bữa ăn có thịt heo rừng, thịt nai mới giết được.

Đó là những cảnh người ta vẫn bắt gặp ở thôn quê Việt-Nam có lẽ không chỉ ở thế kỷ XIX, XX, mà còn cả các thế kỷ trước vì nhiều nơi đã thành tập tục và những ông già bà cả ngót trăm tuổi vẫn chỉ biết là lớn lên đã thấy như thế rồi, chỉ có trước kia ít hơn, khó tổ chức hơn mà về sau dễ hơn và có qui mô hơn.

oOo

Miền Trung Việt các ban hát thực sự có bề thế, gây tiếng tăm lừng lẫy là vào cuối thế kỷ XIX. đầu thế kỷ XX, do

một sự tình cờ vừa ngạo mạn vừa đau xót của lịch sử.

Thời kỳ này, khi các phong trào Cần Vương, Văn Thân, nổi lên rồi bị đánh bại, tiêu diệt, ai cũng biết là do những viên quan phản quốc tên tuổi lừng lẫy một thời; miền Nghệ-tĩnh : Hoàng Cao Khải ; Quảng Nam : Nguyễn Hiền Dững xem như phụ tá Nguyễn Thân; Quảng Nghĩa : đại việt-gian Cần chánh Nguyễn Thân; Bình Định : một người Nam là Trần Bá Lộc, liên kết với Nguyễn Thân.

Về tên Trần Bá Lộc, tôi không biết hẳn có mê hát bội không, chứ những tên mà tôi vừa kể xong thì không chỉ mê hát bội mà họ còn là những nhà tổ chức, đạo diễn, viết tường ký tài. Trong bọn họ, có Đào Tấn tương đối ít mang tiếng nhất nhưng sự kiện ông này ra làm quan ngay với Đồng Khánh lúc mới lên ngôi, giữa lúc anh hùng cứu nước đang mài gươm, chúi súng ; rồi liền năm Đồng Khánh thứ hai thăng «Quang lộc tự khanh» lãnh Thừa thiên Phủ doãn — đoạn đường cuối của Nguyễn Công Trứ ! — thì ta có thể suy nghĩ nhiều về tinh thần ái quốc của ông. Ông lên quan tước mau, sung Cơ mật viện đại thần, lãnh Thượng thư bộ Công, lúc chết có quốc triều tử tế, và «quý bảo hộ ủy phái quan binh tổng táng» (2) ! Ở một vài nơi nào đó, ông Quách Tấn vẫn có bệnh vực cho Đào Tấn, nhưng tôi tưởng Quách quân đã dùng nhiều cảm tính hơn lý tính. Chẳng hạn sự kiện Đào Tấn làm khó dễ một tên

(1) Xin xem Vây Hội : truyện của Nguyễn văn Xuân sẽ đăng.

(2) Đào Nhữ Tuyên, con của Đào Tấn-Tài liệu Phan Duy.

bồi của Khâm sứ mà cho là quan trọng để biện minh cho tư cách, nhân phẩm Đào Tấn thì tôi nghĩ quá ít ỏi : không nói hạng Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải, hạng thứ yếu như Nguyễn Hiền Đình, (tục gọi ông tuần an quán) cũng dám đánh Công sứ Quảng Trị một bạt tai rồi phải về hưu, nữa là... Sự thật, hạng này họ không phải gan liền gì, nhưng họ ý y là sau lưng họ có những công trạng lớn, và họ tưởng người Pháp không nỡ quên và không dám quên... Nhưng thực sự, người Pháp không cần họ nữa !

Cả một bọn mê hát bộ này đều đứng lên hăng hái chống lực lượng Cần vương. Hạng bên trong (Đào Tấn) sửa sang kỹ cương, phép tắc, hạng bên ngoài : Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân, Nguyễn Hiền Đình, lãnh đạo quân triều, điều hành chính trị. Và lạ lùng ! không biết các tuồng hát đã ảnh hưởng tới bọn chúng đến mức độ nào mà chúng đã xử sự y như trong tuồng hát. Ai hay xem hát bộ, thường cũng đề ý đến ba vở tuồng tuyệt kỹ này : Sơn Hậu, Từ Thứ qui Tào, Ngũ Hồ bình Liêu. Vở thứ nhất và ba là hai viên ngọc quý nhất của văn học và nghệ thuật. Cả ba vở đều có một điểm trùng nhau : đối phương khi bị thua, hoặc chưa thắng đã dùng một ác kế, một quỷ kế : bắt mẹ của người chủ nhốt để kẻ ấy hoặc phải đầu hàng hoặc phải dẫn mình vào cỏi chết. Và cả ba vở tuồng đều dẫn đến cái phản ứng hết sức thảm thiết, đau đớn, tuyệt vọng của các người con. Địch Thanh phải rút bỏ tình yêu đi đoạt Trân-châu kỳ ; Từ Thứ bỏ « chân chúa » là Lưu Bị để về hàng « Ngụy Tào » và Đồng-Kim-Lân xuýt nữa cũng bỏ vua mình để về với Tà nếu giữa lúc ấy

Phản Diệm không nẩy ra độc kế để bẫy đối phương ! Trong cả ba tuồng, Từ-Thứ còn ít bi lụy, chứ đến Địch Thanh nhất là Đồng-Kim-Lân thì khán giả cứ là đồ nước mắt theo ! Mà làm sao không đồ nước mắt khi mẹ già bị treo trên thành, bị đánh, bị đốt ! Chàng đã ngã xuống ngựa, chàng nằm lăn qua sân khấu, chàng hát những câu nào nùng, khóc bằng những lời tuyệt vọng... Và chàng chỉ còn nước xin hàng với điều kiện quay về ít ngày để bái tạ Chúa cũ.

Người ta đã treo cái gương hiếu của Kim Lân mà không treo cái gương trí, cái gương «chính trị» của một người được đời xưng tụng : Lưu Bang (sau là Hán Cao Tổ). Gặp trường hợp Hạng Vũ đem thân nhân mình ra đặt trên thớt, họ Lưu chỉ cần nhẫn là khi nào thịt cha mình, hãy gọi cho mình bát nước «xúp» ! Và chính nhờ sự lãnh đạm khôn ngoan, tài đóng kịch xảo quyết đó mà Vũ không dám giết cha Bang và về sau Bang cứu được cả gia đình.

Đồng-Kim-Lân là hiếu tử, là trung thần (?) trên sân khấu và thường được nhận những tiếng trống chầu dồn dập nhất, kèm theo những cái thẻ tre tung lên sân khấu như mưa ! Ấn tượng đó in vào trong óc khán giả hát bộ sâu sắc ngần nào khiến họ chỉ nhìn chữ hiếu theo phương diện và quan điểm ấy.

Bọn phản quốc này đều dở ngón bá đạo khi chúng cầm quân.

Trần Bá Lộc ở Bình Định bắt hết lý hương và tráng đinh trong hạt Bình Khê cùng bà cụ thân sinh của Mai anh hùng

(Mai Xuân Thưởng) đem tổng giam (1) và hẹn sẽ giết nếu Mai Xuân Thưởng không về. Cuối cùng, cụ Mai phải trở về chịu chết với câu nói bất hủ :

«Chỉ có đoạn đầu tướng quân, chớ không có hàng đầu tướng quân.»

Ở Quảng Nam, Nguyễn Thân đã bắt mẹ Nguyễn-Duy-Hiệu, người cầm đầu Cần vương tỉnh này. Tuy Nguyễn-Duy-Hiệu chưa đầu hàng ngay nhưng rồi ông cũng đầu hàng để bị xử-tử ở Huế. Thời kỳ này, Nguyễn-Hiến-Dinh là phụ-tá đắc lực của Thân.

Ở miệt Nghệ Tĩnh, Hoàng Cao Khải đã dõ trò quân sư quật mồi bằng cách dùng lời thống thiết viết thư kêu gọi Phan-Đình-Phùng về đầu hàng Pháp. Nhưng nhà ái-quốc họ Phan đâu có mắc lừa anh chàng sáng tác tuồng lấu cá. Đã thế, ông còn dùng đoạn cuối bức thư đáp cho họ Hoàng đề mắng xía mấy câu đích đáng. Nhưng cha mẹ cụ Phan dù chết rồi mà có yên không ? Qua bức thư của Hoàng-Cao-Khải, Khải cho biết những người đã từng về đầu thú thì các đại hiễn quí quan lập tức điện về tỉnh nhà « bắt trả lại mồ mả và tha cả bà con về ». Như thế, bà mẹ đã quá cố của cụ Phan nằm dưới mồ, tất cũng không khỏi rên siết vì gót sắt dẫm lên trên và sự đe dọa đào quật lên vào một lúc nào đó. Mẹ chết điều linh khác nào mẹ sống.

Bọn phản quốc đã thành công rực rỡ trong các công trình vô nhân đạo nhất của chúng. Trừ Trần Bá Lộc tôi chưa rõ, (2) nhưng mưu mô của Trần, chắc cũng là của Nguyễn Thân vì ai cũng biết cả hai tay này « khét tiếng Miền Trung, cả hai đồng thủ vai tuồng đánh bại Mai Xuân Thưởng vùng Bình Định (3) » ; Sau khi thành công bọn chúng bấy giờ mặc sức mà tổ chức Thái-bình đầu ca đề gây ảo

tưởng trong nhân dân về cảnh an cư lạc nghiệp giả tạo và đề đề cao lòng trung quân bịa đặt.

Cũng do thế mà chưa bao giờ ngành hát bộ được chiếu cố một cách đặc biệt đến thế. Các ban hát lớn nhất, rực rỡ xiêm y nhất, chạy dọc theo giải trường sơn, tạo nên những quang cảnh hết sức náo nhiệt để thu hút quần chúng. Ở Quảng Nghĩa, nơi mà truyền thống hát bộ yếu kém, Nguyễn-Thân đã lập ra ban hát khét tiếng. Về đạo diễn và diễn viên, y gọi người ra Huế học ở nhà Thanh Bình. Việc diễn xuất rất có quy tắc. Nhiều nghệ sĩ tên tuổi xuất hiện (xem phần diễn viên). Đặc biệt, y cho sắm hai bộ trang phục bằng gấm đặt may ở Thượng-Hải. Một bộ mặc vào ngày thường, một bộ những ngày có đại lễ hay tiếp tân

(1) Quách Tấn : Giai thoại văn chương Bình Định. (Văn nghiên cứu và phê bình văn học số 2 năm 1967.) Về tên Trần Bá Lộc này, có thể gọi y là tên việt gian tối tàn nhẫn. Người ta kể y có nhiều hành động tàn ác, dã man. Trong quyển «Saigon năm xưa (sđd) ông Vương Hồng Sên cũng có kể một số giai thoại, nào chém người như chém chuối, quết trẻ con trong cối như quết chà.. nhưng kinh dị nhất là những kẻ y không giết mà lại cho lãnh về. Bằng cách gì ? Y cho bỏ người đàn ông vào một cá «bao» bít kín đầu chân chỉ cho hở «bộ đồ kín». Người vợ đến nhận diện chồng qua bộ đồ kín ấy, đúng thì cho lãnh về. «Néron là bạo quân tàn nhẫn, Lê Ngọa Triều bạo chúa xú danh, còn chưa nghĩ ra việc này !»

(S.N.X.trg 162-163)

(2) Theo Vương Hồng Sên, Lộc theo Thiên-Chúa-giáo, hành động như thế để trả thù các nhà ái quốc chủ trương sát tã. Saigon năm xưa sđd trg 162

(2) Theo sách « L' Indochine » (Souvenirs) par Paul Doumer, Vibert et Nony Paris 1905 trg 162 do Vương Hồng Sên trích.

trọng thề (1). Xiêm, y, mũ, măng thật lộng lẫy, rực rỡ như các ban hát lớn của Trung-Hoa. Các độc giả có đọc một truyện ngắn của Nguyễn Vỹ, ngày trước in trên Tiểu Thuyết Thứ-Bảy đề "Cái vết đỏ trên má công nương", kể chuyện con gái Nguyễn-Thân mê kép hát, lén vào buồng hun kép hát, lúc ra, người cha bắt gặp vết đỏ trên má liền cho đem chém đầu kép hát, chắc không hẳn là chuyện bịa. Người ta cũng kể lại là Nguyễn-Thân thích những nữ

diễn-viên đẹp và có tài; khi họ đang mặc trang phục trong vai tuồng, y bắt thẩn cho dừng hát, gọi về buồng riêng để có cảm tưởng mình đang ân ái với Trại Ba, Dương-Quý-Phi thật trong xiêm y lộng lẫy ấy! (2)

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

(1) Lúc chết, y có chia cho Nguyễn Hiền-Dĩnh một phần trang phục này.

(2) Vương Hồng Sển kể chuyện Diệp-Văn-Cương cũng có máu ấy, chỉ khác là khi đã vãn hát!

Đã phát hành :

VIỆT

tờ báo vận động nghệ thuật về nguồn

Số 2, tháng chín, một chín sáu tám

TRẦN HỒNG QUANG, THÁI NGỌC SAN, NGÔ VĂN BAN, YÊN MY, TRẦN DUY PHIÊN, NGÔ KHA, MƯỜNG MÁN, TRỊNH CÔNG SƠN, ĐÔNG TRÌNH, TRẦN CAO BẰNG, NGUYỄN NGŨ, TẦN HOÀI DẠ VŨ.

Thư từ, Bài vở gửi về : Nguyễn văn Bồn
Hộp Thư số 3, HUẾ

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél : 93 741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétilénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Bầu cử Tổng-thống và nền dân-chủ Hoa-kỳ

III. BẦU CỬ TỔNG-THỐNG VÀ NGUYÊN TẮC DÂN CHỦ

Các nhà nghiên-cứu chính-trị-học thường tự hỏi : hệ thống bầu-cử Tổng-thống Hoa-kỳ có phù hợp với nguyên-tắc dân-chủ hay không. Sau khi đã phân tích tỉ mỉ hệ-thống bầu-cử này họ đã phải đi tới một kết-luận là cuộc bầu-cử Tổng-thống Hoa-kỳ có nhiều tính-cách phản dân-chủ hơn là tính-cách dân-chủ. Tuy nhiên chúng ta phải đặt mình vào khuôn khổ của lịch-sử chính-trị và xã-hội Hoa-kỳ mới hiểu nổi rằng những tính-cách phản dân-chủ này không phải là những trở ngại khó vượt đối với mức tiến-bộ của Hoa-kỳ.

Trái lại chính chúng đã đưa Hoa-Kỳ tới mức tiến bộ ngày nay.

A) Tính-cách phản dân-chủ của cuộc bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ

Tính-cách phản dân-chủ của cuộc bầu-cử Tổng-thống Hoa-kỳ cũng như của các định-chế khác của quốc-gia này là một điều không làm cho người ta ngạc nhiên lắm. Thật vậy, trong khi các nước khác đã thay đổi Hiến-pháp nhiều lần, Hoa-kỳ từ 181 năm nay vẫn giữ nguyên bản Hiến-pháp soạn-thảo tại Philadelphie năm 1787. Như

vậy các định-chế Hoa-kỳ chỉ là phản-ảnh của các tư-tưởng thế-kỷ thứ 18 mà người ta gọi là « thế-kỷ ánh-sáng » (Siècle de la lumière) nói chung và là phản-ảnh tư-tưởng của Montesquieu nói riêng. Quan-niệm về vai trò của các đoàn-thể trung gian trong việc giới-hạn độc tài do Montesquieu đề xướng trong cuốn Vạn-pháp tinh-lý đã được các nhà lập hiến Mỹ áp dụng. Nhưng quan-niệm này là quan-niệm của một nhà quý-phái vì Montesquieu rất hãnh diện là gia đình mình đã có tới « 350 năm quý-phái ». Một trong các đoàn thể trung-gian có nhiệm-vụ giới hạn quyền-hành của bạo-chúa (despote), theo Montesquieu phải là quý-tộc. Trong một xã-hội mới mẻ như xã-hội Hoa-kỳ lúc mới lập quốc không có quý-tộc, người ta phải lập ra những đoàn-thể ưu-tú (corps d'élite) để giữ nhiệm-vụ bảo-vệ tự-do. Các đoàn thể này là Quốc-hội và cử-tri-đoàn Tổng-thống.

Như vậy ta thấy rằng sở-di cuộc bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ không được dân-chủ vì nó là sản-phẩm của một tư-tưởng quý-phái.

Với những tiến-triển của định-chế, cuộc bầu cử này vẫn giữ nguyên bản-chất quý-phái của nó. Theo hệ-thống bầu cử Tổng-thống nguyên-thủy, dân lựa-chọn trước, các đoàn-thể trung-gian lựa sau. Sự tiến-triển của định-chế đã đưa tới trường hợp ngược lại, đoàn-thể trung gian chọn trước, dân chọn sau. Dân chọn trước hay dân chọn sau thì quyền lựa chọn Tổng-thống vẫn thuộc về đoàn thể trung-gian. Chỉ có mỗi khác biệt giữa hệ-thống nguyên thủy và hệ-thống hiện tại là đoàn-thể trung gian có quyền tuyển chọn Tổng-thống giờ đây là các chính đảng thay vì là cử-tri đoàn Tổng-thống và Quốc-hội.

Sau hết vì Hiến-pháp 1787 hãy còn được giữ nguyên cho tới tận ngày nay nên định-chế Tổng-thống vẫn còn đầy tính-chất phản dân-chủ. Thật vậy, Quốc-hội lập-hiến tuy từ bỏ ý định thành lập chính-thể quân chủ ở Hoa-kỳ tương tự như vua Anh quốc. Nhưng vua Anh mà Quốc-hội lập hiến hời đó lấy làm kiểu mẫu khi ng phải là một Nữ-hoàng Elisabeth II vô quyền của thế kỷ thứ 20 mà là vua George III của Anh vào năm 1787, người đã áp bức các thuộc địa Mỹ-châu đến nỗi họ phải nổi loạn để lập ra một quốc-gia Hoa-kỳ riêng biệt. Vì vậy mà các nhà lập hiến đã trao cho quốc dân bầu Tổng-thống để vị này có được đủ uy tín nhưng cũng đồng thời giới-hạn quyền lực của Tổng-thống bằng cách dùng các đoàn-thể trung-gian. Từ năm 1787 tới nay định-chế quân-chủ Anh đã tiến triển theo hướng dân-chủ-hóa trong khi định-chế Tổng-thống Mỹ vẫn giữ nguyên tính-cách phản dân-chủ lúc ban đầu.

Tính cách phản dân-chủ của cuộc

bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ còn được thấy ở trong thể-thức bầu cử nữa

Trước hết, trong giai đoạn đầu, khi tại các tiểu-bang người ta bầu đại-diện đảng vào Đại-hội toàn quốc thì tính cách dân chủ đã không còn nữa rồi. Thật vậy khi tiểu-bang áp dụng hệ-thống Đại-hội là quyền lựa chọn hoàn toàn do các chính đảng nắm giữ. Tuy các lãnh tụ đảng theo dõi kết quả của các cuộc điều tra dư-luận, nhưng khuynh hướng chung là chọn một nhân vật có thể phục vụ quyền lợi của đảng hơn là phục vụ quyền lợi của toàn thể quốc dân. Vì vậy tại Đại-hội đảng của các tiểu-bang người ta chỉ cử những đại diện nào ủng hộ một nhân vật được coi là có lợi cho đảng mà thôi. Đã phản dân-chủ như vậy, hệ-thống Đại-hội lại được tới $\frac{2}{3}$ các tiểu-bang áp dụng.

Hệ-thống bầu-cử sơ-khởi tương đối dân chủ hơn. Tuy nhiên, trên thực-tế nó cũng không hơn gì hệ-thống Đại-hội. Tuy dân chúng bầu các đại-diện để những người này bầu một nhân-vật được dân chúng ưa thích làm ứng-cử-viên Tổng-thống. Nhưng thường thường tại Đại-hội toàn quốc các đại-diện đảng lại chọn ứng-cử-viên Tổng-thống theo đường lối của đảng hơn là theo ý muốn của dân chúng. Hơn nữa một nhân-vật thắng ở một tiểu-bang này có thể vì bại tại tiểu-bang khác mà phải rút lui, khiến các đại-diện đảng của tiểu-bang trước không còn có thể ủng-hộ được nhân-vật này nữa. Như vậy trong cả hai trường-hợp, ý muốn của dân chúng đều không được tôn trọng.

Tại Đại-hội toàn quốc của đảng, các nhân-vật cấp tiến thường bị loại tuy họ nhiều lần thắng phiếu tại các cuộc bầu-cử sơ khởi. Đó là trường-hợp các ông

Mac Carthy của đảng Dân-chủ và ông Rockefeller của đảng Cộng-hòa bị loại tại Đại-hội toàn quốc năm nay (1968). Trong khi đó các nhân vật bảo thủ thường được các lãnh tụ đảng ủng hộ, nên thường được thắng phiếu như ông Nixon của đảng Cộng-hòa và ông Humphrey của đảng Dân-chủ cũng trong năm nay (1968).

Khi cuộc bầu-cử Tổng-thống được tổ chức, thể thức bầu cử cũng không dân-chủ gì hơn. Dân chúng chỉ được lựa chọn một trong hai nhân-vật mà thôi. Trong trường hợp dân chúng không thích cả hai ứng-cử-viên thì họ cũng chẳng có thể bầu một nhân vật thứ ba. Vì nhân vật này không được hai đảng lớn ủng hộ bằng tiền bạc và phương tiện thì dù có một số người bỏ phiếu cho cũng vẫn chẳng có hy vọng gì đắc cử.

Sau hết, bầu-cử theo thể-thức liên danh đa số một vòng (scrutin de liste majoritaire à un tour) và lấy đơn vị bầu-cử là cả một tiểu-bang đã đưa tới những sự bất công và đôi khi đưa tới một vị Tổng-thống đắc cử với thiểu số thăm.

Thật vậy, thể-thức bầu cử này có nghĩa là tại một tiểu bang, mỗi đảng đưa ra một danh sách các ứng-cử-viên của cử-tri-đoàn Tổng-thống. Nếu đảng nào chiếm được đa số thì chiếm trọn số đắc cử, dù liên-danh của hai đảng chỉ chênh lệch nhau rất ít. Năm 1960, tại tiểu-bang Illinois, ông J.F. Kennedy chỉ hơn ông Nixon có 6000 phiếu mà lại được trọn cả 27 cử-tri Tổng-thống của tiểu-bang, và tại tiểu-bang Texas ông Kennedy cũng lấy được toàn-thể 24 cử-tri Tổng-thống mà chỉ trội hơn đối thủ có 6000 phiếu. Trong cả hai trường hợp ông Nixon tuy chỉ kém có 6000 phiếu mà không được một cử-tri Tổng-thống nào.

Nếu thay vì lấy tiểu-bang làm đơn vị người ta chia tiểu-bang làm nhiều đơn-vị nhỏ hơn như các quận (distriet), mỗi đơn vị được quyền có một số cử-tri thì chắc chắn cả hai đảng đều có thể có cử-tri Tổng-thống trong mỗi tiểu-bang. Như vậy cuộc bầu cử tránh được nhiều bất công.

Kết quả của thể-thức bầu cử liên danh đa số một vòng còn đưa tới một kết quả vô cùng phản dân chủ là có những Tổng-thống thắng cử tuy vẫn kém phiếu đối thủ. Thật vậy một ứng-cử-viên đắc cử có thể chỉ thắng phiếu bằng những đa số rất nhỏ tại nhiều tiểu-bang trong khi ứng-cử-viên thất cử đã thắng phiếu tại một số ít tiểu-bang khác với những đa số rất lớn. Năm 1876 Hayes đã đánh bại Tilden trong khi Tilden lượm được hơn Hayes 6000 phiếu. Năm 1888 Harrison đã đắc cử Tổng-thống với 100.000 phiếu kém đối thủ của ông là ông Cleveland.

Với thể thức bầu cử nói trên, một đảng thứ ba khó có thể cạnh tranh với hai đảng lớn. Đảng thứ ba cũng được nhiều cử-tri ủng-hộ tại các tiểu-bang. Tuy nhiên vì cả tiểu-bang được chọn làm đơn-vị bầu-cử nên số cử-tri của đảng thứ ba này khó có hy vọng chiếm được đa số trong toàn tiểu-bang. Vì vậy ông Wallace ra ứng cử nhiều lần mà vẫn thất bại. Thường thường một đảng thứ ba chỉ lượm được một vài phiếu lẻ tẻ của một vài cử tri Tổng-thống. Những cử tri này đã mượn màu sắc Cộng-hòa hay Dân-chủ để được đắc cử. Sau khi đắc-cử họ không tôn trọng kỷ luật đảng nên bỏ phiếu cho một nhân vật thứ ba. Năm 1960 một cử tri Tổng-thống thuộc đảng Dân-chủ đã bỏ phiếu cho thượng nghị-sĩ Thumond thay vì là ông Kennedy.

Ngoài ra một đảng thứ ba không có đủ phương tiện tài chánh để vận động bầu cử mạnh mẽ dù đảng này có được một tầng lớp dân chúng nào đó nhất thời ủng hộ.

Sau hết, định-kỳ bầu cử Tổng-thống cũng không tôn trọng nguyện vọng của dân chúng nữa. Cứ đều đặn 4 năm một lần, tại Hoa-kỳ người ta bầu Tổng-thống. Dù Tổng-thống có mệnh chung trong nhiệm-kỳ hay ngay trước khi nhậm chức người ta cũng không bầu lại mà để cho Phó Tổng-thống kế vị. Sự đều đặn này tránh cho các đảng phái tổ-chức thêm những cuộc tranh-cử tốn kém, nhưng lại bắt buộc dân chúng phải chấp nhận vị Phó Tổng-thống cầm quyền trong một thời hạn có thể là cả một nhiệm kỳ Tổng-thống. Đó là điều mà dân chúng có thể không ưa thích vì khi chọn Tổng-thống người ta chỉ ủng hộ riêng một người và những đức tính mà dân chúng gán cho người đó. Dân chúng không mấy để ý tới Phó Tổng-thống vì vị này không giữ nhiệm-vụ gì quan trọng. Không tổ chức bầu lại mà lại để một nhân vật ít được quần chúng lưu ý lên làm Tổng-thống là một điều phản dân-chủ vì không tôn trọng nguyện-vọng của dân-chúng.

Giai đoạn vận động tranh cử Tổng-thống cũng đầy tính cách phản dân-chủ. Thật vậy, để bảo đảm sự đắc cử của một người, các đảng không ngần ngại tung tiền ra để cổ động. Kỹ thuật quảng cáo thương mại xuất hiện trong chính trị để quảng cáo cho ứng-cử-viên của đảng với cử-tri như người ta Quảng cáo một thứ hàng.

Xử dụng kỹ thuật quảng-cáo thương mại đưa tới hai hậu quả quan trọng.

Hậu quả đầu tiên là tiền bạc đã trở thành một phương-tiện cầm quyền. Muốn có quyền cần phải có tiền. Vị nguyên-thủ của một quốc-gia do đó lệ thuộc vào các nhóm tư bản, và được bầu để bảo vệ quyền lợi của nhóm này. Nền dân-chủ Hoa-kỳ do đó là một nền dân-chủ mà căn-bản là kim-tiền. Như vậy nếu Tổng-thống không giàu có thì cũng là sản phẩm của tầng lớp người giàu có. Điều này là một sự kiện được người dân Mỹ chấp nhận dễ dàng vì theo quan-niệm Mỹ, người ta phải có tài mới làm giàu được. Nhưng quan-niệm này chỉ đúng vào thời-đại của cuộc Tây-tiến Với thế-kỷ thứ 20, quan-niệm này không còn đúng nữa vì những người giàu của xã-hội Mỹ hiện thời không phải tự lập ra sự-nghiệp của họ. Họ không phải là những người thân lập thân" (self made man) mà người Mỹ hằng quý trọng. Họ chỉ là những người thừa kế di sản của tiền nhân.

Xử dụng kỹ-thuật quảng-cáo còn đưa tới hậu quả thứ hai là một số lớn các người đắc cử Tổng-thống Hoa-kỳ đều là những người bất tài. Thật vậy dân chúng chỉ lựa cá nhân. Người ta đã cố gắng gán cho cá nhân này những đức tính giả tạo như biết nói, biết cười, biết trình diễn để làm vừa lòng cử-tri. Những đức tính này nếu các ứng-cử-viên có thật cũng không có lợi gì cho việc trị nước. Khi ông Nixon ra ứng-cử Tổng-thống năm 1960, trong một buổi nói chuyện truyền hình, một khán giả hỏi ông có yêu con ông không, và người ta nghe thấy một giọng trẻ con của con gái ông trả lời rằng: « Có ba tôi luôn luôn chơi với chúng tôi ».

Dân chúng chỉ lựa chọn cá nhân mà

không để ý tới tư-tưởng của ứng-cử-viên. Vì vậy chương-trình của đảng hay của ứng-cử-viên ít được người ta lưu ý. Trong những cuộc tranh-luận truyền-hình mà người ta nói là « hào hứng » giữa 2 ông Nixon và Kennedy năm 1960 người ta luôn luôn thấy cả hai ông nói « Tôi đồng ý với đối-thủ của tôi ».

Nếu trong lịch-sử Hoa-kỳ người ta thấy có những vĩ-nhân như Lincoln, Cleveland, hoặc Roosevelt, Wilson, Kennedy thì đây cũng chỉ là một thiểu số so với con số 36 vị Tổng-thống của Hoa-kỳ. Những nhân vật quá ưu-tú hay quá trí-thức thường không được dân chúng ưa thích. Ông Stevenson chỉ vì được nhóm trí-thức Harvard ủng hộ mà bị mất phiếu. Những người có thực tài, tiếng tăm lừng lẫy như Hamilton, nhà đại thẩm phán Marshall, Clay, Calhoun, Webster, Hay, Root đều không hề được đảng chỉ-định :

B/ Quan-niệm dân-chủ của Hoa-kỳ

Nếu nhìn toàn bộ cuộc bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ người ta thấy nhiều tính cách phản dân-chủ. Tuy nhiên nếu xác định rằng cuộc bầu cử này phản-dân-chủ thì cũng là kết luận quá hấp tấp.

Thật vậy, ta chỉ có thể đi tới một kết luận đứng đắn nếu ta tự đặt vào khuôn-khổ chính-trị Hoa-kỳ.

Dân Hoa-kỳ là một dân-tộc duy-lý. Họ không chú trọng nhiều tới nguyên-tắc, lý-thuyết, mà họ chỉ để ý tới-khía cạnh hữu-hiệu.

Theo họ bầu Tổng-thống theo phổ-thông đầu-phiếu đã là dân-chủ rồi, dù quyền lựa chọn của dân có bị giới hạn

bởi các đoàn-thể trung gian. Hơn nữa sự giới-hạn này, theo họ, lại là một điều hữu ích vì nó giản-dị-hóa sự lựa chọn của dân để đưa tới một kết-quả rõ rệt.

Sau hết, thiếu chương-trình chính-trị chưa hẳn là một thiếu sót trầm trọng. Ngược lại thiếu sót này có công dụng xiết chặt tình đoàn - kết dân tộc. Thật vậy, nếu đưa những chương-trình với những giải-pháp đặc biệt cho các vấn-đề đặc biệt thì sẽ đưa tới sự tranh chấp trầm trọng trong dư-luận dân chúng. Thà rằng để cho vị Tổng-thống đắc cử tùy tiện tìm giải-pháp cho mỗi vấn-đề trong sự tôn-trọng quyền lợi chung còn hơn. Ngoài ra khi chọn một Tổng-thống vào mỗi nhiệm-kỳ 4 năm, nhân dân các tiểu-bang diễn tả ý chí của họ là muốn trao cho Chính-phủ Liên-bang nhiệm vụ giải-quyết những vấn-đề mà trong khuôn khổ nhỏ hẹp của một tiểu-bang họ không giải quyết nổi.

Nền dân-chủ Hoa-kỳ là một nền dân-chủ của riêng dân-tộc Hoa-kỳ. Nó dựa trên sự dung hòa tư tưởng của hai lý-thuyết-gia Mỹ Hamilton và Jefferson. Trong khi Hamilton chủ trương một nhà-nước mạnh để chính phủ có đủ tính cách hữu hiệu hầu phát huy một nền kinh tế hướng về kỹ nghệ thì Jefferson muốn một nhà nước yếu để bảo-vệ tự-do cá-nhân, duy trì sự tự-trị của các tiểu-bang. Trái ngược với Hamilton tư-tưởng của Jefferson hướng về nông-thôn. Định-chế của Hoa-kỳ đã dung hòa hai lý-thuyết trái-ngược và đã đưa nước này tới mức phát-triển kinh-tế hiện nay.

oOo

Trên lý-thuyết cuộc bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ là cả một định-chế phản dân-chủ và lỗi thời. Tuy nhiên trên thực tế các nhà nghiên-cứu chính-trị-học không đi tới kết-luận rằng định-chế này phản dân-chủ và không đáp ứng được với

nguyện vọng của dân chúng. Các định-chế Hoa-kỳ dựa trên thực-trạng của xã-hội Hoa-kỳ hơn là trên lý-thuyết.

Vì vậy ta không ngạc nhiên khi thấy cuộc Cách mạng Mỹ năm 1787 và cuộc Cách mạng Pháp năm 1789 tuy đồng thời nhưng đã có hai số phận hoàn toàn khác biệt. Trong khi Cách-mạng Pháp vì quá

đặt nặng vấn-đề ý-thức-hệ đã thất bại thì cuộc Cách-mạng Mỹ đã thành công và kéo dài cho tới tận ngày nay. Sự thành công này chính là tại Cách-mạng Mỹ đã thực tế hơn và các chính-trị-gia Mỹ đã hy-sinh một phần nào lý-thuyết để cho guồng máy chính-trị Mỹ được hữu-hiệu.

TỪ TRÍ

TÌM ĐỌC :

CÙNG KHỎ² SỐ 3 và 4

NGUYỄN PHAN DUY * HÀ NGUYỄN THẠCH * XUÂN THAO *
CUNG TÍCH BIỂN * LUÂN HOÀN * HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN *
TỪ KẾ TƯỜNG * LAM HỒ * NGUYỄN ĐÌNH CỬ * ĐOÀN MINH
HẢI * LÊ HÙNG SƠN * TRĂNG THỆ HẢI * LÊ VINH THỌ...

'ASPRO'



trị :

CÁM CÚM ĐAU NHỨC



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Pub. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT



TRÀNG-THIÊN lược thuật

Nói chuyện với Herbert MARCUSE

Đám sinh viên nổi loạn, họ kết án lung tung, tất cả : các chính phủ, các chế độ, các xã hội. cả nền văn minh. Nhưng họ « chịu » năm ba nhân vật : Mao, Marx, « Che » Guevara, Castro, và Marcuse

Mấy ông Mao, Castro, Guevara... là người của hành động. Marx, với Marcuse là tư tưởng. Marx chết rồi, được yên thân. Marcuse gần đây, thiên hạ hỏi han ông ta dūr quá. Hoặc thăm dò ý kiến ông về việc này việc nọ : về vấn đề cách mạng, về chuyện dân chủ ở Mỹ, về da đen, da trắng, về Việt Nam .v.v... Hoặc cũng có kẻ muốn xin ông tí huyết (và nhiều sinh viên Mỹ trong dịp này đã mang xe đến vây kín khu nhà ông, đề bảo vệ ông ta).

Tạp chí L'express đã cử một phái đoàn ba người : Françoise Giroud, Jean Louis Ferrier, Jacques Boetsch, đến gặp Herbert Marcuse trò chuyện với ông suốt ba giờ. Câu chuyện trao đổi được thuật lại trên L'express số 898 (23-29 tháng 9-1968). Chúng tôi nghĩ rằng đặc điểm của cuộc thảo-luận này là không phải chỉ có ý kiến của H. Marcuse mới đáng chú ý, mà nhiều câu chất vấn của nhóm L'express cũng hay ho đáo để. Vì vậy trong khi trích thuật bài báo nói trên, chúng tôi cùng chú trọng đến sự phát biểu của cả hai bên.

Về mối liên quan giữa tư tưởng Marcuse với phong trào sinh viên nổi loạn :

L'express : Dầu sao, ông nói trước rồi sinh viên họ làm sau.

H. Marcuse : Ồ, rất ít sinh viên thực sự đọc sách tôi, tôi tưởng...

L'express : Đúng thế. Nhất là ở Pháp. Nhưng cũng lại có rất ít sinh viên, tìm một lý thuyết cho cuộc nổi loạn của họ. Có thể bảo ông là lý thuyết gia của cuộc nổi loạn ấy chăng ?

H.Marcuse Nếu được như thế, tôi rất vui mừng. Nhưng đúng hơn, đây chỉ là một sự gặp nhau... Trong sách của tôi, tôi đã thử phê bình xã hội bằng những lời lẽ tránh đề cập đến một ý thức hệ—và không phải tôi chỉ phê bình xã hội tư bản mà thôi. Tránh cả ý thức hệ xã hội chủ nghĩa, tránh cả ý thức hệ mác-xít. Tôi cố gắng vạch rõ rằng xã hội ngày nay là một xã hội áp bức, khía cạnh nào của nó cũng thế, rằng ngay đến cả cái tiện nghi, ngay đến sự thịnh vượng, ngay cả cái gọi là tự do

chính trị và đạo đức cũng bị sử dụng vào những mục đích đàn áp.

Tôi thử vạch rõ rằng muốn thay đổi, trước hết phải có một sự từ chối toàn diện hay, nói theo danh từ của sinh viên, phải có một phi bác thường xuyên đối với xã hội này. Và vạch rõ rằng đây không phải chỉ là thay đổi các định chế, mà là chuyện quan trọng hơn, tức phải thay đổi hoàn toàn con người trong mọi thái độ của nó, mọi bản năng của nó, trong các cứu cánh của nó, trong các giá trị của nó v.v..

Tôi nghĩ rằng đó là chỗ tư tưởng trong sách tôi với phong trào sinh viên quốc tế gặp nhau.

Nhận xét về phong trào của sinh viên, H. Marcuse chú ý đến một yếu tố : sự hỗn loạn. Nó làm cho phong trào này khác với những cuộc cách mạng trước đây, có tổ chức, có lãnh đạo.

L'Express : Ông cho rằng tại những xã hội kỹ nghệ có một cái đà cách mạng sao ?

H. Marcuse : Quý vị biết rõ rằng trong phong trào sinh viên có một yếu tố hỗn loạn rất mạnh mẽ. Rất mạnh mẽ. Và cái đó, quả là mới mẻ.

L'Express : Hỗn loạn mà mới mẻ hả ?

H. Marcuse : Trong phong trào cách mạng của thế kỷ XX, tôi cho đó là cái mới. Dù sao ở mức độ ấy, nó mới mẻ. Nó chứng tỏ sinh viên đã nghiệm thấy rằng các tổ chức chính trị truyền thống có tính cách cứng nhắc, rần rai, các tổ chức ấy chính đã bóp nghẹt mọi đà cách mạng. Vì vậy cuộc nổi loạn đã bộc phát bên lề các tổ chức ấy. Tuy thế, tính cách bộc phát không đủ. Vẫn phải cần có một tổ chức. Nhưng một kiểu tổ chức mới, thật mềm dẻo, không đặt ra những nguyên tắc chặt chẽ, một kiểu tổ chức không trở ngại sự chuyển biến và các sáng kiến. Một tổ chức không có những tay « cầm đầu » trong các đảng phái cũ hay các nhóm chính trị. Điều này rất quan trọng. Các lãnh tụ ngày nay là sản phẩm của quảng cáo. Trong phong trào hiện thời không có những lãnh tụ như trong thời kỳ cách mạng bốn-sơ-vít chẳng hạn.

L'Express : Tóm lại, đây là thuyết chống — Lénine ?

H. Marcuse : Vâng. Vả lại Cohn-Bendit đã phê bình gắt gao thuyết mác-xít-lê-ni-nít trên căn bản này.

L'Express : Vậy là ông tin tưởng hỗn loạn chủ nghĩa có thể đưa cuộc cách mạng mà ông ao ước đến chỗ tốt đẹp ?

H. Marcuse : Không. Tôi chỉ tin rằng yếu tố hỗn loạn là một lực lượng rất mạnh và rất tiến bộ. Và cần phải bảo vệ yếu tố ấy như một trong những động lực của một quá trình rộng rãi hơn và kết cấu chặt chẽ hơn.

L'Express : Tuy nhiên chính ông lại trái ngược hẳn với một người chủ trương hỗn loạn.

H. Marcuse : Có lẽ đúng thế, nhưng xin các ông vui lòng cho biết tại sao ?

L'Express : Bởi vì tác phẩm của ông có tính cách biện chứng. Đó là một

công trình xây dựng rất kỹ lưỡng : Ông tự cho mình chủ trương hỗn loạn chăng ?

H. Marcuss : Không. Tôi không phải kẻ hỗn loạn bởi vì tôi không thể nào tưởng tượng nổi người ta có thể đánh đổ một xã hội được huy động và tổ chức về mọi phương diện để đề phòng mọi phong trào cách mạng, mọi sự chống đối có hiệu quả, tôi không biết làm cách nào người ta có thể đánh đổ một xã hội như thế, một lực lượng qui tụ như thế, lực lượng quân sự, lực lượng công an v.v... đánh đổ nó mà không cần đến một tổ chức. Như thế không ổn.

L'Express : Không, thế không ổn. Người cộng sản họ sẽ viện dẫn lời Lénine phân tích về « thái độ tả khuynh » để cãi với ông, theo Lénine thì thái độ này là của « bọn tiểu tư sản phát khùng lên trước những điều ghê tởm của tư bản chủ nghĩa... Thái độ này có tính chất cách mạng, bất ổn, không triển vọng, có đặc tính là sẽ biến nhanh chóng thành ra hục tưng, thành ra trì độn, sẽ cuống cuống lên vì một xu hướng thời thượng nào đó của tư bản... »

H. Marcuse : Tôi không đồng ý. Thái độ khuynh tả hiện nay không phải là sự đáp ứng của một giới tiểu tư sản đối với một đảng cách mạng, như thời Lénine. Đó là sự đáp ứng của một thiểu số cách mạng đối với đảng Cộng sản bây giờ đã hóa ra một đảng của trật tự, và không còn là cái đảng của Lénine, mà là một đảng xã-hội-dân-chủ.

L'Express : Nếu hỗn loạn không ổn và nếu các đảng cộng sản không còn tính chất cách mạng nữa, vậy thì ông còn hy vọng gì ở cuộc nổi loạn của sinh viên ? phải chăng chỉ là gây một sự lộn xộn hơi hợt rồi cuộc làm cho sự trấn áp thêm mạnh mẽ ?

H. Marcuse : Mọi đấu tranh chống đối đều đưa tới một sự đàn áp mạnh thêm. Cái đó chưa bao giờ làm cho chống đối phải ngưng lại. Nếu không thế thì không thể có tiến bộ.

Như thế chúng ta được biết giáo sư *H. Marcuse* không chủ trương hỗn loạn vô tổ chức. Nhưng giáo sư thấy hiện tượng hỗn loạn thì khoái lắm, mừng rỡ lắm, cho là yếu tố quan trọng lắm. Tuy nhiên, giáo sư lại không thấy yếu tố hỗn loạn ấy sẽ đưa tới kết quả tốt đẹp nào : không ổn.

Về thái độ của giáo sư đối với tư bản và cộng sản, đối với Nga và Mỹ, chúng ta được giải thích như sau :

L'Express : Tại sao ông trách Mỹ xa rời lý tưởng dân chủ mà ông không trách những điều cộng sản xa rời lý tưởng cộng sản ?

H. Marcuse : Tôi cũng có trách những điều xa rời đó ở các nước cộng sản. Tuy nhiên tôi nghĩ rằng các định chế và trọn vẹn nền văn hóa của tư bản độc quyền chúng chiến đấu chống lại sự phát triển của một chủ nghĩa xã-hội dân-chủ.

L'Express : Và ông tưởng có ngày chúng ta sẽ trông thấy một xã-hội cộng sản lý tưởng sao ?

H. Marcuse : Dù sao, có cái lý thuyết. Có cả cái lý thuyết mác-xít. Cái ấy có đó. Có cả Cuba nữa. Có nước Tàu. Có đường lối chính trị cộng sản trong thời kỳ anh dũng của cuộc cách mạng bốn-sơ-vít.

L'Express : Phải chăng ý ông muốn bảo các xứ cộng-sản bắt đầu đi làm những điều đáng trách ấy ? Rằng Nga xô đã xâm chiếm Tiệp-khắc bắt đầu đi ?

H. Marcuse : Bắt đầu đi đối với ý tưởng cộng-sản. Không hề bắt đầu đi đối với Nga xô. Cuộc xâm lăng Tiệp khắc là một trong những hành động đáng trách nhất của lịch sử xã hội chủ nghĩa. Đó là sự thể hiện bạo tàn của chánh sách tranh cường mà Nga xô đã thi hành từ lâu nay để cạnh tranh với phe tư bản về các mặt chính trị và kinh tế. Tôi tin rằng nhiều điều đáng trách xảy ra trong các xứ cộng-sản vốn là hậu quả của cuộc chung sống cạnh tranh, đua chen với phe tư bản, trong lúc các xứ cộng-sản hãy còn nghèo nàn.

L'Express : Ông vừa đề cập tới chuyện quan trọng. Tình trạng nghèo nàn hình như không có cách nào thoát khỏi trừ phi phải có một tổ chức cực kỳ cưỡng bức. Vậy một lần nữa, chúng ta lại gặp sự cưỡng bức cần thiết.

H. Marcuse : Đúng thế. Nhưng ở đây cũng vậy, có thể có thứ cưỡng bức tiến bộ. Hãy lấy trường hợp một nước mà tình cảnh nghèo nàn tồn tại bên cạnh sự xa hoa, phung phí và tiện nghi của những phần tử ưu đãi... Cần phải dẹp cảnh xa hoa để diệt trừ nghèo đói, khổ cùng và bất công. Đó là những điều cưỡng bức cần thiết.

L'Express : Khổ nỗi về phương diện kinh tế không có sự liên quan. Không phải dẹp xa hoa là trừ được nghèo đói. Phải sản xuất.

H. Marcuse : Đúng. Nhưng ý tôi muốn bảo rằng những lối cưỡng bức như hiện thời ở Cuba chẳng hạn không giống như những cưỡng bức đang đè nặng trên các nền kinh tế tư bản.

L'Express : Có lẽ Cuba không phải là một thí dụ thật tốt đẹp về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thành công đâu, bởi vì nước ấy sống nhờ món dầu hỏa của Nga cung cấp hàng ngày. Nếu Nga mà ngưng cấp chừng mười lăm hôm...

H. Marcuse : Cái đó tôi không được biết. Nhưng dù ở trong những điều kiện tùy thuộc vào Nga xô như thế, Cuba vẫn có tiến bộ lớn.

L'Express : So với dĩ vãng của xứ ấy thì đúng. Ông đã đến đó rồi chứ.

H. Marcuse : Chưa. Tôi không được người Mỹ cho phép.

Nhận định về triển vọng của cách mạng, thứ cách mạng mà sinh viên Âu Mỹ phát động ồn ào gần đây, H. Marcuse thấy rằng sinh viên đã không liên kết được với thợ thuyền, do đó khó thành công. Mà thợ thuyền thì xem ra không có vẻ gì muốn liên kết với lực lượng cách mạng ấy, dù cho từ đây về sau.

H. Marcuse : Mặc cho tất cả những điều người ta đã nói với tôi, tôi không thể tưởng tượng ra một cuộc cách mạng mà không có giai cấp thợ thuyền.

L'Express : Ít ra là trong vấn đề cách mạng, có điều đáng buồn là giai cấp thợ thuyền thích tiến tới cái xã hội sung túc hơn là muốn phá đổ xã hội ấy, mặc dù

đồng thời họ có ước ao sửa đổi một vài khía cạnh đi chẳng nữa. Dù sao sự việc đã xảy ra ở Pháp. Ở các xứ khác có gì khác chăng ?

H. Marcuse : Quý vị bảo rằng tại Pháp giai cấp thợ thuyền chưa gia nhập (vào xã hội sung túc) như họ muốn được gia nhập. . . Tại Mỹ, họ đã gia nhập và họ muốn thế. Như vậy tức là cách mạng đòi hỏi trước tiên phải có một mẫu người khác xuất hiện, có những nhu cầu và nguyện vọng khác hẳn tính chất các nhu cầu và nguyện vọng xâm hại và đàn áp của các xã hội hiện tại. Quả đúng rằng giai cấp thợ thuyền ngày nay cũng có phần nhiều các nhu cầu và ước vọng của các giai cấp thống trị. Và quả đúng rằng không có sự đoạn tuyệt với cái nội dung hiện tại của các nhu cầu thì không thể tưởng tượng có cách mạng.

L'Express : Vậy thì hình như cách mạng không lấy gì làm gần. Chiếm đoạt chính quyền vẫn dễ hơn là thay đổi các nhu cầu của con người. Nhưng theo ông thì các nhu cầu xâm hại là thế nào.

H. Marcuse : Chẳng hạn, cái nhu cầu tiếp tục cuộc đấu tranh giành đua đê sống cái nhu cầu cứ mỗi hai năm lại mua một chiếc xe mới, cái nhu cầu mua một máy ti-vi mới, cái nhu cầu mỗi ngày xem ti-vi năm sáu giờ đồng hồ. Đó đã trở thành một nhu cầu sinh tử đối với một số lớn dân chúng. Và đó là một nhu cầu xâm hại, và đàn áp.

L'Express : Xem ti-vi mà có tính cách xâm hại sao ? Người ta có thể nghĩ một cách ngây thơ là có tính cách thụ-động.

H. Marcuse : Quý vị biết các chương trình ti vi ở Mỹ chứ ? Lúc nào cũng bang bang ». Và lúc nào cũng nhằm kích thích sự tiêu thụ buộc cá nhân lệ thuộc vào bộ máy sản xuất của tư bản.

L'Express : Ta có thể dùng vô tuyến truyền hình vào mục đích khác.

H. Marcuse : Dĩ nhiên. Tất cả những cái ấy không phải lỗi ở ti vi, ở xe hơi, ở kỹ thuật nói chung. Đó là lỗi của sự sử dụng khôn ngoan sự tiến bộ kỹ thuật. Người ta có thể dùng ti vi để giáo dục lại dân chúng.

L'Express : Theo ý ông thì theo chiều hướng nào ? Giáo dục cho dân chúng tin rằng không nên có nhu cầu về xe hơi, về ti-vi, về máy lạnh, máy giặt nữa chẳng ?

H. Marcuse : Vâng, nếu những món ấy ngăn cản sự giải phóng nô lệ ra khỏi tình trạng « nô dịch tự nguyện ».

L'Express : Như vậy e gây ra ít nhiều khó khăn cho những người làm việc trong các nhà máy sản xuất xe hơi, máy lạnh v.v. sẽ phải đóng cửa ?

H. Marcuse : Đóng cửa trong một tuần, hai tuần. Mọi người sẽ về đồng quê, trong lúc ấy thì công việc chân chính bắt đầu khởi sự, nhằm tiêu diệt nghèo đói, bất công. Để thay cho thứ công việc xa hoa của xã hội tiêu thụ. Chẳng hạn như tại Hoa-kỳ, hãng General Motors và Ford, thay vì sản xuất ra những chiếc xe tư nhân cho một người thì sẽ sản xuất những xe công cộng, để cho những sự chuyên chở ấy thành ra có nhân tính.

L'Express : Có lẽ phải nhiều buổi truyền hình lắm mới thuyết phục nổi giai cấp thợ thuyền làm cách mạng để hạ bớt đồng lương, để dẹp bỏ xe hơi, tiết giảm sự tiêu thụ. Và người ta có thể sợ rằng trong lúc cách mạng chưa kịp thành công thì sự việc đã đổi khác đi chẳng? Rằng mọi người gặp phải những khó khăn về kinh tế có thể nhóm lên những khối phát xít. Chủ nghĩa phát xít há không phải luôn luôn phát sinh từ một cuộc khủng hoảng kinh tế đó sao?

Khủng hoảng kinh tế có thể đưa tới độc tài phát xít, cũng có thể đưa tới cách mạng tự do. Phải « giáo dục » quần chúng hướng về cách mạng. Dù sao chuyện đó còn lâu H.Marcuse đặt nặng vai trò của trí thức trong cuộc cách mạng này. Trí thức (như H.Marcuse) nên có quyền hạn.. độc tài (!)

L'Express : (...) Người ta thường hay trách ông có ý muốn thiết lập một nền độc tài của hạng ưu tú, theo quan niệm Platon, thật vậy chẳng?

H.Marcuse : Trong tác phẩm của John Stuart Mill có một đoạn rất lý thú, Stuart Mill không đúng hẳn là phát ngôn nhân của chế độ độc tài. Ông ta nói rằng đối với một xã hội văn minh thì cần cho hạng học thức có những đặc quyền chính trị để phá các tình cảm, thái độ và quan niệm của quần chúng không được giáo hóa.

Tôi chưa hề bảo rằng cần phải thiết lập một chế độ độc tài kiểu Platon, bởi lẽ không triết gia nào dám làm thế. Nhưng hoàn toàn thành thực mà nói, tôi không biết giữa những cái sau đây cái nào tệ hơn cái nào: một chế độ độc tài của các chính khách, của các nhà kinh doanh, các tướng lãnh, hay là một chế độ độc tài của trí thức.

Dù sao theo tôi, nếu phải chọn lựa, thì tôi thích sự độc tài của trí thức hơn, nếu không hy vọng có được một nền dân chủ tự do thực sự. Nhưng khốn nỗi, hy vọng ấy không có trong lúc này.

L'Express : Trước hết phải thiết lập chế độ độc tài của trí thức để giáo dục và cải biến quần chúng, xong rồi, trong một tương lai xa xôi, khi ai nấy đã thay đổi cả, khi ấy sẽ có dân chủ và tự do, thưa phải vậy không ạ?

H.Marcuse : Thực ra không phải là độc tài, mà là một vai trò quan trọng hơn của trí thức. Tôi thiết tưởng mỗi ác cảm của phong trào thợ thuyền đối với giới trí thức là một trong các lý do khiến cho phong trào ấy hiện nay bị ngăn chặn.

L'Express : Chế độ độc tài của trí thức khá đáng e ngại, bởi vì trí thức sợ hành động cho nên thường hay trở thành độc ác.

H.Marcuss : Quả thật vậy chẳng? Chỉ có một bằng chứng trong lịch sử về trí thức độc ác: đó là Robespierre.

L'Express : Và Saint Just.

H. Marcuse : Phải so sánh sự ác độc của Robespierre và Saint Just với sự ác độc và tàn bạo đã quan-liêu-hóa của Eichmann chẳng hạn. Hay với ngay cả sự

tàn bạo được định-chế-hóa của các xã-hội hiện đại, Sự độc ác quốc xã, ấy là sự độc ác dưới hình thức kỹ thuật thống trị. Không phải là những người trí thức. Còn sự độc ác, sự tàn bạo, của những người trí thức thì bao giờ cũng đột ngột hơn, ngắn ngủi hơn nhiều, ít ác độc hơn. Robespierre không tra tấn. Tra tấn không phải là một khía cạnh chính yếu của cuộc cách mạng pháp.

L' Express : Ông đã biết rõ về giới trí thức. Họ không tiếp xúc hoặc ít tiếp xúc với thực tại. Ông tưởng tượng nổi một xã-hội sinh hoạt dưới sự điều hành trực tiếp của họ chẳng ? Chẳng hạn, về vấn đề làm cho tàu hỏa chạy đúng giờ, hay tổ chức việc sản xuất, thì sẽ ra sao ?

H. Marcuse ; Nếu quý vị đồng hóa thực tại với cái thực tại hiện hữu, thì quý vị có lý, Nhưng trí thức không đồng hóa hoặc không nên đồng hóa thực tại với cái thực tại đã thiết định sẵn. Người ta có thể hy vọng nhiều ở óc tưởng tượng và hợp lý của những người trí thức chân chính. Dù sao, nền độc tài đặc biệt của trí thức chưa hề có bao giờ

L' Express : Có lẽ bởi vì một người trí thức trong bản chất là một kẻ vị cá nhân (individualiste). Điều ấy cũng chính Lénine nói ra (. . .)

TRÀNG - THIÊN lược thuật

(X- 68)

Tác phẩm của **VÕ PHIẾN** do **THỜI MỚI** xuất bản

— THƯ NHÀ	(hết)
— NGƯỜI TÙ	(hết)
— ĐÊM XUÂN TRĂNG SÁNG	(hết)
— MỘT MÌNH	(hết)
— VỀ MỘT XÓM QUÊ	(hết)
— TẬP BÚT I, II, III	(hết)
— THƯƠNG HÒAI NGÀN NĂM	48đ
— MƯA ĐÊM CUỐI NĂM	52đ
— ĐÀN ÔNG	50đ
— ẢO ANH	80đ
— GIÃ TỪ	70đ

KẾ-HOẠCH GIA-ĐÌNH

● HIỂU

Một vấn-đề làm sôi-nổi dư luận quốc tế cũng như quốc-nội tuy do hai sự kiện khác nhau gây ra là vấn-đề ngừa thụ thai.

Đề tài gây xúc-động dư-luận thế-giới là quyết-định của Đức Giáo hoàng cấm mọi hành động trái với thiên-nhiên đề ngừa thụ-thai, trong thông-điệp luận về đời sống con người. Những phản-ứng khác biệt nổi lên khắp nơi : một số bảo thủ hân-hoan tán thưởng một quyết định « sáng suốt và minh bạch, phù-hợp với thiên-nhiên và giáo lý cổ-truyền Thiên-Chúa-giáo », một số khác dè-dặt hơn, miễn cưỡng tuân-hành theo kỷ-luật Giáo-hội vì « Đức-Thánh-Cha đã phán », nhưng đại đa ý-kiến của quần-chúng nói chung là chống đối. Dân chúng xô-bổ thì biểu-tình la-ó, xuống đường xâm chiếm nơi thờ-tự, một số người khác phụ-họa với báo chí nhắc-nhở vụ án Galilea, chỉ trích quan niệm sơ-khai về tình-ái (conception primitive de l'amour) nhấn mạnh sự cách biệt xa vời của Giáo-hội với thực tế xã-hội v.v....

Ở nước nhà, phán quyết của Đức-Giáo-hoàng tương đối lại ít gây sóng gió cũng bởi vì tại mảnh đất này, chưa có sự áp-dụng công-khai và phổ-thông các phương-pháp mà Giáo hội cấm đoán. Thế nhưng vấn-đề ngừa thụ-thai vẫn được coi là đề-tài thời sự vì lý do khác : Một nhóm người có trách-nhiệm về Y-tế tại

nước nhà đang tìm cách đề phổ biến và khuyến-khích—tôi nhấn mạnh khuyến-khích—áp-dụng các phương-pháp ngừa thụ-thai mà họ đề ra dưới danh nghĩa « Kế Hoạch Gia Đình. »

Sự thực « Kế Hoạch Gia Đình » này đã được dò-dẫm từ hồi 1963 với những bài báo của một vài chuyên-viên y-tế đăng rải-rác trên vài nguyệt-san do Bộ Y-tế bảo-trợ hay vài nhật báo tại Saigon. Tính chất đạo-đức-giả của chính-quyền đương thời và tình-hình chính-trị quốc-nội sôi-nổi hồi đó không thuận-tiện cho chương-trình ngừa thai phát-triển. Sau một thời gian im lặng, đây đó lại có lời xì-xào rằng nước bạn đã viện-trợ cho bộ Y-tế hơn hai vạn vòng xoắn và số lượng nhiều hơn về thuốc ngừa thai. Ngay lúc chính-phủ quyết-định hạn-chế các chuyến xuất-ngoại thì vài phái đoàn lập pháp và hành-pháp, chuyên-môn và không chuyên-môn được cử đi nước này nước nọ để xem phụ-nữ các nước đó ngừa thai bằng cách nào. Phái đoàn lễ dĩ nhiên gồm vài phụ-nữ nhưng cũng có các ông chuyên-viên và không chuyên-viên rồi khi về quý vị đó rút tỉa các kinh nghiệm sống, tai nghe mắt thấy, để mang ra mổ xẻ lại vấn đề trong các cuộc hội-thảo « bỏ túi » và đưa ra kết luận rằng nên khuyến-khích áp-dụng « kế-hoạch gia-đình » cho dân chúng Việt-Nam. Đề hỗ-trợ cho quan-

điều đó, một loạt bài báo, phỏng vấn, ý kiến được phổ-biến rộng rãi cả trên đài phát-thanh và truyền-hình. Tác-giả bài này không có ý-định bài bác hay biện-minh cho một phương-pháp đặc-biệt nào để ngừa thụ-thai mà chỉ muốn bàn về danh-hiệu « Kế Hoạch Gia-Đình ».

Kế Hoạch Gia Đình : một kế-hoạch treo đầu dê bán thịt chó.

Cách đây ngót mười năm, kẻ viết bài này có ngộ lời cùng một thiếu nữ : Em ạ, lương anh Trung-úy chỉ có năm ngàn sáu, vậy chúng ta phải phác họa một kế-hoạch cho gia-đình chúng ta. Trước hết là vấn-đề tài-chính : để anh đi làm ngoài giờ kiếm thêm chút ít cho đủ chi tiêu. Rồi đến vấn-đề nơi ăn chỗ ở : mình nên tìm thuê một căn nhà nhỏ ở ngoại-ô hay khu lao-động cho rẻ. Rồi chúng ta chia công-việc : anh đi làm em dọn dẹp, anh về coi nhà, em đi chợ làm bếp v.v... Chúng ta cũng phải nghĩ sẽ có bao nhiêu con, nuôi-nấng làm sao, sữa mẹ hay sữa bò, dậy dỗ thế nào, đi học mẫu-giáo hay 6 tuổi vào lớp năm.v.v

Ấy, các kế-hoạch của gia-đình tôi nó ôm-đồm nhiều vấn-đề như vậy : sinh-kế, nhà-cửa, phân-chia nhiệm-vụ, ước-tính số con cái, lựa chọn phương-pháp giáo-dục, quan-niệm về đời-sống và hạnh phúc.

Nhưng nay đọc mấy bài báo và dự mấy cuộc hội-thảo về « kế-hoạch gia-đình », tôi chỉ thấy giản-dị có một vấn-đề : « cai đẻ » ; vợ tôi thủ thỉ : « Đời sống mới cũng có khác, cả kế-hoạch gia-đình chỉ còn gồm một việc ngừa đẻ. Ngộ quá ha ».

Sự thực có đúng vậy không ? hay nói khác đi, hạn-chế sinh-sản có phải đã là tất cả trong « kế-hoạch gia-đình » không ?

Đợt sống mới tới mấy, chắc cũng không thể công-nhận điều đó và kết-luận tự-nhiên là danh-hiệu « kế-hoạch gia-đình » đã bị lạm-dụng khi người ta chỉ định phát động một chiến-dịch ngừa thụ-thai — Không phải người ta không nhận thấy sự không thích-hợp giữa danh-hiệu nọ và công-việc kia như đã có người nêu lên trong một buổi hội-thảo. Nhưng họ lại còn cực-đoan hơn khi đề-nghị để thay thế từ-ngữ « kế-hoạch gia-đình » bằng « kế-hoạch bảo-vệ hạnh-phúc gia-đình » — nghĩa là thấy cái lồng gà lớn quá để nuôi đôi chim yến, họ đã dự định lấy cái lưới bắt cọp để nhốt đôi chim. Quả vậy, một kế-hoạch bảo-vệ hạnh-phúc gia-đình sẽ còn phải ôm-đồm nhiều vấn-đề khác nữa, rộng lớn hơn nữa, tỉ dụ như lớp huấn-luyện tiền-hôn-nhân cho nam nữ, lớp giầy nuôi con, giầy nội trợ v.v... chưa kể là mấy bà sồn-sồn có máu hoạn-thư còn có thể yêu cầu ghi vào chương-trình của « kế-hoạch bảo-vệ hạnh-phúc gia-đình » sự tái-lập luật mệnh-danh « Bảo-vệ luân-lý » của Bà Nhu, cũng như việc tổ-chức những sở mật-thám tử để theo dõi những ông chồng lơ-đãng, hay phiêu lưu, không chịu về nhà ngay sau giờ tan sở !

Phải là gan cùng mình mới dám gán cho cái vòng xoắn hình hai chữ S đặc tính nhiệm-mẫu bảo-vệ hạnh-phúc gia-đình (một chi-tiết ngoài đề những cũng xin ghi chép lại là cũng đã từng có vị khoác cho cái vòng xoắn một bộ áo chống-cộng nữa, bằng cách lập luận rằng ngừa thai để giảm nhân-số và do đó nâng cao được đời sống dân chúng.

Dù là « kế-hoạch bảo-vệ hạnh-phúc gia-đình » hay là « hạn chế-sinh đẻ », hay « ngừa thụ thai » thì tất cả các từ-ngữ được đề-nghị đó cũng chứng-minh rằng danh-hiệu « kế-hoạch gia-đình » chưa làm mọi

người ưng ý. (Đây là chưa kể «kế-hoạch gia-đình» với phương-pháp ngừa-thai không thể giải-quyết các trường hợp hiếm muộn: «kế-hoạch gia-đình» theo kiểu trên chỉ là kế hoạch một chiều.)

Kế-hoạch gia-đình một từ-ngữ lai-căng

Đi tìm căn-gốc của danh-hiệu chưa được ổn-thỏa trên, ta phải nhận rằng chuyên-viên y-tế để ra nó đã xử dụng quyền tự-diễn bỏ túi để dịch một từ ngữ lai tây, lai mỹ là *Planning Familial*. Lối dịch này tương-tự với lối dịch «đá cầu» thành «*pierre-pont*» mà cụ Nguyễn hiễn-Lê đã chế diễu, cũng như muốn đả kích Nguyễn-mạnh-Tường, người ta dịch nhan đề cuốn sách «*Pierres francaises*» của ông thành «đá tây».

Ngay như muốn dịch nguyên-văn thì cũng phải gọi là «kế-hoạch-hóa gia-đình»; nhưng cũng không thể đồng hóa sự kết-hợp của hai người với sự gây giống trong ngành chăn nuôi như làm sao để kiểm-soát số gà con, phân chia số trứng cho ấp và số trứng cho tiêu thụ...

Kế hoạch gia-đình, một giải pháp miễn cưỡng.

Nhân nhắc đến *Planning Familial* hay *Family Planning* ta cũng nên nhận xét căn-nguyên của những chữ đó, được phiên-dịch là kế-hoạch-hóa gia-đình nhưng thực-tế là ngừa thụ-thai.

Quý vị trong các phái-đoàn đi quan-sát các Trung-tâm ngừa thai miễn-phí ở nước bạn Thái-Lan, Ấn Độ, Hương-Cảng, Đài-Loan, Nhật-Bản, Trung-Hoa dân-quốc đều cho rằng các quốc-gia trên đã tỏ ra «tân-tiến» hơn ta, áp-dụng mỹ-mãn-kế-hoạch ngừa sinh-sản và được dân chúng địa phương hoàn-toàn hưởng-ứng. Sự thực dân chúng có tán-thưởng sáng-

kiến ngừa đẻ không? Người ta có thể căn-cứ vào con số đông đảo phụ-nữ đặt vòng xoắn để xác-định điều đó không? Mỗi vòng xoắn được đặt có thể coi như một lá-phiếu-thuận trong một cuộc phổ-thông đầu-phiếu không?

Trên thực-tế phụ-nữ Á-đông, ràng buộc bởi nền luân-lý đạo-đức cổ-truyền, không thích sự xâm lấn của bất cứ ai vào đời sống riêng tư của họ. Bàn đến vấn-đề sinh-lý đã khiến nhiều người đỏ mặt thì đặt một vật lạ trong một bộ-phận riêng không thể là điều dễ chấp-nhận đối với họ. Nhứt là công-việc đó lại được thực-hiện tại một cơ-sở công khai.

Thế nhưng đứng trước thực-tế phũ-phàng là yếu-tài-chánh, thiếu-phương-tiện, họ đã phải chấp-nhận cái mà chính lương-tâm họ không chấp-nhận. Bởi chính-quyền bất-lực trong việc cải-tiến nền kinh-tế khiến họ thiếu-phương-tiện, bởi chính-quyền thiếu sót trong việc điều-hòa, tổ-chức xã-hội khiến họ thiếu thời giờ, những phụ-nữ đã bị dồn vào thế phải hạn-chế thiên-mệnh sanh-nở của số (Lẽ dĩ-nhiên là không kể thiếu-số phụ-nữ tránh sinh nở vì sợ thân-hình bớt cân-đối cũng như tránh nuôi con vì sợ xấu nhũ-hoa). Đó là chưa kể tới những trường-hợp quốc-gia thiếu-sót trách-nhiệm khuyến-khích sự hạn-chế sinh-nở bằng phần-thưởng quà tặng hoặc làm áp-lực như hạn-chế phụ-cấp nuôi-dưỡng cho một số ít con mà thôi.

Kế-hoạch gia-đình một sự nguy-trang tâm-lý

Thành-thủ người ta có thể có lý khi nói rằng phụ-nữ các nước đã chấp-nhận sự ngừa thai mà không tán-thưởng «chương-trình quốc-gia phổ-biến và khuyến-khích áp-dụng phương-pháp

ngừa-thai ». Sự-kiện đó không mâu-thuẫn như có thể tưởng, thoát mới nghe : tỉ dụ như chính-phủ có thể chống sự mãi-dâm trên phương-diện đạo-đức và nguyên-tắc, nhưng đứng trước thực-tế là có nạn mãi-dâm lén-lút tệ-hại, phải thiết-lập các khu giải-trí quanh nơi đồn-trú quân-đội đồng-minh. Cũng như chính-phủ có thể cấm-đoán các trò chơi may-rủi, cờ-bạc, xò đề nhưng vì thiếu ngân-quỹ vẫn phải cho mở cửa trường-đua-ngựa và xò-số kiến-thiết v.v... Đề trấn an dư-luận đạo-đức trong nước cũng như đề giải tỏa mặc-cảm của các phụ-nữ, những nhà điều-khiển chương-trình tại các nước có nền văn-minh cơ-giới đã nguy-trang sự ngừa-thai dưới danh-nghĩa «kế-hoạch-hóa gia-đình ».

Người ta có thể hỏi khi phiên-dịch từ-ngữ Planning familial, các chuyên-viên ngừa thai Việt-nam có nắm vững khía-cạnh tâm-lý đó không, có đồng-ý với giải-pháp nguy-trang đó không ?

Hay là vì quá băn khoăn với nỗi khổ-tâm của các bà mẹ thiếu-tài-chánh, thiếu-phương-tiện, hoặc bị mê-hoặc bởi những phương-pháp tân-kỳ của các trung-tâm quan-sát mà quý-vị đã vội ôm chầm lấy chữ Planning familial, phiên-dịch rồi bo bo giữ lấy tưởng như nắm được câu thần-chú mang hạnh-phúc cho mọi gia-đình.

oOo

Ghi những hàng trên, kẻ viết không ý định bài-bác việc điều-hòa thụ-thai mà trái lại, còn công-nhận sự lợi-ích thiết-thực của sự thụ-thai theo ý muốn. Vấn đề được nêu ra là để cho mọi sự việc được gọi bằng chính-danh của chúng, không mặc-cảm và không che-đậy.

Khi ngôn-chính danh-thuận «kế-hoạch điều-hòa thụ-thai» sẽ là đề-tài cho những cuộc thảo-luận phong-phủ về lợi-hại trong tình-trạng hiện-tại của quốc-gia.

Điềm đó ra ngoài phạm-vi bài này.

HIẾU

Sinh hoạt văn-ngệ :

Kính gửi Nam Nữ Văn-Hữu Việt-Nam

Hiện nay, chúng tôi đang biên soạn :

NHÀ VĂN VIỆT-NAM

✽ Vì không làm sao gửi thơ riêng để mời góp mặt đầy đủ được, nên mới có lá thư công khai này mặc dầu động chạm ít nhiều tấm lòng tự ái của quý văn-hữu xa gần. Rất mong quý vị niệm tình thứ lỗi cho.

✽ Nếu không có gì trở ngại, xin quý văn-hữu chọn một trong các bộ-môn sau đây :

Tiểu thuyết, phóng sự, truyện ngắn, hồi ký, nhật ký, kịch bản, khảo luận v.v... đã in thành sách trong thời gian Hai mươi năm (1948 - 1968),

Thêm vào đó :

1 — Tiểu sử

2 — Tấm ảnh 6 x 9.

Xin gửi về : LƯƠNG-TRỌNG-MINH

Giáo-sư Trung-học Bồ-Đề Qui-Nhơn

Cô bé tuyệt vời trên Cao nguyên

● HOÀNG-NGỌC-TUẤN

Con bé đưa cả hai tay lên trời vung vẩy từ đằng xa. Từ trên triền dốc, nó vừa chạy vừa kêu những tiếng mà gió thổi quá nhiều làm chàng không nghe được. Chàng chỉ sợ con bé vấp té, dưới đất đầy dẫy những rễ cây chạy dài loăn ngoăn và biết bao tảng đá lớn. Nhưng con bé đã chạy đến, nó dùng tay dấm mạnh vào bụng chàng rồi đứng thở hồng hộc, mặt đỏ bừng, mồ hôi lấm tấm như ánh mặt trời phản chiếu trên ngọn sóng biển, Con bé cười, hàm răng không được trắng bóng lắm.

— Này con sóc nhỏ, sáng nay em lại không đánh răng phải không ? Con bé ngậm ngay cái miệng vừa mở rộng. Chàng hối hận đã làm con bé thôi cười, nụ cười của trẻ con bao giờ cũng quá đẹp. Chàng đưa hai ngón tay bóp thật mạnh vào má con bé để chọc cho nó cười, nhưng hàm răng nó cương quyết nghiêng chặt lại, khuôn mặt nặng nề với những tiếng nói giận dữ.

— Sao lại không ? Chứ lúc nào cũng làm thầy bói ầu. Sáng nay cháu đánh răng đến hai lần, một lần trước khi ăn bánh mì, một lần sau. Chàng búng tai con bé một cái khá mạnh.

— Thôi dẹp đi, em là con nhỏ nói láo và bướng nhất thế giới. Em nói chuyện đánh răng này mấy ngàn lần rồi, tôi là con nít sao mà em lừa mãi được.

Con bé im lặng. Nó ngồi bệt xuống cỏ, tay ngắt một cây cỏ dại đưa lên miệng ngậm nát giữa kẽ răng.

Chàng lôi một cái bàn chải đánh răng từ trong túi áo, chiếc bàn chải màu xanh, loại mềm và nhỏ dành cho trẻ con. Con bé miễn cưỡng cầm lấy, đôi mắt lườm chàng nhưng phút chốc lại toét miệng cười khi thấy chàng đưa cho nó một ống kem có những sọc đỏ chạy dài. «Thứ này ngon như kẹo cao su phải không ?» Con bé la lên.

— Đừng la hét như con mẹ điên nữa. Bm có biết lần này là lần thứ mấy tôi

phải đem cái đồ đánh răng này theo cho em không ?

Con gái mà làm biếng đánh răng, sún hết trông kỳ cục lắm. Con bé không thèm để ý đến lời chàng nói. Nó có vẻ bức dọc ra mặt, làm như là một cô học trò đến tuổi thành niên rồi mà cứ phải bị nghe ông giáo già giảng luân lý. Con bé lặng thinh chạy lại phía suối để lấy nước.

Chàng nhìn theo cái bóng nhỏ nhấp nháy như cánh bướm. Chàng ngồi xuống đất, gắp một miếng thuốc giữa kẽ môi. Chàng dùng chiếc quạt máy hiệu Ronson

màu trắng đục, trày trụa thật nhiều vết va chạm. Hơi thuốc đậm ngon lành trong bầu trời lạnh dịu dàng của miền cao nguyên. Chàng như nuốt tất cả khói thuốc.

Thứ thuốc hiệu Bastos bao xanh rất hiếm ở đây, chàng phải mua mỗi lúc cả một tút hai mươi lăm bao với giá khá đắt. Thị trấn Ba mê thuật cách xa thủ đô một ngày đường xe hơi, nhưng bây giờ đường bộ không đi được, đường hàng-không chỉ có một đôi lần mỗi tuần. Và thuốc lá dĩ nhiên là được đem từ thủ đô về. Ở đây không có gì ngoài những đồn điền cao su, cà phê, đồ rau trái và những con đường bùn lầy đỏ ngầu sau cơn mưa gió.

Ở nơi này chàng không quen một ai. Chàng không muốn quen biết hay có lẽ không một ai thích làm quen với chàng. Bọn người ngòm chung quanh thật đáng ghét. Con mẹ chủ tiệm cơm ở ngay chợ Cổng số một mà chàng là tên khách ăn « ghi sô » trung thành nhất, lão già ba tàu bán cà-phê rất nhớ rõ mặt chàng vì những vụ ăn điểm tâm cà phê xúi mại hện đầu tháng trả tiền, những anh chàng trạc tuổi trong xóm mà chàng phải đựng đầu luôn trong sòng bạc. Tất cả tất cả đều trở nên chướng mắt đối với chàng, và chàng không thể nào tìm được một lý do chính đáng để giải thích.

Chàng không có được một người bạn. Ngoại trừ con bé này, nó chừng tám tuổi, có lẽ bảy, có lẽ chín hay mười. Chàng không chắc chắn về số tuổi của nó cho lắm. Hình như có một lần nào đó con bé ấy đã nói cho chàng biết số tuổi của nó, nói bằng cái giọng khó chịu như muốn nhắc khéo cho chàng nhớ rằng thật là bất lịch sự khi hỏi tuổi một người đàn bà. Chàng lại mù tịt về

cái tên của con bé, và chàng buồn bã nghĩ rằng có lẽ không bao giờ chàng biết được tên của nó.

Nếu có thể gọi một cách khôi hài cái lúc ấy là « thuở ban đầu » thì cái thuở ban đầu ấy nó như thế này. Chàng vừa thua hết tiền sau một buổi chiều ngồi cong lưng trong sòng bạc. Khi chàng vừa chán nản bước ra khỏi nhà để tránh những cặp mắt khoái chí của bọn con bạc thì con bé chạy từ trong ra níu lấy áo chàng. Điều tệ hại nhất là con bé này lại là cô con gái cứng độc nhất của con mẹ chủ tiệm cầm đồ, đã cất kỹ trong tủ không biết bao nhiêu món đồ linh kính của chàng. Con bé dúi vào tay chàng một bao thuốc lá, hai mươi điếu ngắn ngủi ấy bây giờ rất quý giá đối với chàng. Khó mà quên cái cảnh con bé mở to mắt thú vị nhìn tay chàng hấp tấp xé vợi bao thuốc, châm lửa và rít mạnh làm đỏ rực nơi đầu điếu. Con bé chỉ nói : « chú thắp thuốc ngộ lắm », rồi bỏ chạy vào trong nhà.

Chàng cất kỹ bao thuốc trong túi áo, bước những bước chân cẩn thận trên con đường đầy những vũng nước dơ bẩn. Chàng bỗng nghe một tiếng gọi thật lớn. Con bé ở đằng sau lưng, nó cười khoe hàm răng thiếu một cái ở giữa. « Sáng mai chú đến suối Buji đánh bài với cháu nghe. Ở đây má cấm không cho đánh bài buồn quá. »

Đến đây chàng mới biết bao thuốc lá đáng quý chàng vừa nhận được là món đồ hối lộ. Chàng gật đầu thật dại dột. Buổi sáng đầu tiên, trên khoảng đất trống ven suối Buji chàng đã bị con bé lột sạch một trăm đồng chỉ trong vài ván cát-tê.

Rồi cái sòng bạc kỳ lạ và vắng vẻ ấy

tiếp diễn đều đặn đến nay đã hơn một tuần. Sáng từ 9 giờ đến gần mười hai giờ. Buổi chiều đóng cửa vì con bé bận những giờ học tại trường tiểu-học Công lập của thành phố. Và những buổi chiều ấy đã trở thành một khoảng thời gian trống trải vô cùng đối với chàng.

Sáng nay chàng nhất định chấm dứt cái trò cờ bạc ấy, chàng nhủ thầm mình phải cứng rắn lắm mới được bởi vì con bé nàng có tài nắn nỉ giỏi chưa từng thấy. Lời dọa nạt dễ sợ nhất của nó là không thèm chơi với chàng nữa, điều này có thể làm chàng chết đi được.

Điều thuốc đã hết bị ném bay đi, tung những làn khói xám loang trên đám lá rừng. Chàng đứng dậy, tiến về phía con bé đang nhúng ghai bàn chân cọ quây trong nước suối đỏ thắm.

— Này con sóc nhỏ, em định ngủ luôn dưới suối hả?

Con bé quay đầu lại, nó trả thù chàng bằng cách thông thả ném chiếc bàn chải và ống kem đánh răng ra giữa lòng suối chảy xiết.

Chàng bật cười nhìn con bé đứng đối diện với chàng, miệng mím lại cau có như không bao giờ biết nở một nụ cười.

Chàng đã nhìn khuôn mặt con bé cả trăm lần, kỹ càng cho đến nỗi giả thử chàng có bị thủng hai mắt, cũng có thể diễn tả được rõ ràng từng đường nét của khuôn mặt của nó. Nhưng mỗi ngày chàng gần như thấy nó khác hẳn đi, và bao giờ chàng cũng nhìn với đôi mắt ngỡ ngàng như mới nhìn lần đầu tiên. Mỗi ngày con bé hình như lột xác, tỏ bày cái vóc dáng và bộ mặt mới mẽ lạ lùng trước mắt chàng. Tóc con bé cắt ngắn, hai chùm tóc nhỏ xíu buộc

bằng sợi dây cao su lủng lẳng trên đầu. Đôi mắt trong suốt của nó biến đổi mãi mãi; lúc thì rử xuống còn một mí, tối tăm với cái vẻ đáng thương; lúc thì chói sáng như ngọn hải đăng, phản chiếu lung linh cả một bầu trời và đám lá cây rung động.

Chàng la lên: «nhe răng ra xem!» Con bé chậm rãi nhe hàm răng đã sạch sẽ phần nào hơn trước.

— Tôi tốn quá nhiều tiền về cái vụ đánh răng của em rồi đó. Sáng mai em mà còn làm biếng đánh răng ở nhà, tôi sẽ không còn chơi bài với em, và cũng không bao giờ gặp mặt em nữa đâu.

Con bé hỏi với giọng lo âu.

— Thật không? Chú không thèm gặp cháu nữa hả?

— Thật chứ, tôi sẽ mua một vé máy bay trở về Sài Gòn ngay lập tức, nếu em không chịu nghe lời tôi.

Con bé có vẻ sợ hãi thật tình. Chàng mừng tượng sẽ nhìn thấy những giọt nước mắt của nó, chàng cũng sợ hãi những giọt nước mắt đó vô cùng, chàng cố làm bộ mặt cứng rắn nhưng trong lòng đang run rẩy vì sợ con bé khóc. Cái tài khóc dai dẳng không biết mệt này của con bé chàng đã có kinh nghiệm một lần, và chàng không muốn có thêm một lần nữa.

Chàng đưa tay nắm lấy cái gáy nhỏ của con bé lôi nhẹ cho nó ngồi xuống trên một tảng đá ven bờ suối.

— Này sóc nhỏ, nghe tôi nói đây. Từ bây giờ trở đi tội mình sẽ không chơi bài nữa. Cái trò đó bậy bạ lắm, mình là bạn bè ai lại ăn thua nhau bao giờ, phải không?

Con bé làm cái điệu bộ ra vẻ buồn

rầu, nó nhìn chăm bẵm thật khó chịu vào mặt chàng.

— Chú bữa nay sao kỳ cục vậy ? không đánh bài thì biết làm gì cho vui.

— Thiếu gì, tụi mình ngồi nói chuyện chơi. Tôi sẽ kể cho em nghe nhiều chuyện ở Sài-gòn, Sài-gòn có nhiều chuyện vui lắm.

Chàng thấy đôi môi của con bé bĩu dài ra với một độ dài kinh khủng.

— Bỏ cái Sài-gòn của chú đi, ở đây có khối chuyện lạ, hay gấp mười chuyện chú. Chú có muốn nghe không ?

Chàng sung sướng lặng im, háo hức chờ đợi lời con bé với cảm giác hồi hộp hạnh phúc lạ thường, tưởng chừng như sắp sửa được một đấng Thượng đế nào đó hồi sinh ban cho những ân sủng kỳ diệu. Chàng kêu lên : « kề mau đi ! », nhưng con bé như chợt nghĩ đến điều gì, nó tỏ vẻ khó chịu hỏi chàng.

Này, mà sao bữa nay chú lại gọi cháu là Sóc nhỏ ? Chú thật kỳ cục, gọi cháu lung tung cả. Khi thì Bò rừng, Lợn lòi, Cọp vằn; Tê giác, Hươu cao cổ, Cá heo, Cá sấu... rồi bây giờ là Sóc nhỏ.

Chàng cười vang khoái trá. Không khí vô hình lạnh ngắt của trời cao, mùi suối, lá già, lá non trên cây, chim chóc rũ nhau chạy ào ạt vào buồng phổi.

— Còn nhiều nữa, chưa hết đâu. Mai tôi sẽ gọi em là Gấu rừng, rồi Vượn già, Thằn lằn, Dế mèn, Rắn hổ mang, Sư tử, Chim cú... cho đến khi nào em chịu cho tôi biết cái tên của em.

— Không.

Con bé mặt mày buồn xo sau câu trả lời cương quyết, nó lặng lẽ dí hai ngón chân cái có móng dài trên đám rêu đá. Chưa bao giờ con bé chịu nói cái tên

của nó cho chàng biết. Năn nỉ, làm mặt giận, dọa nạt, đều vô ích. Chàng có thể tìm biết tên tuổi con bé bằng cách hỏi những người quen trong xóm, nhưng chàng không muốn thế. Chàng kiên nhẫn chờ đợi cặp môi mỏng và hồng như quả đào rụng thốt lên cái tên của chính nó.

— Chú hỏi làm gì ? tên của cháu nghe kỳ cục lắm. Nói ra chú sẽ cười và không thèm chơi với cháu nữa đâu.

— Không đâu, ai lại thèm đề ý đến cái tên đẹp hay xấu, tên của tôi cũng dở ẹt đó.

Con bé cắn môi, chàng có cảm tưởng là nó sẽ khóc. Nhưng đôi mắt của nó vẫn trong suốt.

— Có một lần cháu nói tên cháu cho tụi bạn trong xóm. Tụi nó phát lên cười rồi chế nhạo cháu mãi. Rồi mỗi khi gặp cháu là cái bọn mất dạy con Bác Tư hót tót kêu ầm lên để phá cháu. Cháu thề sẽ không khi nào... Chú cũng như cái bọn dễ ghét đó thôi.

— Tôi khác chứ, tôi là bạn thân của em mà.

Con bé lắc đầu tỏ vẻ không tin tưởng : « cháu không tin, cháu sợ nhất là làm trò hề cho người khác ». Chàng nhìn cái mặt làm ra vẻ già dặn như một người lớn tuổi đã trải qua nhiều cay đắng ở đời của con bé, cái lỗ mũi hếch lên trời như hai ống khói tàu thật ngộ nghĩnh. Từ lúc ấy trở đi, con bé không nói một tiếng, nó cũng không thêm kể những chuyện thật lạ ở Ban mê Thuật mặc dầu chàng đã nhắc khéo vài lần.

Cuối cùng chàng đành nói vắn vơ với nó. Về kỷ niệm tuổi thơ của những ngày tháng trọn vẹn ở Huế. Sông Hương, sông Bến Ngự... dài, rộng và mát dịu gấp trăm lần con suối ở đây. Những

ngày nóng bức của mùa hạ năm ngâm mình suốt cả buổi chiều trong lòng sông đầy cát, gạch ngói vụn, rong xanh loăn ngoăn như tay của một loài ma. Buổi chiều trên con đường hai hàng phượng đỏ rực che kín trên đầu, hột phượng béo bùi ngon lành trong miệng. Buổi chiều xách ná cao cu, đi lùng chim sẻ, chim sâu, chim chào mào nhảy nhót trên những tàng cây trứng cá trong khu vườn rộng của ngôi nhà. Buổi chiều tập võ đút trong túi quần, say mê nhìn từng động tác lành nghề của lão già câu cá bên mé cầu Trường Tiền.

Chàng say sưa nói như người giảng đạo tìm được chú tín đồ ưng ý nhất của mình. Con bé phá lên cười khi nghe chàng kể đến đoạn chàng đá bóng ở một công viên gần chợ Bến Ngự, quả bóng da từ bàn chân chàng bay như mũi tên trúng ngay vào mông của một lão cảnh sát già rất ghét trò đá bóng lão thời còi và chạy rượt chàng, lúc ấy chỉ là một cậu bé con mười một tuổi chạy có cờ.

Chàng dừng câu chuyện để hoàn toàn lắng nghe tiếng cười trẻ thơ trong veo như bong bóng nước. Con bé ngưng cười khi thấy chàng đang nhìn nó chăm chú, nó nói hất hàm như một nữ chúa cướp biển.

— Sao khi không chú lại cầm vậy? Kể tiếp đi chứ?

Chàng yên lặng, lấy điếu thuốc trong bao. Con bé đưa tay dành lấy chiếc bật lửa từ tay chàng. Nó vụng về quẹt lửa bằng cả hai tay và cố đem cái khuôn mặt bé bỏng của nó để che gió. Ngọn lửa le lói bùng lên. Chàng sung sướng đưa điếu thuốc chạm vào đám lửa hồng, rồi chàng tiếp tục...

Cũng không còn gì để kể nữa. Thừa

còn nhỏ như em, tôi vui lắm, mùa đông má tôi đan cho tôi ít nhất là ba cái áo ấm khác màu nhau... Rồi tôi lớn lên, vào Sài Gòn-học, ở đây chán lắm. Và tôi có một cô bồ học cùng lớp trong năm đầu tiên ở Đại Học. Cô ấy cũng đẹp, tuy không bằng em được...

Chàng dừng lại như bị cả một mặt trời đỏ rực lửa rơi vào mặt. Đã hết. Không thể nào tiếp tục được nữa. Chàng đã thề không bao giờ kể cho con bé này hay bất cứ ai biết câu chuyện đó.... Chàng với người con gái ngồi trong một quán ăn ở trung tâm thủ đô, bàn tay chàng nắm nhẹ tay nàng đang đặt trên bàn. Có lẽ cả hai đang xây dựng những ước mơ bằng ý nghĩ. Và một quả mìn định hướng nổ vang khủng khiếp. Chàng như bị ném vào lòng bóng tối bao la, rồi chàng tỉnh dậy nghe người quen cho biết người con gái đã chết, tấm thân của nàng bị xé vụn như người ta xé một tờ nhật báo. Chàng bị một mảnh sắt trúng vào gáy, và đã thoát chết một cách lạ lùng. Nhưng từ nay ở bệnh viện ra, chàng có cảm tưởng những người quen đều nhìn chàng bằng một đôi mắt khác lạ. Tên bác sĩ khốn kiếp đã nói là vết thương có ảnh hưởng đến bộ máy thần kinh của chàng. Nói trắng ra, người ta nghi ngờ tâm trí chàng không được bình thường như lúc trước, và khuyên chàng nên vào dưỡng trí viện một thời gian. Cái bọn người ngợm chung quanh thật đáng ghét, chúng biến lời phỏng đoán mơ hồ của tên bác sĩ thành một sự thực rắn chắc như vách đồng. Chàng có thấy mình đổi khác gì đâu, chàng vẫn còn có những thói quen, ký ức và tình cảm thường lệ.

Chàng sẽ không bao giờ nói cho ai biết kỷ niệm khó chịu này. Nhất là vợ

con bé, nó sẽ nghĩ sao khi người bạn thân của nó là một người bị kẻ khác coi như người khùng. Chàng liếc trộm con bé, mặt nó tự dưng tối sầm lại, cái giọng nói thật lạnh nhạt.

— Cô bồ của chú tên gì ?

— Em hỏi làm gì vậy ?

Con bé nhắc lại câu hỏi với cái giọng thật cứng rắn, gần như dọa nạt là sẽ bỏ đi. Chàng mỉm cười, nói « cô ấy tên Châu ».

Con bé không nói gì thêm. Bàn chân nhỏ xíu của nó quậy dưới nước như cái đuôi cá làm nước sôi vầy đục hẳn lên. Chàng đã quen thuộc với cái lối giận hờn, gây chuyện của nó nên cần thận đề phòng. Con bé nhếch mép, với dáng mĩa mai như một người đàn bà.

— Châu, cái tên hay quá. Chắc cô ấy đẹp ghê lắm hả ?

— Tôi đã nói rồi, em đẹp hơn cô ta nhiều.

— Chú nói láo.

Chàng lắc đầu. Con bé bỗng nhiên hỏi thật bất ngờ, chàng không bao giờ sửa soạn được một câu trả lời khôn khéo cho những câu hỏi ấy được.

— Chú nói thật đi, chú thương cô ấy hay thương cháu hơn ? Chàng lóng cọng làm điệu thuốc cháy đỏ rớt xuống tay, chàng hất vội nó bay xuống đất. Chàng cố gắng giải thích, nhưng chàng bao giờ cũng là người ăn nói rất kém, rất vụng về.

— Làm sao tôi trả lời được. Tôi thương cô ấy khác, thương... cháu khác chứ.

— Khác gì ? Chú thương ai hơn.

Con bé mặt giận dữ như một anh chàng cảnh sát hỏi cung tên sát nhân

— Tôi đối với cô ấy khác em. Tôi thỉnh thoảng có thể... ôm hôn cô ấy, hay quàng vai cô ấy đi chơi giữa phố. Nói em đừng cười... tôi với cô ấy... định làm vợ chồng với nhau đó, như ba má em vậy.

— Ba cháu chết lâu rồi, chú đừng nhắc lại nữa. Còn chú đối với cháu ra sao, ghét lắm hả ?

Chàng ấp úng, chàng lóng cọng như một anh nhát gái lần đầu tiên tỏ tình. Nhưng chàng hài lòng vô cùng, một thứ hạnh phúc mỏng manh không tên nào đó hình như đang lan đậm trong người.

— Dĩ nhiên tôi cũng... thương em. Nhưng em phải khác với cô ấy chứ. Thỉnh thoảng tôi cũng béo má hay xoa đầu em...

Chàng cười : «... chứ đâu có làm... Cái chuyện ấy được. » Con bé có vẻ xấu hổ, nó nói thật lớn có lẽ cho đỡ ngượng.

— Thôi dẹp đi. Bây giờ chú nói đi, thương cháu hay thương cô ấy hơn ?

Chàng mỉm cười dùng nắm tay dấm nhẹ vào cái mũi phồng lên khi nóng giận xem thật khôi hài của con bé.

— Em thật lắm chuyện. Bây giờ thì tôi thương em hơn chứ ?

— Còn trước kia ?

— Trước kia thì dĩ nhiên... tôi phải thương cô ấy hơn, lúc đó tôi đã quen với em đâu.

Chàng không kịp hối hận vì lời nói đại dột của chàng. Con bé đã khóc òa và đứng bật dậy, những giọt nước mắt như chờ đợi sẵn sàng đã lâu thi nhau phủ nhòe nhoẹt trên khuôn mặt. Nó vừa khóc vừa nói lầm bầm : « Chú thương cô ấy hơn cháu »,

Chàng hoảng hồn quàng tay trên vai nó đỡ dành nhưng con bé đã vùng mạnh ra, nó ráng hết sức ném thật mạnh cái bật-lửa này giờ vẫn nằm trong tay nó vào ngực chàng. Chàng kêu lên một tiếng đau nhói làm con bé mở lớn con mắt nhìn chàng để xem có bị việc gì không, và khi thấy chàng vẫn mạnh khỏe như thường, con bé càng khóc lớn thêm. Chàng khổ sở không biết phải làm sao thì con bé vù chạy thật mau ra phía đường cái. Từ bờ suối đến con đường lớn, phải đi dọc theo một quãng dài mới đến Cổng số một, khu xóm mà con bé và chàng đều ở đó. Nhưng khoảng đất đang dưới chân con bé đầy những ụ đất, đá tảng và những khúc cây ngổn ngang nên chàng sợ hãi con bé vấp ngã. Chàng chạy theo con bé quay đầu lại vừa khóc vừa kêu lên : « Chú về đi, không muốn gặp chú nữa. »

Chàng giật mình đứng lại, tâm hồn bị vây bủa bởi một cơn buồn bã dị thường và lớn mạnh không gì ngăn chặn được. Chàng ước ao bằng tuổi con bé để có thể khóc òa.

Con bé thấy chàng đứng lại, nó có vẻ chạy hơi chậm để chàng đuổi theo. Nhưng chàng đứng bất động, chàng nghĩ là con bé thực tình không muốn gặp chàng nữa, và chàng muốn biết thật chắc chắn điều ấy. « Sáng mai em có ại đây nữa không ? Nếu không, tôi về Sài Gòn liền à ». Con bé gần như nín khóc : « Không biết, mai chú cứ đến đây xem sao ». Rồi hình như còn đủ trí khôn để nhận thấy câu nói lỗ bịch của mình, con bé dậm chân và tiếp tục khóc thật lớn, và nó chạy một mạch mất hút từ trên triền dốc cao. Đến bây giờ chàng mới chú ý cái áo màu xanh đã trời và chiếc

áo ấm màu nâu cổ tròn của con bé xinh xắn vô cùng.

Cao nguyên đã đến mùa đẹp nhất, mùa thu. Buổi sáng đã đến lúc đẹp nhất, mặt trời không quá chói chang, lấp lánh trên đám lá cây xanh lẫn lẫn như những hạt sóng biển. Nhưng chàng cảm thấy lạc lõng trong một cơn bão biển kinh dị trong đêm tối, và khuôn mặt đầy nước mắt của con bé là ngọn hải đăng thấp thoáng mù xa.

Buổi sáng hôm nay buồn bã vô cùng... Nếu chàng viết nhật ký, chàng sẽ ghi những dòng như thế. « Buổi sáng hôm nay buồn bã vô cùng ». Nhưng chàng không bao giờ viết nhật ký.

oOo

Chàng khóa cửa phòng lại cẩn thận bọn trẻ con và có lẽ cả người lớn ở đây đều là những tên trộm chúa cả. Chàng huýt sáo một bản nhạc đã nghe cả trăm lần trong radio, chân đi những bước chim nhảy. Khi chàng vừa đi ra khỏi nhà thì gặp một đôi nhân tình đang đi vào. Chàng mỉm cười chào họ, chàng quen mặt với hai người này, người đàn ông là một sĩ quan ở khu quân sự gần đây và cái ả đàn bà tóc quấn răng vàng là một con mẹ người Nam bán vải trong chợ, cả hai thuê căn phòng sát bên phòng chàng.

Chàng khoan khoái cho tay vào túi quần mân mê xấp giấy bạc gần mười ngàn đồng mới toanh, những tờ giấy thơm phức mới lãnh chiều qua tại ty bưu điện. Đây là số tiền mà bà chị ruột của chàng gửi cho chàng mỗi tháng, trong suốt thời gian chàng dưỡng bệnh tại Ban mê Thuật, theo lời khuyên nhủ của bà.

Điều này có lẽ chàng cũng không bao

giờ nói với ai, nhất là với con bé. Đàn ông hơn hai mươi mấy tuổi rồi mà không làm ra một đồng nào thì quả thật phải hổ thẹn.

Chàng buồn cười nghĩ đến cái buổi con bé hỏi chàng làm nghề gì mà có nhiều tiền đánh bạc vậy, chàng bịa ra chàng là một nhà văn, hiện đang viết một cuốn tiểu thuyết dài cho một tờ tuần báo ở Sài-gòn.. Mỗi tháng tòa báo gửi tiền cho chàng đều đặn. Con bé thán phục nhìn chàng, và chàng không ngần ngại lẻo thêm. Chàng bảo làm nhà văn hách lắm, muốn cho ai yêu nhau, lấy nhau, ai chết ai sống, đều được hết. Con bé khoái chí, nó đòi chàng viết một câu chuyện trong đó nó phải là vai chính, phải là cô công chúa giàu sang, có cái tên thật đẹp, và mỗi sáng có người hầu đánh răng giùm. Chàng trả lời : « : tôi phải làm một bài thơ dài một ngàn trang đề tả riêng cặp mắt của em, một cuốn tiểu thuyết dài hai ngàn trang để ghi chép những lời nói của em, và một cuốn sách nghiên cứu dài năm ngàn trang về cái tật làm biếng, nói dối và hay khóc của em. Bằng lòng chưa ? »

... Chàng đi đến phố bằng chiếc xe ngựa lộc kéo kéo lê tường bước khi leo lên triều dốc ở quốc lộ. Chàng đã cho tên lái ngựa một trăm đồng với điều kiện chiếc xe chỉ chở một mình chàng thôi. Tên này bằng lòng liền, gả không ngần ngại đuổi hết những người đang ngồi chờ đợi trên xe từ lâu. Khi chiếc xe đi qua khoảng rừng cây ở suối Buji, chàng không thể nhìn thấy được ngọn suối bởi vì những đám cây rậm che lấp. Chàng nhớ đến vụ giận hờn sáng hôm qua của con bé, nhưng chắc chắn sáng nay con bé sẽ đến, nó không giận chàng lâu đâu, vả lại hôm nay chàng đang sửa soạn làm lành với nó bằng những món quà đặc biệt.

Chàng bước vào một tiệm sách ở

đường Ama-Tran-Long, tìm đến kệ tủ chứa những sách truyện dành cho trẻ em. Thật khốn nạn, cái ngăn này chứa đầy những tập báo hình in nhòe nhoẹt, lời lẽ thì thật nham nhở và tục tĩu. Chàng chán ngán nhìn một lũ trẻ con đang châu đầu lựa mua những cuốn tập hình cóp nhật ngoại quốc một cách vụng về, do một tên thợ vẽ mắt dầy nào đó chế tạo. Cuối cùng chàng đành mua một cuốn sách mỏng, có cái bla trắng láng vẽ hình một cậu hoàng tử mặc áo nhiều màu rất đẹp, chuyện này dịch của Exupéry và chàng đã đọc nó cách đây ít lâu.

Chàng sợ con bé sẽ không thích đọc loại sách này, và có lẽ nó cũng không thích đọc sách cho bằng cái việc lượm những chiếc lá chết thả tung trên dòng suối. Nhưng biết làm sao, chàng dốt đến nỗi không biết tìm được 1 món quà thích hợp cho lứa tuổi của con bé. Chàng mua thêm ở tiệm sách một cây bút máy Nhật Bản thật xinh xắn, một chiếc máy bay nhỏ làm bằng thứ gỗ nhẹ, ném món đồ chơi này lên không trung, nó sẽ bay là đà như cánh điều hâu.

Cuối cùng chàng đến tiệm bán thực phẩm ở gần chợ, mua một tút thuốc cho chàng, những hộp kẹo Chocolat, kẹo hạt điều, một hộp nho khô cho con bé và khi chàng cầm lấy tiền thối lại của bà chủ tiệm, chàng nghĩ rằng tháng này có lẽ phải nhịn đánh bạc, nhịn chơi cái trò thuê xe ngựa chạy vòng quanh thành phố, nhịn nhậu nhẹt với khô nai và la-de ở tiệm Ba Tàu gần nhà...

Sáng nay, sáng nay sẽ là buổi sáng thịnh soạn nhất cho cô bé. Chàng sung sướng nhia lên bầu trời nhuộm nắng dịu dàng, mừng rỡ vô cùng nhìn thấy một cánh chim trắng bay qua nhanh.

(Còn tiếp một kỳ)

HOÀNG NGỌC TUẤN

DÂNG HOA TRÊN NĂM MỒ

VÕ-QUANG-YẾN

Phóng tác theo « *Flowers for Algernon* » của
DANIEL KEYES

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 282)

Ngày 15-5

Bác sĩ Sanh hết sức giận tôi vì đã 15 ngày tôi chẳng viết một bức biên bản nào, nhất là phòng thí nghiệm trả lương đều cho tôi. Tôi bảo tôi bận đọc và suy nghĩ. Nghe tôi phàn nàn viết chậm và chữ xấu, ông đề nghị tôi học đánh máy. Từ nay tôi viết dễ dàng hơn vì tôi đánh máy nhanh đến 75 chữ mỗi phút. Bác sĩ Sanh khuyên tôi luôn phải nói và viết đơn giản để cho mọi người có thể hiểu tôi. Tôi nghĩ bác sĩ Nam, năm nay 60 tuổi (già hơn bác sĩ Sanh 10 tuổi) muốn nhất thiết theo dõi những kết quả hiển nhiên những công tác của ông. Trái với cảm tưởng lúc ban đầu, tôi thấy ông không có gì là kỳ tài. Trí óc ông nở nang thật nhưng ông hay nghi ngờ. Ông muốn thế giới xem ông như một thiên tài, vì vậy đối với ông ý thức những công tác của ông được thế giới công nhận thật là quan trọng.

Bác sĩ, Sanh trái lại, có thể xem như là một thiên tài, tuy tôi có cảm tưởng kiến thức của ông chưa được rộng lắm. Ông đã được giáo huấn trong cỗ lệ một sự chuyên hóa hẹp hòi : những cục diện rộng lớn của một nền giáo dục đại cương vững chắc đã bị sao nhãng, ngay cho cả một nhà thần kinh thủ thuật.

Tôi rất lấy làm lạ khi thấy ông chỉ biết đọc tiếng la-tinh, hy lạp, hê-bơ mà thôi trong số những tử ngữ ; còn về toán pháp ông không vượt quá mức sơ đẳng những phép tính biến thiên. Khi ông tự thú với tôi, tôi rất phiền. Tôi nghĩ như ông ta đã dấu một phần nào về ông để dối tôi, để cho tôi tưởng ông là một người khác, như tôi đã từng khám phá ra ở biết bao nhiêu người khác. Tôi chưa được biết ai giống thế diện bên ngoài.

Bác sĩ Nam như tưởng thấy khó chịu mỗi khi có tôi. Lắm lúc, khi tôi muốn nói chuyện với ông, ông nhìn tôi một cách kỳ quái rồi ngoảnh mặt đi. Lúc đầu, tôi phát giận, sau đây bác sĩ Sanh giảng cho tôi hay tôi đã gây tự ti mặc cảm cho bác sĩ Nam. Tôi tưởng ông ta nhạo tôi và tôi rất dễ cảm xúc trước một sự nhạo báng thái quá.

Làm sao đoán được một nhà tâm lý học thực nghiệm trứ danh như Nam không biết tí gì về tiếng Ấn độ và Trung-hoa ? Thật là vô lý nếu người ta đề ý những công tác hiện nay ở Ấn độ và Trung-hoa nằm trong ngành chuyên môn của

ông ta. Tôi hỏi bác sĩ Sanh làm sao Nam có thể bài bác những công kích của Rahajamati chống phương pháp và kết quả của ông nếu đề bắt đầu ông không đọc được những công kích ấy. Sắc mặt lạ lùng của bác sĩ Sanh buộc tôi nghĩ hai điều : hoặc ông không muốn nói cho Nam biết ở bên Ấn-độ người ta nghĩ gì về những công tác của Nam, hay (điều này làm tôi ái ngại hơn) bác sĩ Sanh cũng không biết gì cả. Tôi cần phải lưu ý nói và viết rõ ràng và đơn giản để cho mọi người khỏi cười.

Ngày 18-5.

Tôi rất bối rối. Tôi gặp cô Thu tối hôm qua. Tôi đã tránh bàn cãi về mọi khái niệm trí thức và chỉ nói toàn về chuyện hằng ngày, nhưng cô nhìn tôi ngạc nhiên và hỏi tôi tương ứng một phép biến thiên toán học trong bản Hòa âm thứ 5 của Dobermann là gì. Khi tôi muốn giải nghĩa, cô bắt tôi dừng lại và phá lên cười. Tôi tưởng tôi sắp giận nhưng tôi lại nghĩ chắc cô không cùng trình độ hiểu biết với tôi. Và sau này trong bất cứ đề tài nào tôi cũng không đạt được với cô. Tôi cần phải đọc lại phương trình Vrostadt về những Tầng nấc trong Cấp số Ý nghĩa học. Tôi nhận thấy không thông đạt được với nhiều người. May thay, tôi có sách, nhạc, và vì số đề tài để suy nghĩ. Tôi thường ngồi một mình trong phòng và ít giao thiệp với ai.

Ngày 20-5.

Tôi không bao giờ để ý đến thằng nhỏ rửa chén bát ở quán cơm đầu phố nếu không có vụ vỡ chén vừa qua. Một chồng đĩa rời khỏi tay nó và rớt vỡ tứ tung. Thằng nhỏ sợ hãi đứng trơ người với cái mâm không. Tiếng nguồn rửa của khách hàng như tường làm cho nó vô cùng xấu hổ. Khi ông chủ quán lại gần, nó cúi đầu như sắp bị đánh, hai tay co lên ngang tai như để chống đỡ những cú đòn.

— «Thôi được rồi, đồ ngu si, dần dần, vào trong lấy cái chổi ra đây. Một cái chổi, nghe chưa, để quét lượm các mảnh vỡ».

Thình lình, tôi nổi cơn thịnh nộ, đứng dậy nhìn tất cả những người đang nhìn thằng bé với những nụ cười không có chút tự nhiên nào và la lớn :

— «Đề nó yên ! Không phải lỗi nó nếu nó chẳng hiểu gì ! Nếu có như vậy, rõ không thể làm gì khác. Dù sao nó cũng là một nhân mạng !»

Trong quán cơm mọi người lặng yên. Tôi cũng tự trách đã mất tự chủ và làm ồn trong tiệm ăn. Tôi cố không nhìn thằng bé nữa, trả tiền bữa cơm chưa ăn và ra đi. Tôi thấy thẹn cho nó và cả cho tôi.

Cũng lạ là nhiều người thành thật và dễ cảm xúc, không hề có ý nghĩ ngạo báng một người què hay mù, lại rất dữ tợn với một đứa trẻ ngu dốt. Tôi giận khi nghĩ đến cách đây không lâu tôi đã đóng một vai hề giống hệt đứa bé ấy.

Và bây giờ tôi quên gần hết.

Trong mắt tôi, tôi đã dấu kín hình ảnh thằng Mười trước kia, bây giờ tôi thành thông minh, hình ảnh ấy cần phải được hất bỏ. Nhưng ngày hôm nay, nhìn

thằng bé ấy, lần đầu tiên tôi thấy trước kia tôi như thế nào : tôi giống hệt thằng bé ấy!

Tôi không khi nào nghĩ như vậy. Ngay với nhuệ độ trí năng mà tôi đã đạt được bây giờ, tôi chưa từng ý thức thật sự. Ngày hôm nay thật là một ngày lành cho tôi. Với một nhận định rõ ràng về quá khứ, tôi muốn dùng những kiến thức và năng lực của tôi để nâng cao trình độ trí thức của con người. Ai có đủ dụng cụ hơn tôi để làm việc ấy ? Ai đã sống trong hai thế giới như tôi ?

Ngày mai tôi sẽ đàm thoại với bác sĩ Sanh về phương pháp làm việc trong lãnh vực này. Rất có thể tôi sẽ giúp ông giải quyết vấn đề ứng dụng phổ cập kỹ thuật đã thực nghiệm cho tôi. Tôi đã có những ý nghĩ riêng rất hay.

Một kỹ thuật kiểu này sẽ đem lại những kết quả tuyệt diệu. Nếu người ta đã có thể biến tôi được thành thiên tài, người ta sẽ có thể biến bao nhiêu người khác thành bất cứ gì. Nếu đem ứng dụng kỹ thuật này vào những người bình thường thì sẽ đưa họ lên đến mức nào ? Và nếu ứng dụng vào những người đã là thiên tài.

Biết bao nhiêu cửa cần phải mở. Tôi nóng lòng muốn bắt đầu.

Biên bản 12. Ngày 23-5.

Hôm nay con chuột An đã cắn tôi. Tôi lại thăm nó trong phòng thí nghiệm và bắt nó vào tay như thường lệ, nó liền chìa hai răng vào bàn tay tôi. Tôi thả nó ra và xem xét một lúc. Trái với mọi khi, nó có vẻ nóng nảy và xấu tính.

Ngày 24-5.

Bình, người chăm nom các thú vật dùng để thí nghiệm, bảo có gì thay đổi ở An. Nó không muốn hợp tác nữa ; nó từ chối chạy trong các mê lộ. Động cơ tâm lý sứt xuống. Ai cũng ví tôi với An. Thật ra An và tôi là hai sinh vật đầu tiên trong giống. Ai cũng bảo thái độ của An không cần phải bắt buộc là thái độ của tôi sau này. Nhưng rất khó dấu nhiều thứ vật dùng trong phòng thí nghiệm này cũng đã có những thái độ kỳ quặc.

Bác sĩ Sanh và bác sĩ Nam yêu cầu tôi dừng lại phòng thí nghiệm nữa. Tôi tiếp tục khởi thảo những chương trình đề thúc đẩy cuộc khảo cứu. Mặc dầu tôn kính hai ông, tôi vẫn biết giới hạn tài trí của hai ông. Nếu có một cách giải quyết, chính tôi phải tìm ra. Đột nhiên, tôi thấy thời giờ quý báu làm sao.

Ngày 29-5.

Người ta cho tôi một phòng thí nghiệm riêng và cho phép tôi tiếp tục khảo cứu. Tôi đang khám phá ra một cái gì. Tôi làm việc ngày đêm. Tôi cho kê ngay một cái giường trong phòng thí nghiệm. Tất cả những ghi chú tôi giữ trong một hồ sơ riêng, nhưng lắm lúc tôi muốn viết ngay cả những ý tưởng, những tâm trạng như tôi.

Phép tính thông minh là một thiên khảo cứu vô cùng kích động. Chính ở đây mà tôi đã có thể áp dụng tất cả những kiến thức mà tôi đã đạt được. Một cách khác, đây là vấn đề mà tôi chú trọng suốt đời tôi.

Ngày 31-5.

Bác sĩ Sanh bảo tôi làm việc quá nhiều. Bác sĩ Nam bảo tôi muốn chữa đưng trong khoảng vài tuần lễ những ý tưởng và khảo cứu của cả một đời người. Tôi biết tôi cần phải nghỉ ngơi nhưng trong thâm tâm tôi một cái gì đã thúc đẩy tôi không cho tôi dừng nghỉ. Tôi cần phải hiểu vì sao con chuột An thành linh bị thoái hóa. Tôi cần phải biết tôi cũng bị thoái hóa không và nếu có thì bao giờ.

Ngày 4-6.

Thư gửi cho bác sĩ Sanh (bản sao).

Bác sĩ Sanh thân mến,

Tôi xin gửi bác sĩ biên bản: "Hiệu ứng An-Mười. Khảo cứu về cấu tạo và những chức vụ của sự thông minh tăng tiến". Tôi rất vui lòng nếu bác sĩ chịu khó đọc và cho gửi đi đăng.

Như bác sĩ thấy, thí nghiệm của tôi đã hoàn tất. Trong biên bản tôi có ghi thêm tất cả những công thức và, ở phụ chú, bản phân giải toán học. Lẽ dĩ nhiên, tất cả khám phá này cần phải được thực nghiệm kiểm tra.

Vì tính cách quan trọng cho bác sĩ và cho bác sĩ Nam (và cần chẳng phải nói quan trọng cho cả chính tôi?), tôi đã dò qua soát lại những kết quả mười hai lần với hy vọng tìm ra một chỗ sai. Tôi rất tiếc nhưng phải chịu những kết quả hoàn toàn đúng. Dù sao, vì lợi ích của khoa học, tôi vui mừng đem lại một chút phần đóng góp vào kiến thức về những chức vụ của trí óc con người và những định luật chi phối sự tăng gia nhân tạo tính thông minh.

Tôi nhớ có nghe nói một lần thất bại của một thí nghiệm hay dẫn chứng một sai lầm trong lý thuyết đều quan trọng cho sự tiến triển học thức cũng như một thành công. Bây giờ tôi biết là đúng. Tuy nhiên tôi rất tiếc là phần đóng góp của tôi trong lãnh vực này xây dựng trên đóng tro tàn của công tác hai người mà tôi hết lòng quý chuộng.

Trân trọng kính chào bác sĩ,
Nguyễn văn Mười.

Có kèm theo: một biên bản.

Ngày 5-6.

Tôi không nên quá động lòng. Sự kiện và kết quả của những thí nghiệm tôi làm đều rõ ràng, minh bạch. Những cục diện cảm kích nhất của sự tấn bộ lạnh chổng của tôi không thể dấu giếm sự tăng gia gấp ba trí thông minh nhờ kỹ thuật giải phẫu của hai bác sĩ Nam và Sanh, hiện nay, không thể ứng dụng để làm tăng gia trí thông minh con người. Nhân xem xét những tiêu chuẩn tiêu lượm về An, tôi thấy nó lui lại về mặt trí óc tuy cơ thể vẫn còn ở thời ấu trĩ. Hoạt động chủ động bị xúc động, người ta nhận thấy hoạt động của hạch bị thuyên giảm và sự phối trí càng ngày càng mất nhiều.

Người ta cũng nhận thấy nhiều biểu thị rõ ràng về tính mất dần trí nhớ.

Như người ta sẽ thấy trong biên bản của tôi, những hiệu ứng ấy và những bệnh triệu khác của sự tồn thất vật chất và tinh thần có thể tính trước được với những kết quả có ý nghĩa bằng cách áp dụng những công thức của tôi.

Cuộc giải phẫu mà hai chúng tôi chịu đựng đã xác định một sự tăng gia tiến triển tinh thần. Sự biến chuyển bất ngờ mà tôi tự tiện gọi là "hiệu ứng An-Mười" là sự khuếch trương hợp lý của tất cả các cách kích thích trí thông minh. Giả thuyết dẫn chứng ở đây có thể phát biểu một cách thô sơ như sau : trí thông minh nhân tạo được tăng gia sẽ bị tồn thất theo một tốc độ trực tiếp tỉ lệ với sự tăng gia nói trên.

Tôi có cảm giác đây là một khám phá quan trọng.

Vì vậy ngày nào tôi còn viết được, tôi sẽ tiếp tục ghi chú ý tưởng của tôi trong các biên bản. Đây cũng là một trong những thú vị hiếm có của tôi. Tuy nhiên, theo những biểu thị, sự tồn thất tinh thần của tôi sẽ rất lạnh chóng.

Tôi đã bắt đầu nhận xét những dấu hiệu mất tính chất chắc chắn về mặt cảm xúc hay mất trí nhớ, những triệu chứng suy nhược đầu tiên.

Ngày 10-6

Sự suy nhược tiếp diễn. Tôi trở nên đãng trí. An chết đã 3 ngày nay. Giải phẫu đã chứng minh những tiên đoán của tôi là đúng. Bộ óc của nó bị mất trọng lượng, ở phía trong những mức bị san bằng, những rãnh trở nên sâu rộng.

Tôi tưởng tượng trong óc tôi hiện nay hay rồi đây cũng sẽ diễn ra một cảnh tương tự. Bây giờ chuyện đã hiển nhiên, tôi không muốn sẽ lại.

Tôi bỏ An trong một cái hộp nhỏ và đem chôn ngoài vườn. Tôi đã khóc.

Ngày 15-6.

Bác sĩ Sanh trở lại thăm tôi. Tôi không muốn mở cửa và bảo ông đi ngay. Tôi muốn người ta để tôi được yên. Tôi cảm thấy bóng tối bao trùm tôi lại. Rất khó rời bỏ ý nghĩ quyên sinh. Tôi luôn tự bảo cuốn nhật ký nội tình này sẽ rất là quan trọng.

Thật là một cảm giác lạ khi mình cầm một cuốn sách đã đọc, đã cảm thấy thích thú cách đây vài tháng và khám phá ra bây giờ mình không còn nhớ gì nữa. Tôi còn nhớ đã từng cho Nguyễn Du là một nhà đại thi sĩ, thế mà bây giờ đọc lại truyện Kiều tưởng như đọc lần đầu tiên. Giận và buồn quá, tôi ném cuốn sách qua phía bên kia phòng.

Tôi cần phải cố níu, cố giữ lại một phần nào những gì tôi đã đọc. Trời ơi, xin đừng lấy lại hết của tôi !

Ngày 19-6.

Có khi, nửa đêm, tôi dậy và đi dạo chơi. Đêm hôm trước tôi không nhớ được tôi ở đâu. Một viên công an đã đưa tôi về đến tận nhà. Tôi có cảm giác lạ lùng là chuyện ấy đã xảy ra một lần rồi, cách đây khá lâu. Tôi luôn tự bảo tôi là người độc nhất trên thế giới có thể diễn tả những gì xảy ra cho tôi.

Ngày 27.6.

Vì sao tôi không thể nhớ gì nữa ? Tôi cần phải tranh đấu. Tôi nằm trong giường ngày này qua ngày khác và tôi cũng chẳng còn biết tôi là ai, tôi ở đâu. Rồi trong chớp mắt, tất cả trở lại. Tính mất trí. Triệu chứng già—thời kỳ ấu trĩ thứ nhì.— Tôi thấy nó đang tiến tới. Một cách hợp lý rùng rợn. Tôi đã học biết bao nhiêu điều và rất nhanh. Bây giờ đây đầu óc tôi suy nhược cũng nhanh. Nhưng tôi không muốn chịu thua. Tôi sẽ tranh đấu. Tôi không khỏi nghĩ đến thằng bé ở quán cơm, sắc mặt trống rỗng, nụ cười ngu si, tất cả mọi người chế nhạo nó. Không, xin tha cho tôi, đừng bắt tôi trở về trạng thái ấy.

Ngày 22-6.

Tôi đang quên những điều tôi vừa mới học. Như tường đẩy là một tiến triển thường xuyên : những điều học sau lại bị quên trước nhất. Nhưng có phải như vậy không ? Tôi nên đọc lại trong sách.

Tôi vừa đọc lại biên bản về "Hiệu ứng An-Murèr". Tôi có cảm giác kỳ lạ là biên bản ấy do một ai khác viết. Có nhiều đoạn tôi chẳng hiểu gì cả.

Hoạt động chủ động bị xúc phạm. Tôi vấp phải mọi chương ngại. Tôi càng ngày càng thấy đánh máy khó.

Ngày 23-6.

Tôi bỏ bàn máy đánh chữ. Tính phối trí của tôi bị hỗn loạn. Tôi cảm thấy cử chỉ tôi trở nên chậm chạp. Hôm nay tôi lại bị một đòn đau : tôi lấy một bản thuyết minh tôi đã dùng đề khảo cứu : "Ueber psychische Ganzheit" của Krieger để xem thử có giúp tôi được gì không. Lúc ban đầu tôi tưởng mắt tôi bị kém lại. Sau tôi mới hiểu tôi hết còn đọc được tiếng Đức ! Tôi thử với những tiếng khác : kết quả đều giống nhau, tôi đã quên hết !

Ngày 30-6.

Một tuần rồi tôi chẳng viết gì hết. Thời gian trôi qua như những hạt cát trượt qua mấy ngón tay. Phần lớn các sách tôi có đều trở nên quá khó cho tôi bây giờ. Tôi bức tức vì chỉ cách đây có mấy tuần tôi đã đọc và hiểu. Tôi tự bảo cần phải tiếp tục viết biên bản vì phải có người biết tôi làm gì. Nhưng càng ngày chữ càng khó kiểm, chính tả cũng trở thành khó khăn. Bác sĩ Sanh lại thăm tôi hằng ngày nhưng tôi không muốn gặp ai hết. Ông ta tự thấy có lỗi. Những người khác cũng vậy. Nhưng tôi chẳng oán ai. Tôi biết trước chuyện sẽ xảy ra như thế nào. Nhưng dù sao cũng đau đớn quá.

Ngày 10-7.

Bà chủ nhà trọ lo cho tôi lắm. Bà bảo thấy tôi nằm ở nhà suốt ngày, bà lại nhớ tới con bà ngày trước, trước, khi bà đuổi nó đi. Bà không thích những người làm biếng. Nếu tôi tôi ốm thì hiểu được. Tôi bảo bà như tường tôi ốm.

Tôi thử đọc mỗi ngày một chút, nhất là truyện, nhưng nhiều lúc phải đọc lại nhiều lần mới hiểu. Còn viết thì hết sức khó bây giờ.

Tôi đem hoa cho An mỗi tuần một lần. Bà chủ nhà trọ bảo tôi điên đem dâng hoa cho một con chuột, nhưng tôi trả lời An không phải là một con chuột như những con khác.

Ngày 14-7.

Hôm nay chủ nhật. Tôi hết còn gì để tiêu khiển vì máy truyền hình bị hỏng mà tôi lại không có tiền sửa. Như tưởng tôi đánh mất tờ phiếu trả lương của phòng thí nghiệm. Tôi cũng không còn nhớ nữa.

Tôi đau đầu quá và thuốc aspirin chẳng bớt được chút nào. Bà chủ nhà trọ biết tôi ốm lại càng lo lắng. Bà thật là tốt khi mình ốm.

Ngày 22-7.

Bà chủ nhà kêu lại cho tôi một ông đốc tư. Bà sợ tôi chết. Tôi bảo tôi không ốm lắm nhưng tôi chỉ quên nhiều chuyện. Ông ta hỏi tôi có bạn bè hay bà con gì không, tôi bảo không. Tôi nói thêm tôi có một người bạn tên là An, thật là ra một con chuột, lúc trước hay chơi chạy đua với tôi. Ông nhìn tôi ngạc nhiên, cặp mắt ông trở nên kỳ dị như muốn bảo tôi là điên.

Ông mỉm cười khi tôi bảo trước kia tôi là một thiên tài. Ông trả lời tôi như nói với một đứa trẻ, đồng thời nháy mắt với bà chủ nhà trọ. Tôi nổi giận đuổi ông đi. Ông ta đã chế nhạo tôi như người ta đã từng chế nhạo tôi hồi trước.

Ngày 24-7.

Tôi hết tiền. Bà chủ nhà trọ bảo tôi phải đi kiếm việc làm vì đã hai tháng nay tôi chẳng trả xu nào. Tôi có nghề gì đâu nhưng tôi không muốn trở về lại sở cũ vì ở đấy ai cũng biết tôi và chúng sẽ nhạo tôi. Nhưng tôi nào có biết làm nghề gì khác để kiếm tiền.

Ngày 25-7.

Tôi đọc lại một vài biên bản tôi đã viết mà kỳ quá tôi chẳng hiểu gì hết, có đoạn lại rất khó đọc ra. Thỉnh thoảng có một vài chữ thấy quen quen mà không biết nghĩa gì.

Cô Thư có lại thăm tôi nhưng tôi không chịu mở cửa. Cô ta khóc và tôi cũng khóc nhưng tôi không chịu để cô ta vào vì tôi sợ cô ta cười tôi. Tôi bảo tôi không yêu cô nữa và tôi cũng chẳng còn muốn thông minh. Không phải thật thế nhưng tôi nói để cô ra đi. Thật tình tôi vẫn yêu cô ta và vẫn muốn thành thông minh. Cô đưa tiền cho bà chủ nhà trọ để trả tiền phòng cho tôi. Tôi không muốn thế. Tôi phải kiếm việc làm.

Xin cầu Trời vẫn còn cho tôi biết đọc biết viết.

Ngày 27-7.

Tôi trở lại sở và ông chủ rất tử tế với tôi. Lúc ban đầu ông hơi nghi ngờ nhưng tôi kể chuyện rõ ràng, ông rất buồn cho tôi và bảo tôi can đảm.

Ai cũng nhìn tôi, lúc tôi xuống xưởng và tôi lại tiếp tục quét dọn như lúc trước. Tôi tự bảo bọn nó sẽ nhạo tôi nhưng tôi đừng nên giận vì dù sao bọn nó cũng thương tôi. Một thằng bé mới vào làm việc ở đây, bảo tôi thằng Mười mầy nghe nói thông minh lắm, hãy nói một cái gì thông minh nghe chơi, tôi rất đau lòng nhưng thằng Chánh lại xô thằng bé kia và bảo để tôi yên. Thằng Chánh thật là bạn tôi.

ngày 28-7 hôm nay tôi quên bằng là tôi phải đi học lớp cô thư như lúc trượt tôi vào ngồi ở cuối lớp và cô ta nhìn tôi với một cặp mắt lạ lùng cô kêu tên tôi tôi đứng dậy chào cô và bảo tôi đã đánh mất cuốn sách cô liền khóc lớn và bỏ chạy ra ngoài ai cũng nhìn theo và tôi nhận thấy chẳng còn quen ai trong lớp thỉnh thoảng tôi nhớ đến cuộc mồ và tôi đã thành thông minh một dạo tôi liền bỏ ra đi trượt khi cô thư trở về lại tôi muốn đi thật xa lại một chỗ nào chẳng ai biết tôi chẳng ai dè tôi đã thành thông minh mà bây giờ hết còn biếc đọc biếc viết hẳn hoi tôi đem theo hai cuốn sách tôi chẳng còn đọc được nhưng tôi hy vọng sẽ không quên hết những gì đã học được nếu tôi cố gắng có lẽ tôi sẽ thành thông minh hơn trượt lúc mồ một chút tôi vẫn còn đem theo lá bùa hộ thân nếu một ngày nào cô thư đọc những hàng này xin cô đừng phiền cho tôi đã may mắn được thông minh và đã học được biếc bao nhiêu điều mà lúc trước tôi cũng không hề biếc có tôi không hiểu vì sao tôi lại trở thành ngu si như trước nhưng nếu tôi cố gắng tôi sẽ thành thông minh hơn tôi còn nhớ khi tôi đọc cuốn sách xanh kia tôi thích thú biếc bao bây giờ tôi muốn thành thông minh để lại có cảm giác ấy dù sao tôi tin là tôi là người ngu đần đầu tiên đã tìm được một cái gì cho khoa học tôi biết tôi đã làm một cái gì nhưng bây giờ tôi chẳng còn nhớ tôi chắc tôi đã làm việc cho tất cả những người ngu si đần độn như tôi từ biệt cô thư từ biệt đốc tư sanh từ biệt tất cả mọi người sau cùng xin cô thư có dịp thì đem dâng cho an một vài cái hoa trên nấm mồ...

HẾT

CHỮ THÍCH

Số thương trí tuệ (quotient intellectuel : QI) là một công thức chỉ định số lượng thông minh của con người :

$$\frac{\text{tuổi tinh thần} \times 100}{\text{tuổi thời gian}}$$

tuổi thời gian

Tuổi thời gian là tuổi tính theo năm. Muốn đo tuổi tinh thần, hai nhà tâm lý học BINET và SIMON đã đặt ra một bản phép thử cho mỗi tuổi, thường được gọi là phép thử BS. Ví dụ : trẻ con ba tuổi thì biết tên nó, biết chỉ miệng, mũi..., bảy tuổi thì biết đâu là tay mặt, đâu là chân trái, sai đi làm việc gì thì hiểu ngay, ... mười tuổi thì biết đặt câu với những chữ cho trước, ... Nếu một đứa trẻ biết làm tất cả những phép thử tám tuổi mà không biết phần lớn những phép thử chín tuổi thì người ta bảo nó có tám

tuổi tinh thần. Số thương trí tuệ một người bình thường là 100, nghĩa là tuổi tinh thần đúng nhằm với tuổi thời gian. Nếu số thương trí tuệ sụt xuống 70 thì là con người bị là tinh thần bạc nhược, xuống dưới 50 là dần độn, có những người ngu si sụt xuống đến 20.

Động cơ tâm lý (motivation) là tác dụng của một nguyên do trí năng, có ý thức và sự xác định một hành vi tự ý. Nhà thể thao trèo núi có nhiều nghị lực để đẩy mình lên đỉnh núi cao, nhờ đã có một động cơ tâm lý lớn lao: sung sướng vượt qua bao nỗi khó khăn, đồng thời tên tuổi vang lừng khắp các nước,...

Phép thử Rorschach là một phép thử về nhân phẩm để xét định trí thông minh, hiểu biết những nét chính một tánh nết và khám phá những thắc loạn tình cảm. Nguyên tắc phép thử này là cách thông diễn tự do những hình thù ngẫu nhiên của những vết mực đen hoặc màu. Khi giải thích, người ta phải chú trọng đến sức trí giác (theo tổng quát, từng chi tiết), phương thức cách thông diễn (hình thù, sắc màu), nội dung cách thông diễn (thú vật, con người), số lượng những ý kiến tầm thường và đặc sắc. Dựa trên những yếu tố này, nhà tâm lý học RORSCHACH đã kê ra những hạng người tâm lý. Phép thử rất năng được dùng trong môn tinh thần bệnh học và ngày nay có rất nhiều phép thử khác tương tự phép thử này.

VÕ QUANG YẾN

TÀI LIỆU TÓI CỔ

- Muốn biết Bản Văn Quốc Ngự chép tay cách đây 200 năm,
- Muốn biết Nền Văn Xuôi Việt-Nam cuối thế kỷ XVIII
- Muốn biết tình hình Kinh Tế, Xã hội, Văn Hóa Chính Trị Việt Nam thời Lê mạt. Nguyễn sơ.
- Muốn biết những Chia Rẽ Pháp Hóa trong nội bộ Thiên Chúa Giáo, sự Tranh chấp giữa Dòng TÊN và Dòng ĐA MINH tại V.N. về cuối thế kỷ XVIII.
- Muốn biết những tiếp xúc giữa Âu và Á đời Lê mạt,
- Muốn biết Tâm Tình người Việt Nam thứ nhất du hành Âu Châu vào cuối thế kỷ XVIII.

HÃY ĐỌC TẬP HỒI KÝ CHÉP TAY :

SÁCH SỔ SANG CHÉP CÁC VIỆC từ 1759 đến 1822 của Philiphe BÌNH (viết năm 1822 tại Lisbonne).

Tài liệu sưu tầm, nghiên cứu, giới thiệu của Thanh-Lãng, Đại học Đà-Lạt xuất bản. Đã có bán tại các hiệu sách.

Các bạn đọc của tạp chí Bách-khoa muốn hưởng một giá đặc biệt, có thể hỏi tại Tòa soạn ở 160 Phan-dình-Phùng Saigon.

Tổng phát hành : 291 Lý-thái-Tổ Saigon. — Đ.T. 41.756

huê mùa xuân 68

Thơ HOÀNG-GO-QUÝ

hàng cây phượng lá thưa cành
buồn sương trắng nhỏ lệ xanh ngậm ngùi
dưới sông nước động thây rời
đò thương mui quạnh sầu với giọng tình
trên trời chim nhớ cò thành
gió hiu hiu nắng ẩm tanh hơi người
trong thân mẩn lạc tiếng cười
máu oan khiên đổ đất-ôi — hương bình
ngàn năm còn lạnh thần kinh
sầu cao hờn ngậm cỏ xanh phận người

CÒ ĐÚT

Thơ NGUYỄN-KIM-PHƯỢNG

« Em như hoa bay tôi cỏ đoạn ».
Mỗi phương trời có nghĩ về nhau ?
Mùa thu sương lạnh poncho nhỏ,
Phương nhà xa mây ngủ có sầu ?

Tuyển vẫn bình an, chưa thấy giặc,
Chỉ thấy lòng mình loạn nhớ thương
Súng vẫn chưa say mùi khói đạn,
Trời đêm hương cỏ quện hoang đường.

Co ro tìm ấm trong lều lạnh
Miên man đời vẫn ngủ mẩn mà
Từng sợi gió buồn giăng trí nghĩ
Từng giọt sương buồn loang nhớ xa

Những phút mênh mang thao thức vậy
Mà say đời lính côi xa nhà...
Nhiều khi chạnh ngở tình yêu nhỏ
Cũng là tình quê hương thiết tha...

Thương hoa bay cỏ đoạn la đà...

hôm nay ngày mai

Thơ ĐÔNG-TRÌNH

dù hôm nay anh bước đi bằng nặng
trên chân tôi xin hãy cấy niềm tin
với tình thương chúng ta đan thành cánh
cho quê hương một phút đuổi thân mình

dù hôm nay mẹ buồn hoen mắt lệ
vai con đây xin một giấc ngủ muời
đứa lớn không còn nhưng trong nôi đứa bé
trên môi hồng cây hy vọng nhú xanh tươi

vì sự sống chúng ta bặt bè ngã gục
hoa trái úa tàn cho mùa gặt mai sau
dưới lớp đất này mầm non sẽ mọc
vì khắp nơi xương thịt đã lên màu

dù hôm nay đêm giật mình trở giấc
mắt bong theo từng giọt hỏa châu buồn
tiếng hát giao tình có ai cấm được
khi ngày mai trắng nở mỗi hoàng hôn

nắm lấy tay nhau hỡi anh em bằng hữu
lửa đã nhóm rồi trong những con tim
gặp lại kẻ thù mừng như cổ cự
trước tình con đất mẹ cũng chuyền mình.

ANH

Thơ HẠ-LAN

tôi viết cho anh,
bài thơ không vắn
tôi viết cho những đứa con anh
cả đứa con thứ năm muôn đời không sao thấy bố.

tôi viết cho anh
vì anh đã nằm xuống
tôi viết cho tôi
vì tôi cũng sẽ như anh ? !
anh cứ nằm đó và tin-tưởng
một ngày kia giòng họ Việt thẳng hoa
khi tháng năm không còn là âm hưởng
bấy giờ anh có quyền
làm người nhạc trưởng trong tấu khúc chung ca

anh nằm đó,
bây giờ tôi mong anh nằm yên đó
dù cho đứa con sau cùng của anh nó đang tập gọi người
khác bằng cha

trên bàn thờ anh,
vòng khăn sô còn đó
anh nghĩ thấy gì chẳng ?
hơi hương của người yêu anh đó
liệu bây giờ anh còn nhận được chẳng ?
tôi thắp một que nhang
định cắm lên lư nhưng rồi dụi tắt
vô nghĩa, vô nghĩa !
và rồi lòng tôi xoắn xang
tôi ôm đứa con anh đang bò dưới đất
tôi ôm anh
tôi ôm chính ngày mai của tôi !

Đất hứa

CHU-NGYM-VŨ

gửi Ngọc, thay hăm-bốn giờ phép

Buổi tối ngồi đọc lại thư Ngọc, tôi nghe buồn lên mười đầu ngón tay. Không gian trước mặt vắng hút một gọi tưởng êm đềm. Hình ảnh Ngọc cũng chực bay đi, mang theo những ấp yêu bằng những lần đôi tay tôi chìm lướt trên tóc nàng. Còn đây là nỗi xa lìa, tàn nguội như vùng tro than rớt lại sau cơn cháy biển hải hùng : "... Đêm nay, ở đây đánh nhau lớn quá. Mà anh có phải đi không ? Bất chợt em lo sợ. Bây giờ nếu anh đang hành quân trong rừng với mưa, với gió thế này... Rừng thì rậm, núi thì cao, còn anh thì bé nhỏ. Hiện tại chiến tranh bao trùm và em đã nhận thấy tính chất tàn bạo của nó. Em đang sống bằng mong ngóng mỗi giờ, mỗi phút. Một ngày trong cuộc chiến hôm nay chừng đã quá xa cho một ước nguyện chúng mình. Em luôn nguyện cầu được gặp lại anh trong một vài giờ phép. Nhưng bù lại, em bị vây hãm bởi những tin chiến sự, bởi những trận đánh nâng con số tổn thất lên hàng trăm. Hy vọng bỏ xa dần và tình em yêu anh bốc cao thành những đỉnh nhớ ngút mắt... «Ngần ấy tôi giữ được trong lần dừng quân này. Tôi không thể sửa soạn cho Ngọc một ao ước giản dị : gặp nhau trong một vài giờ phép. Vì ngày mai tôi tiếp tục đi. Tiếp tục một nhớ thương nóng bỏng trên con đường xa mãi bàn tay chở che của định mệnh. Đề đối diện với súng đạn tràn bờ, với những thôn làng tro vảng, với những vườn ruộng xác xơ... Có bà mẹ nhất định ở mái lều, cấy hy vọng xẻ tàn trên luống bom, bắt chấp cả tử thần rình rập đưa đi trong từng khoảnh khắc. Có em bé mong đến ngày giỗ cha, anh để được ăn chút thịt tươi, cơm trắng... Tôi đã gặp những gia đình lánh cư được nuôi sống bằng những đề-xương-chương-trình, bằng những hô-hào-chiến-dịch... Tôi cũng đã biết, từ lâu lắm rồi, hạt giống hoài bão của dân nghèo rụng theo vết xe nhân danh tình thương đưa phẩm vật cứu trợ về thành, giữ bởi những người có quyền vị, vì miền quê mất an ninh, vì dân quê ít học dễ bị Cộng sản lợi dụng ! Và còn nhiều nữa. Còn rất nhiều những đôi thay nhưng không đủ tạo hứng cho tôi trong một bức thư gửi cho Ngọc. Ngọc ơi, anh đã không có hăm-bốn giờ phép để « mang về nguyên thủy loài người », để « ta đưa ta đến vùng tuyết vời » bằng thời gian còn lại sau « bốn giờ về cộng với bốn giờ đi ». Nhớ ngày mới quen nhau, em mơ ước được là trai để chọn một đời sống phiêu lãng. Anh thật chua xót khi mình đang nổi trôi nhưng thiếu mất niềm kiêu hãnh của kẻ được là nỗi mơ ước đó của em. Anh còn biết, em thích nghe nhịp guốc mình khua vọng trên lối độc hành, những đêm chơi khuya. Em thích, bởi hiểu rằng, lối độc hành sẽ đưa em đi đâu. Ở đây, anh sợ phải một mình nghe đế giày quét trên lá cỏ, những tối băng qua vùng đất chưa đến một lần. Điều này khiến anh không thể đồng ý với em về những giục thúc viễn huy khởi

từ khát khao em có. Cũng như anh không đồng ý cuộc chiến tranh này là cuộc chiến tranh ý thức hệ. Nhưng — như có lần anh nói với em — dù là cuộc chiến gì đi nữa, sao anh vẫn thấy nó gần gũi với anh! Từ chỗ biết ngon miệng nơi đồ hộp vớt bỏ, thích thú được gửi em tặng vật mua ở PX, anh nghĩ có thể nhận diện được vóc dáng chiến tranh qua mỗi chiều hướng hành động vị kỷ của mình! Có phải anh lập dị, quái đản hòng khuyến phục em bằng chính nỗi bất lực? Lập dị như khi anh bảo em, nếu cần học thêm ngoại ngữ để trang hoàng đời sống, nên học chữ gì là quạt máy, ủi điện, tủ lạnh, đồng hồ... Đừng bao giờ học chữ hòa bình tự do, chủ quyền, cách mạng..., những chữ thật khó nhớ, thật khó dùng, thật nhiều nghĩa? Lập dị như những cái chết chối bỏ mọi thứ hào quang choàng khoác mà bạn bè anh đã và đang lựa chọn? Ngọc ơi, em hiện còn gì với anh ngoài một mong ước tầm thường? Tầm thường như một viên đạn xuyên qua tim em bé chưa tròn tháng. Tầm thường như giấc mộng của người nông phu Việt-nam: được ở lại với luống cày. Nhưng anh yêu vô cùng cái tầm thường ấy. Nó có thật. Nó là của anh. Của chúng-ta-Việt-nam. Anh đang có em trên quãng đời chờ. Sự đợi chờ cũng tầm thường như chuyện hai đứa thương nhau. Thương nhau qua những « đêm lạc loài », qua những « giấc ngủ mồ côi ». Để thêm yêu « chân nghe quen từng viên sỏi. » Không phải lối sỏi trong công viên thành phố, một chiều có buồn lên đáy cốc, có lạnh ngập chân đơn... Nhưng là lối sỏi dẫn đến nhà em. Ở đó, anh sẽ hỏi mẹ còn buồn, hỏi quê hương còn chém giết, hỏi em thơ còn đói sữa...? Ở đó, em không là giai nhân với mắt biếc cài trắng, với tóc huyền đính ngọc... Em chỉ là cô gái quê mỗi mòn lớn lên theo tuổi chiến tranh trên đất nước này. Và anh yêu em. Và tôi yêu Ngọc. Như tôi yêu những con người nhẵn nhụi vun vén cho những bóng mát dịu trâm làm đẹp lối về Đông phương...

Trời mưa, Tôi chuyển lạnh qua từng trang quá khứ lật đều. Gió xô nhẹ hàng cây trước cửa. Tôi chợt thấy mình thật vô ích giữa một thị trấn bị tàn phá, nhìn con phố buồn đi ngủ từ tám giờ đêm. Trong căn phòng đối diện, máy thu thanh đang kể tội ác tày trời của Cộng sản. Lời kể được tiếp truyền nhiều năm không đổi. Tôi thấy cổ họng khô lại và đi tìm bi-đông nước. Đêm rào kín bên ngoài. Dưới một căn hầm, vài đứa bạn đang đánh bạc. Điều cấm kỵ được chấp nhận như một sự trạng hiển nhiên. Hiển nhiên như trái đại bác nổ giữa đô thành. Như nhiều giáo chức bỏ dạy đi làm sở Mỹ. Như các trạm dầu hôi trong mùa tranh cử có đông người hơn các địa điểm gặp gỡ giữa các cử tri và ứng cử viên. Không còn một lựa chọn nào khác. Bốn-mươi đồng một tô phở. Mọi lời hứa chừng không bảo đảm được giá biểu của một lít dầu, một lon sữa. Thì một canh bạc dưới một hầm trú ẩn, với năm ba người lính trở về hậu cứ sau nhiều năm tháng hành quân, thật không có gì khó hiểu. Tôi chợt nhớ đến Huy chiều nay ở quán nước. Huy say sưa ngồi kể với tôi về một đam mê cờ bạc anh « lỡ » sa chân. Theo Huy cần phải có một đam mê để sống, dù là một thứ đam mê nguy hại. Huy còn bảo, biết đam mê là biết bày tỏ một thái độ sống để khỏi buông thả theo một tình cờ bi thảm. Tôi dù có chỗ không đồng ý với Huy nhưng không có một ý kiến nào khác. Có lẽ phải đợi bằng tuổi Huy tôi mới nghiệm chứng được lời Huy nói. Thực ra, không phải Huy chỉ có

một đam mê mà có rất nhiều. Bạn bè Huy thường ví anh như tấm kính phản chiếu mọi vật chung quanh. Đôi lúc, tôi tự nghĩ, có được một tâm hồn như Huy kể là may mắn. Phải có một tấm kính. Tiếp nhận mà không cần đãi lọc. Cuộc sống này cần tiếp nhận hơn cần đãi lọc. Như tiếp nhận cơn bão loạn kéo dài đè nặng vật giá. Những lúc buồn, tôi muốn gặp Huy để nhờ anh, bằng tuổi đời của mình, mở cho tôi những cửa ngõ sống chưa quen. Nhưng sau mỗi lần như thế, tôi lại thấy không sáng suốt thêm chút nào. Tôi trở nên đuối ngút trước lý luận của Huy. Đề quay về ôm ấp hình ảnh Ngọc làm hành trang đi hết dặm đường quân nghiệp.

Huy là con một gia đình giàu có ở Trung. Vì bất mãn mẹ cha, Huy bỏ đi hoang hơn mười năm trước khi vào lính. Suốt mười năm, Huy sống nhiều nơi, làm nhiều nghề, yêu nhiều đàn bà đến nỗi cuộc vẫn một mình. Huy thường kể lại với tôi những chuyện tình Huy cho là lý tưởng, (anh nói: chiến tranh chỉ có lợi một điều là tạo được nhiều mối tình lý tưởng, bởi nỡ trong vội vàng và nuôi bằng chờ đợi) đã qua với anh. Nhưng chỉ có hai người con gái, Huy nói, yêu anh tha thiết hơn cả. Nghĩa là lý tưởng hơn cả. Người thứ nhất là một nữ giáo viên trường làng, con một thương gia cỡ vừa. Nàng tốt nghiệp sư phạm Qui-nhơn, vì không thân thể, bị đưa về dạy tại một vùng quê hẻo lánh. Huy quen nàng trong một dịp tình cờ, khi hai người cùng tránh một trận công kích bất thần của Việt cộng, dưới một ngôi miếu cổ, trong một quận lỵ. Khi cuộc công kích bị đẩy lui, Liên — tên người con gái — bên lên làm quen với Huy bằng cách chỉ một vết đạn xuyên phá trên tường. Huy nhìn vết đạn, cười: những viên đạn bắn đi cho xã hội chủ nghĩa chỉ làm đẹp thêm bức tường. Những viên đạn không khi nào tìm tới người anh-em-ruột-thịt cần giải phóng. Liên cười theo. Rồi Huy đánh bạo mời nàng đến nhà trọ và hai người quen nhau từ đó. Huy cho biết, anh yêu nhất cái dáng vẻ của Liên khi nép trong góc cửa, nghe nhiều lần đạn chao vút bên ngoài. Nàng lo sợ một cách bình tĩnh, theo Huy, mặt úp vào khung tay, đầu cúi nhẹ, như hình ảnh một con chiến đang giờ khấn nguyện dưới mái giáo đường, tin đợi một quyền năng che chở.. Và Huy bấy giờ ước mình là tàn cây cỏ thụ với bóng lá rườm rà, khoác phủ cho cánh chim non đập dềnh cánh gió. Đáp lại, Liên thú nhận yêu Huy qua một dĩ vãng bẽ bàng khó hiểu của anh. Huy thì quyết chắc Liên mới khó hiểu. Khó hiểu như khi nàng kể với Huy, rằng tại Ty Tiểu học địa phương, có nhiều giáo chức mới ra trường tình nguyện đi về các miền triền sơn để được nằm nhà chờ cuối tháng lãnh lương, vì phái đoàn thanh tra ít chiếu cố tình hình xã thôn xôi đậu. Khó hiểu như vết sẹo nàng tặng một viên chức sở tại khi ông này sử dụng quyền tự do luyến ái một cách rất... phản tự do. Khó hiểu như khi nàng không chịu mất năm-mười nghìn đồng để được chuyển về một chỗ đông dân cư, để thực thi tinh thần cách mạng... Thời gian trôi qua, Liên tỏ ý muốn được Huy đi tới hôn nhân. Huy chần chờ, lấy cớ anh chưa dựng được một nếp sống cố định. Nhưng cái ngày chờ đợi đó không bao giờ tới với Liên. Nàng bị Việt cộng bắt đi trong lúc ghé thăm một em học sinh bị bệnh nặng. Huy buồn rầu, rời chỗ ở, tìm đến một

quận lý khác đề gặp người con gái thứ hai. Đó là một nữ cán bộ tuyên vận của Việt cộng ! Nàng tên Thủy, mồ côi cha, thoát ly theo Mặt trận đã bốn năm trước khi gặp Huy. Huy quen Thủy một buổi chiều trong quán kem. Vì nghề nghiệp, nàng đến với Huy rất.. tình tứ. Huy bị sa vào đôi mắt đẹp của Thủy từ đó nhìn đầu tiên. Dần dần, Thủy mời Huy về nhà, kể Huy nghe những tháng ngày lưu lạc của nàng. Thủy nói nhiều đến cảnh nô lệ của dân nghèo, đến hậu quả một cuộc chiến tranh phi lý do đế quốc chủ trương. Thủy cũng háng hái bàn đến giai cấp công nông, thành phần tư sản. Thủy khẳng định với Huy : tình yêu chỉ đặt trên căn bản củng cố quyền tư hữu cá nhân. Và nàng kết luận : phải có một tình yêu rộng lớn hơn, trong một thể giới rộng lớn hơn — thể giới đại đồng ! Huy sức hiểu Thủy. Anh nhận biết mình là đối tượng của một thứ tình yêu chủ nghĩa, nên cương quyết xoay đổi tình thế. Huy không cho biết là anh xoay đổi tình thế ra sao. Anh chỉ nói, sau đó, Thủy biết khóc khi anh định đi xa. Đến một ngày Thủy tỏ nhận sự thật. Bây giờ Thủy hỏi anh về một ngõ tối vào làng, về một điệu ca dao trên vông ru của mẹ, về một cơn gió chấp cánh hồi chuông tín mộ từ mái chùa rêu. Rồi Thủy đoan hứa sẽ theo Huy đi về bất cứ nơi nào để tìm lại những rung động tự nhiên lưu hoàn trong tim óc. Nhưng Thủy đã ở-lại. Ở-lại trong một xóm nghèo nàng muốn xây dựng thành Thiên đường, bằng một quả đại bác bắn đi từ một tập thể cùng sứ mạng như nàng. Huy lại đi Nhưng, vẫn theo Huy, anh không gặp được một Liên hay một Thủy khác nữa. Và Huy vào lính.

Bây giờ là hai giờ đêm. Chỉ còn bốn giờ nữa là tôi phải xa thị trấn đìu tẻ này. Tôi muốn dùng số thời gian này viết cho Ngọc một bức thư nhưng cứ phân vân mãi. Viết gì đây. Nguồn cảm hứng cơ hồ đã cạn mạch trong tôi. Còn lại là dốc đồi khô cỗi, chông chất, tích lũy sau nhiều năm tháng dày vò, chuyền dịch. Ngọc ơi, anh biết viết gì cho em ngoài một thực tại em đã viết cho anh ? Anh không thể viết cho em những cái chết tan tành, nhiều lần khiếp hơn những cái chết được đưa lên báo chí làm phương tiện tranh thủ nhân tâm. Những cái chết không giống những cái chết em đã thấy, đã nghe tại các phòng trà, khách sạn, để làm tăng hương vị của thực đơn. Anh cũng không thể viết cho em những khát vọng bình thường nhất của những con người trẻ đang chiến đấu bên anh Những khát vọng đều có trong mỗi chúng ta, không cần phải tô vẽ cho chúng trở nên xa lạ, phi thực... Anh còn nhớ, một đêm giáng sinh năm ấy, chúng mình cùng đi dạo một vùng quê xa. Nhìn ngôi sao nhấp nháy trên nóc giáo đường, em mơ tưởng một ngày hòa bình để hàng năm được nhìn lại ngôi sao cứu thế. Chúng mình cần ngôi sao đó. Không phải những ngôi sao màu vàng trên nền đỏ. Nhưng có được không ? Tin vui còn chờ đến bao giờ ? Mọi sự đến và đi đều ở ngoài quyền hạn, mong đợi của anh, của em. Chúng ta không chuẩn bị nổi một dự định nào. Ngay cả dự định gặp lại nhau mười-sáu giờ (mà anh sẽ cho em tất cả). Anh biết được gì tương lai trên một chiến tuyến khó tìm thấy kẻ hở cho ngôi sao phần số mình lấp lánh. Tuy thế, Ngọc ơi, con số thiệt hại vẫn coi như không đáng kể. Su

hy sinh chỉ có nghĩa cho một mưu toan, cho một nhu cầu nghệ thuật khởi hứng từ ánh trăng treo đầu súng, từ mấy dặm chinh nhân... Nhưng tất cả rồi cũng quen đi. Anh nhớ đã đọc ở đâu : đời sống chỉ là một thói quen dài. Tuyên xưng công trạng của chiến sĩ để được nằm nhà, quen. Hô hào bài trừ tham nhũng để dễ tham nhũng, quen. Buôn đồ Mỹ để lấy tiền vận động phong trào chống Mỹ, quen. Nguyên rủa chiến tranh để làm giàu vì chiến tranh, quen. Xa nhau mãi rồi cũng quen, phải không Ngọc? Biết quen là biết sống. Hãy xem sự cách chia như một điều kiện tất yếu để làm nên lịch sử một chuyện tình. Thời đại của chúng ta là thời đại của biết bao anh hùng làm nên lịch sử. Em thấy đó, có rất nhiều bộ óc tạo lập sự nghiệp vĩ đại của mình từ những đồng rác. Có rất nhiều nghề mới cũng được khai sinh. Nghề vịn thang leo. Nghề làm ... cách mạng. Hẳn em đã biết, nhiều lắm những lớp Anh Văn cấp tốc mở mang kiến thức dân tộc. Nhiều lắm những nhà lầu mới mọc làm tăng vẻ mỹ quang đô thị. Nhiều lắm những con người từ bỏ ruộng đất về thành để tiếp xúc với đời sống văn minh... Phải biết biến tạo hoàn cảnh. Đã có rồi, những con người biến trắng sao thành khung cảnh thuận hợp cho công tác ba-săn-sàng, ba-đảm-nhiệm. Đã có rồi, những anh hùng lao động vượt khó khăn tiến lên bốn tốt... Chúng mình, nếu không theo kịp họ, nhất định sẽ bị tan vụn dưới sức nghiền ép của đà sống đang lên!

oOo

Thế là Huy đã chết. Một mảnh đạn pháo kích chui vào dạ dày trong khi anh đang chuẩn bị ra quân. Thật nhẹ nhàng và ngọt lịm. Sáng sớm. Huy còn uống cà-phê với tôi, ôn lại kỷ niệm cháy bùng theo từng giọt đắng. Huy hứa lần sau sẽ xin phép về thăm V.L., một nữ giáo chức vừa quen, để xem nàng "buồn" ra sao. Nó có giống phiên buồn của người em gái hậu phương nào đó bằng bạc trong mỗi tình khúc thời trang? Những phiên buồn ngắt cao, ngăn bước em không đến được với anh để làm người yêu của lính. Huy nói nhiều về V.L. Rằng V.L. có giọng nói ngọt ngào, mang đầy âm hưởng dân tộc. Rằng V.L. có vẻ đẹp thiếu phụ mà tình cảm lúc nào cũng chực tham dự những chuyến phiêu lưu. Huy còn phát họa một cung điện vàng son, ở đó, "công chúa V.L." ngày đêm thướt tha trên mấy tầng quyến rũ. Và Huy sẽ là vị hoàng tử đến từ phương xa, múa kiếm trong vùng mắt giai nhân mời đón... Nhưng...

... Xác Huy nằm đó, yên tĩnh. Không một bà con thân thích. Bạn đồng đội vây quanh, lặng lẽ buồn. Thiếu tiếng khóc. Tôi hình dung đôi mắt xa xôi của Huy trước đây một giờ, và soi rõ phần số mình trên cái chết của anh. Tôi thầm nguyện cho Huy tìm được chút bình yên bên kia cõi thế. Nắng đã lên. Cuộc hành quân khởi sự. Khẩu súng trên tay tôi nặng hơn thường lúc. Tôi đi giữa đồng đội mà cảm thấy trống vắng vô cùng. Tôi

đã mất Huy vĩnh viễn. Mất luôn những niềm vui nhỏ có được từ những lúc nghỉ quân, trong một quán tranh, vào một đêm tỉnh lẻ. Tôi nhớ da diết những tràng cười hồn nhiên, mộc mạc của đàn trẻ xin ăn ngoài đường, trong chợ. Ngày trước, sau mỗi lần la cà trong tửu quán, tôi hình như đồng ý với vài người bạn cho rằng thành phố Hội-an là nơi chôn vùi tuổi trẻ! Ngày nay, sau thời gian ở rừng, tôi nhận được sự lầm lẫn đã qua của mình. Bây giờ, nếu ai hỏi tôi về lòng yêu nước, tôi sẽ trả lời rằng, lòng yêu nước là lòng yêu cái chỗ ngồi quen thuộc đề ý nghĩ có thể tự do xuôi lờ theo khói thuốc... Tôi đang chiến đấu để giữ một chỗ ngồi. Để biết rằng mình còn có quê hương, dù là một thứ quê hương rữa nát. Tôi mơ hồ nhớ lại lời Huy: « con người có mặt như một thiếu sót. Và sống là cố gắng lấp đầy. » Tôi cũng sẽ lấp đầy đời mình bằng chém giết. Hòng tạo dựng một đam mê như Huy đã từng nói. Thế vẫn hơn, Huy ạ. Và, hiện tại, còn có đam mê nào tha thiết hơn nỗi đam mê nhìn màu đỏ của máu? Nhất định máu sẽ lấp đầy nỗi bơ vơ. Máu sẽ chảy vào từng mạch rỗng của hy vọng. Máu sẽ nhuộm thắm tương lai húng ta. Tôi sẽ, nếu còn sống sau lần hành quân này, viết cho Ngọc một bức thư bằng mực đỏ. Nói về màu đỏ trên quê hương Việt-nam. Màu đỏ vẽ chữ Công Bình, Tự Do trước cửa các nhà tù. Màu đỏ xưng tụng « một chánh phủ của dân nghèo » trên tường phố... Ngọc ơi, anh cũng sẽ may cho em chiếc áo cưới màu đỏ. Đỏ như lửa cháy trong đêm giao thừa. Đỏ như màu cờ biểu thị linh hồn đấu tranh Karl Marx. Em hãy gắng chờ. Ngày hạnh phúc sẽ không còn bao xa. Ngày mà « giữa đoàn hùng binh có anh đi hàng đầu » có người con gái « chỉ yêu có anh bình nhì » dù biết rằng « đời lính gian truân thật nhiều, mà em vẫn mộng, vẫn mơ từ thời niên thiếu ». Ngày đó, anh sẽ dắt em đi vào một kinh thành mới, ngắm những bác nông phu chằm chệ trên mấy dãy phố lâu, ngắm những đại lộ thênh thang mà lính chiến sổng bước với những trang giai nhân tuyệt sắc, diu dập lượn vòng, và anh sẽ nói với em: cuộc đời này không hề phi lý, chúng ta đang có Thiên đường!

CHU-NGYM-VŨ

SÁCH MỚI

Tạp-chí Bách-khoa vừa nhận được một số sách sau đây, do nhà xuất bản Mặc-Lâm gửi tặng, mà đa số là những sách hay của thời Tiền chiến được tái bản, rất lợi ích cho công việc sưu khảo hiện nay:

— **Việt-nam tự-diễn**, do Ban Văn-học Hội Khai-trí Tiến-đức khởi thảo, Ấn quán Trung-Bắc Tân-Văn in lần thứ nhất năm 1927 tại Hà Nội nay được

Lâm in lần thứ nhì, khổ 20 x 26 dày 663 trang.

— **Tục ngữ phong dao** do Ôn Như Nguyễn-văn-Ngọc sưu tập gồm 2 tập: tập trên gồm những phương ngôn, tục ngữ, tập dưới gồm những phong dao có phụ thêm các câu đối. Các câu xếp đặt theo số chữ từ ít tới nhiều và theo thứ tự A, B, C... như từ-diễn. Hai tập đều là bản đặc-biệt. Tập trên dày 376 trang, Giá 150đ. Tập dưới dày 286 trang, Giá 140đ.

NHÂN MÙA KHAI GIẢNG NIÊN KHÓA MỚI

ĐỀ NGHỊ VỚI CHÍNH QUYỀN MỘT VIỆC LÀM

Nhất cử lưỡng tiện

● HUỲNH PHAN

Sau những đợt tấn-công từ Tết Mậu-Tân, nhiều khu trong thủ-đô đã sụp đổ vì lửa đạn. Trong số đó, có những khu dân-chúng tự dựng lại nhà cửa, cũng có những khu do chương-trình tái-thiết của chính-phủ đảm-nhận. Cho đến hôm nay, người ta đã dự-định sẽ hoàn-thành được vào đầu tháng 11 cỡ 500 đơn-vị đầu tiên thuộc chúng - cư Nguyễn-Thiện-Thuật Bàn-cờ là một trong những khu được chính-phủ tái-tạo một cách qui-mô. Chính trong thời-gian mà một số đồng-bào sắp được trở về nơi cư-ngụ cũ, chúng tôi nhận thấy, nhiều đồng bào nạn-nhân đang bàn-tán với nhau về việc học của con em họ.

Đồng-bào cho rằng khó có thể cho con em tiếp-tục đi học như trước khi nhà tan cửa nát. Bởi phần đông đồng-bào chiến-nạn là thợ-thuyền lao-động, hoặc là người buôn gánh bán bưng hay sinh-sống bằng cửa hàng xén nhỏ. Trong tình cảnh hiện nay, phần đông mất công ăn việc làm và tất cả đều tiêu tan hết cơ-nghiệp ; đồng-bào đành để con em nghỉ học, tiếp tay mình tìm sinh kế cho gia-đình. Mai đây, khi trở về chúng-cư, một số em học trường công may ra còn có thể đến trường lại. Nhưng điều đó đồng-bào cho rằng cũng

rất bấp-bênh, vì số tiền nhà trả góp từ hai đến ba ngàn đồng mỗi tháng chưa chắc một người mẹ bán hàng rong hay một người chị may vá đã thanh-toán được dễ-dàng ngoài việc phải nuôi sống cả gia-đình nhất là vì chồng hay anh họ đã hay sắp vào lính nay mai. Đến những em vốn học trường tư thì càng ít hay không dám có hy-vọng được trở lại trường lớp. Bởi vì mặc dù chưa đến tuổi phải kiếm tiền trong thời bình, các em đã bị chiến-cuộc đẩy tới chỗ phải kiếm ra tiền giúp sức với phụ huynh. Trong hoàn-cảnh đó, thật buồn cho những học sinh cỡ đệ-tam, đệ-nhị, phải bỏ học tìm việc làm thì cũng vừa đến tuổi lính. Nếu được thi-cử với bằng-cấp, hẳn đã được hoãn dịch để học thêm như những kẻ khác.

Cho nên hầu hết đồng-bào, sau khi than-vãn về hoàn-cảnh bất-hạnh của con em mình, đã ước mơ chính-phủ thành-lập ở những khu chiến-nạn vừa tái thiết những trường Trung Tiểu học miễn phí, dạy vào những giờ giấc đặc biệt. Để những học-sinh thất-học vừa có thể làm việc kiếm tiền, vừa có thể đến trường học tập ngoài giờ làm việc.

Tuy-nhiên, ước-mơ rất chính-đáng

đó của đồng-bào gặp phải hai trở-ngại lớn: Trong khi mọi trường học trên đất nước đều thiếu hụt giáo chức vì lệnh động-viên, thì tìm đâu ra người để điều-hành những trường đặc-biệt này? Thứ đến, tại những khu-vực tái-thiết đều đã hết đất; lấy đất đâu để xây-cất trường sở.

Rõ ràng là nguyện-vọng của dân chúng chỉ được đáp ứng khi hai trở ngại đó được vượt qua. May thay, gần đây ông Tổng-trưởng Công chánh và Giao thông vận tải Lương Thế Siêu có tuyên-bố với báo-chí là nhu-cầu phải cung-ứng cho đồng bào chiến-nạn chỉ vào khoảng 5000 đơn-vị gia-cư. Trong khi đó, ông cho biết, tổng-số đơn-vị được xây cất ở tất cả các chúng-cư vào khoảng 7000. Số đơn-vị gia cư thừa sẽ dành cho đồng-bào có nhà bị giải-toả thuộc các khu lập hệ-thống cống rãnh thoát nước vào cuối mùa mưa 1968. Vậy phải chăng, ở mỗi chung-cư, chính-phủ có thể dành lại một số đơn-vị (tức gian nhà ở) để làm loại trường học nói trên?

Trở ngại về trường sở có hy-vọng giải-quyết được. Đến trở ngại về nhân sự? Thì đây chúng tôi được biết rằng cách đây mấy tuần vào một buổi sáng chúa-nhật, (khoảng giữa tháng 9) một số anh em sinh-viên, phần đông là sinh-viên Sư-phạm, được anh Trưởng khối Văn-hoá của Tổng-hội Sinh-viên Sài-gòn mời đến dự một buổi họp. Mục đích của buổi họp là tìm cách mở những lớp học miễn phí để giúp đỡ học sinh chiến-nạn. Tất cả các anh em có mặt trong buổi họp đều đồng ý nên mở các lớp học đó ngay tại hay gần các khu chiến-nạn. Mở được càng nhiều lớp càng hay, vì anh em cho rằng trong mấy chục ngàn sinh-viên

tại Saigon, số những người đủ hăng hái dẫn thân phục vụ quảng-đại quần-chúng không phải là ít. Nhưng việc tìm cho ra trường-sở là vấn đề nan-giải cho anh em trong suốt buổi họp.

Như vậy, trong lòng xã-hội này đang có ba sự-kiện gặp gỡ nhau: Thứ nhất là dân nghèo chiến nạn cần trường học miễn phí cho con em. Thứ hai là những người trẻ tuổi có thiện-chí, ý-thức được vị-trí của mình, cần điều-kiện thuận lợi để có thể dẫn mình vào những sinh-hoạt hữu ích cho quảng-đại quần chúng. Thứ ba là sự chính-phủ đang có dư một số đơn-vị gia-cư.

Thế thì chính-quyền còn đợi gì, nhân mùa khai giảng niên-khoá mới này, mà không kịp thời thành lập tại những khu chúng cư những trường Trung Tiểu học miễn phí như đồng bào chiến nạn ao-ước. Thành lập bằng cách gấp rút trang bị một số đơn-vị gia-cư thặng dư thành lớp học. Ban giảng-huấn đã có anh em sinh viên thiện-chí đảm nhận. Thực hiện được việc đó là làm một hành-động «nhất cử lưỡng tiện» vậy: một mặt, lòng hăng-hái, phục-vụ đồng-bào của tuổi trẻ có chỗ dùng. Một mặt khác, làm cho dân-chúng cảm thấy trong lòng cái xã-hội của tham-nhũng, gian thương, của thói tha bần-thiểu đầy dẫy này, dầu sao vẫn có một chút ấm-cúng nào đó!

Và từ đó, nếu chính-quyền muốn làm một hành-động nhất cử mà ... tam, tứ tiện, thì bộ Giáo-dục có thể khuyến-khích trường Đại-học Sư-phạm và trường Quốc gia Sư-phạm hợp tác với anh em sinh viên thiện-chí đó bằng cách đưa sinh-viên đến dạy tập-sự, ở những trường này.

Ngay vào đầu tháng 11 này là lúc

một số đồng-bào được trở về chúng-cư Nguyễn thiện Thuật, một trường Trung Tiểu học như vừa đề-nghị nên được thành-hình tại đây làm thí-diểm. Đề tiếp đó, những trường tương-tự sẽ được thành lập ở những khu chiến-nạn khác trong thủ-đô. Và khởi đầu từ thủ đô, tại sao phong-trào thành-lập các trường Trung Tiểu-học miễn phí vì chiến-nạn đó không thể bành-trướng đến các tỉnh lẻ? Đề ở mỗi thành-phố chiến nạn, một trường học loại đó được thành-lập mà học-sinh là con em đồng bào nạn-nhân chiến-cuộc bị thất học, và ban giảng - huấn là quý-vị giáo chức và công chức có tinh-thần xã-hội ở tại địa-phương...

Lúc này, mọi người cần ý-thức một điều là bất kỳ ở đâu, trên quê-hương rách nát này, cũng có một số người trẻ tuổi muốn dẫn thân vào hành-động đề phục-vụ đồng-bào. Nhưng họ thiếu điều kiện và môi trường cần-thiết để khởi đầu hành-động. Thay vì nghi-kỵ và tìm cách chặn đường tiến, hãy tạo điều-kiện, hoàn-cảnh thuận lợi cho tuổi trẻ hoạt động. Đó mới là thái-độ khôn-ngoan và hợp-thời trong lúc này.

Chính-quyền có thể ngại tốn-kém đề từ-chối việc thành-lập những trường học miễn phí đó tại các khu chiến-nạn trong thủ-đô không? Chúng tôi nghĩ trang-bị một trường học vài chục phòng, chỉ tốn từ nửa triệu đến một triệu bạc, so với con số trên ba trăm triệu đề tái-thiết chúng cư Nguyễn-thiện-Thuật Bàn-cờ, chẳng hạn chỉ là một cố gắng nhỏ. Chúng ta hãy nhớ lại trước đây, trong thời kỳ kháng-chiến chống thực-dân Pháp, dân-chúng phải chạy

giặc từ nơi này đến nơi khác. Thế mà đến đâu có cái đình cái chùa bỏ trống là người ta hạ ngay những cánh cửa xuống làm bàn học. Và sự học-hành của trẻ con ít khi bị bỏ quên. Bây giờ thì chúng ta nỡ nào ngoảnh mặt quay lưng trước hàng vạn học-sinh chiến-nạn thất học vì nhà tan cửa nát, mặc dù những điều-kiện vật-chất ít khó-khăn hơn trước. Có thể như vậy được sao?

Trong một giai-đoạn mà bên cạnh những nỗ-lực quân-sự, vấn-đề tranh thủ nhân-tâm cũng quan trọng không kém, điều hay nhất là hãy làm những việc nên làm. Mà việc nên làm hình như không gì hơn những việc hợp lòng dân, quảng-đại quần-chúng nghèo đói và thất học.

HUỲNH-PHÂN

SÁCH BÁO MỚI

— **Sinh nhật tập truyện của Nguyễn Xuân Hoàng**, do Nguyệt san Văn-Uyển xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 140 trang, gồm 8 truyện, tác phẩm thứ 2 của nhà văn Nguyễn-Xuân-Hoàng, tranh bìa của Nguyễn-Trung. Bản đặc biệt.

— **Tín ngưỡng Việt-nam**

(Nếp cũ) quyền hạ của Toan-Ánh do Nam Chi Tùng-thư xuất bản và tác-gia gửi tặng. Sách dày 452 trang gồm 3 phần: Tôn giáo, Mê tín dị đoan và Lễ tiết. Nhiều hình ảnh đẹp của các nhiếp-ảnh-gia danh tiếng. Bản đặc biệt.

— **Việt, số 2** (tháng 9-1968) tờ báo vận-động văn-học nghệ-thuật về nguồn, in ronéo, khổ 20x27, dày 112 trang, gồm những bài nghị-luận, biên-khảo về văn học và những sáng-tác văn-nghệ (thơ, truyên). Giá 50đ

Thời-sự thế-giới

● TỪ-TRÌ

Chỉ còn hai tuần nữa là Hoa-kỳ sẽ bầu cử Tổng-thống. Lẽ dĩ nhiên cuộc tranh-cử này được dư luận quốc-tế đặc biệt theo dõi. Tuy nhiên lục-địa Mỹ-châu còn được người ta chú ý tới về cuộc nổi loạn của sinh-viên ở Mễ-tây-cơ và cuộc đảo-chính quân-sự tại Pérou nữa. Trong khi đó Đại-hội-đồng Liên-hiệp-quốc đã nhóm họp khóa thứ 23 và tại đây cả Nga lẫn Mỹ đều lại tỏ thiện chí sống chung hòa-bình.

Hoa - kỳ : Phó T.T Humphrey càng rời xa chính sách của Tổng-thống Johnson

Từ khi cuộc tranh-cử Tổng-thống bắt đầu tới giờ người ta luôn luôn trách ông Humphrey đã không có một lập trường vững chãi và rõ rệt. Thật vậy, đề lôi cuốn cảm tình của phe chủ hòa ông Humphrey muốn ngưng oanh tạc Bắc-Việt, nhưng như vậy lại e làm mất lòng Tổng-thống Johnson và đa số đảng viên Dân-chủ. Ngược lại nếu có một chính sách cứng rắn thì người ta lại cho rằng ông Humphrey chỉ tiếp tục chính sách quá quen thuộc của Tổng-thống Johnson, nghĩa là không có gì độc đáo. Hơn nữa, nếu cứng rắn ông Humphrey cũng vẫn không được người ta coi là đủ cứng rắn như ông Nixon. Như vậy nếu cử tri muốn một chính sách cứng rắn thì họ sẽ chọn ông Nixon chứ không phải Humphrey.

Hoàng-cảnh của ông Humphrey đã

thúc đẩy ông vào con đường chủ-hòa. Nếu ông ít hy-vọng đắc-cử hơn ông Nixon thì dù sao ông cũng được tiếng là đưa ra một đường lối mới lạ.

Sau khi bị dân chúng đón tiếp lạnh nhạt trong những tuần qua, ông Humphrey quyết-định tách rời khỏi đường lối của chính-phủ Hoa-kỳ hiện thời. Và trong một bài diễn-văn trên vô-tuyến truyền-hình, ông Humphrey tuyên-bố là nếu làm Tổng-thống ông sẽ ngưng oanh-tạc Bắc-việt để tỏ thiện-chí vì ông tin-tưởng rằng chỉ có thương-thuyết mới rút ngắn chiến-tranh.

Trước khi đọc, ông Humphrey đã gửi bài diễn văn này tới văn-phòng Tổng-thống Johnson để xin ý-kiến. Ngay sau đó, Tổng-thống Johnson đã điện đàm với ông Nixon tới nửa tiếng đồng-hồ. Và người ta còn nói là khi đọc diễn-văn, ông Humphrey đã cẩn thận cho đẹp mọi cờ biển Phó Tổng-thống, tượng-trưng sự lệ-thuộc của ông đối với Tổng-thống Johnson. Như vậy ta thấy rằng giữa hai ông Johnson và Humphrey, một cái hố ngăn cách càng ngày càng sâu thêm.

Sự tiến-triển trong thái-độ của ông Humphrey đã khiến cho ông Nixon tỏ ra cứng rắn hơn nữa. Ông tuyên-bố sẽ tăng cường việc oanh-tạc Bắc-Việt và hoàn toàn không đồng ý việc ngưng oanh tạc để chấm dứt chiến tranh, vì làm như vậy tức là hy-sinh thêm nhiều mạng sống của thanh-niên Mỹ.

Những cuộc tranh-luận sôi nổi này đều

có ảnh hưởng không nhỏ tới cuộc hòa-dàm Paris. Tại đây người ta hầu như đang chờ đợi chỉ-thị để đi tới một thỏa-hiệp. Có người cho rằng Tổng thống Johnson sẽ quyết định ngưng oanh tạc trước ngày 5-11 để ông Humphrey được đắc cử. Ngược lại có người cho rằng ông sẽ cứng rắn để ngầm giúp ông Nixon.

Nhưng có lẽ cả hai giả-thuyết đều không đúng vì điều ông Johnson mong muốn không phải là sự đắc-cử của ông Humphrey mà cũng không phải là sự thắng lợi của ông Nixon. Điều mà ông Johnson muốn là làm sao khi rời Tòa Bạch-Cung ông sẽ đạt được một thành-quả ngoại - giao vẻ vang, lưu truyền trong lịch-sử. Từ nay tới khi mãn nhiệm kỳ ông sẽ tìm cách thực hiện một công-thức hòa-bình nào đó, một công-thức mà cả hai bên đều sẽ không mất mặt.

Sinh-viên nổi-loạn ở Mễ-tây-cơ và cuộc đảo-chính tại Pérou.

Mấy năm qua tình-hình chính-trị tại Mỹ-châu la-tinh thực quá yên tĩnh. Nhưng sự bình thản này đã bất thần bị khuấy động. Thật vậy, hai tuần trước ngày rước lửa thiêng Thế-vận-hội tới Mexico thì đô-thị này đã là nơi đụng độ giữa sinh-viên và lực lượng cảnh bị của chính-quyền. Cảnh-sát đã được lệnh đột ngột giải tán một cuộc biểu-tình của sinh-viên. Kết quả có tới 50 người chết và 1500 người bị bắt giữ. Trong số người chết có Tướng José Hernandez Toledo, người chỉ huy cuộc đàn-áp...

Cuộc đụng độ đẫm máu này đã khiến cho nhiều du-khách hủy bỏ cuộc viếng thăm Mễ-tây-cơ nhân dịp Thế-vận-hội. Chính Thế-vận-hội cũng đã khai mạc trong một bầu không khí ngột ngạt.

Tại Pérou quân đội nổi lên lật đổ Tổng-thống Fernando Belaunde Terry. Ông Belaunde Terry là một người tự-do dân-chủ hiếm có ở Nam-Mỹ. Ông bị lật đổ chỉ vì đã từ chối không chịu quốc-hữu-hóa những công-ty dầu-hỏa Hoa-kỳ như quân đội đòi hỏi. Một nhóm các sĩ-quan trẻ tuổi nửa đêm đã đột nhập vào dinh Tổng-thống, còng tay ông Belaunde áp giải ra máy bay, chở sang Buenos-Ayres và thế là một quốc-gia Nam Mỹ nữa lại được đặt dưới quyền kiểm soát của quân-đội.

Tại Liên-Hiệp-Quốc : Nga-Mỹ tỏ thiện-chí hòa-bình :

Sau vụ Nga xô chiếm đóng Tiệp-khắc, người ta nghĩ rằng cuộc sống chung hòa-bình đã cáo chung và chiến-tranh lạnh sắp trở lại.

Thật vậy, khi khóa thứ 23 của Đại-Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc khai mạc, Ngoại-trưởng Pháp Michel Debré, Ngoại-trưởng Mỹ Dean Rusk đã lớn tiếng lên án Nga-sô xâm-lăng Tiệp-khắc. Ngoại-trưởng Nga Gromyko cũng không kém chỉ-trích Mỹ ở Việt-nam. Nhưng hai ông Rusk và Gromyko đã không bỏ lỡ dịp gặp riêng nhau để bàn những vấn đề mà cả Nga-sô và Mỹ cùng có chung quyền-lợi như tài-binh và tranh chấp Do thái Ả-rập.

Thái độ của hai đại-cường cho ta thấy rõ rằng giữa hai bên luôn luôn có sự thỏa-hiệp để chia vùng ảnh-hưởng. Tiệp-khắc thuộc vùng ảnh hưởng của Nga nên Mỹ không muốn can-thiệp và ngày nào mà Mỹ không xâm phạm tới vùng ảnh-hưởng của Nga thì nước này vẫn để Mỹ rảnh tay ở Việt-nam.

TỪ TRỊ

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Đáng khờng lồ cuối cùng.

Một vị khổng lồ trong loại ấn phẩm đang ra đời. * ên là *Encyclopoedia Universalis*. Dày 23 nghìn trang, gồm 20 tập Bách-Khoa từ-điển ở Pháp xuất hiện lần đầu cách đây hai trăm năm, do nhóm Diderot, đúng vào ngày 28-6-1751. Từ ấy đến nay, khắp các nước Âu-Mỹ đều có tự-điển Bách-Khoa, đủ thứ: thứ cho lớp trẻ, thứ cho các giới chuyên-môn v.v... Đến bộ Bách-Khoa này của nhà Club français du livre, chắc là sẽ không có đối thủ nào tranh đua nữa. Không phải vì kiến-thức của nhân loại không đủ cung-ứng cho một bộ sách dày hơn. Ồ không. Kiến-thức tích lũy mỗi ngày mỗi nhiều: Bách Khoa tự-điển tha hồ mỗi ngày mỗi dày lên như núi.

Nhưng chính vì thế mà người ta đồn rằng sau này Mỹ sẽ không in tự-điển bách-khoa thành sách nữa. Kiến-thức sẽ được ghi vào máy, vào những bộ óc điện-tử. Kẻ cầu học bốn phương — thay vì mở sách ra tra từng chữ — cứ việc gọi điện-thoại về hỏi óc điện-tử. Vừa nhanh chóng vừa khỏi choán chỗ.

Chiến tranh Việt nam ?

— Còn thua xa

Trong một cuộc thăm dò ý kiến do *Ifop* tổ chức hồi đầu tháng 9-1968, thì dân chúng Pháp, ngoài những vấn đề nội bộ trong nước của họ, họ chú ý đến số phận dân Biafra trước nhất, sau đó đến số phận của Tiệp-khắc. Chiến tranh Việt-nam, tuy đang được dàn xếp ngay

tại thủ-đô của họ, nhưng chỉ đứng vào hàng thứ ba trong các mối quan tâm của người Pháp.

(Tỉ lệ là : Vấn đề Biafra : 42% dân chúng chú ý

— — Tiệp-khắc 31% —

— — Việt-nam 17 % —

Tại sao người Pháp xúc động vì Biafra đến thế ?

Hãy lướt qua vài con số, trích trong cuốn *Mort du Biafra* của Gilles Caron và Francis de Bonneville vừa xuất bản.

Từ 30-5-1967 tới nay, tức từ ngày Biafra tuyên bố độc lập và chiến tranh xảy ra, đã có một triệu người chết tại đây. (Quân lính cộng-sản chết tại Nam Việt-nam từ 1961 đến nay chừng 400 ngàn).

Hiện thời cứ mỗi giờ có 150 người Biafra chết. Chết vì giặc giã và đói khát. Có những khẩu hiệu dán lên vách tường đề khuyên dân chúng : " Hãy ăn chuột, ếch, sâu bọ, rắn ". Khuyên quá chậm : vì khắp nước từ lâu đã chẳng còn một con mèo con, chó nào ; chuột, ếch cũng khó bề tìm ra.

Năm 2000

Có hai đảng tiên tri vừa lên tiếng về tương lai của nhân loại. Đó là Herman Kahn và Anthony Wiener, tác giả cuốn *L'An 2000* (Robert Laffont xuất bản, 520 trang).

Thật ra, từ lâu nay, tại Hoa-kỳ có hai tổ chức lo làm việc để thu thập tài

giệu cho vụ tiên tri này. Một là American Academy of Arts and Sciences lập một Ủy ban đặc biệt gọi là Ủy ban Năm 2000 (Commission de l'An 2000). Ủy-ban này đã cho ấn hành 5 tập phúc-trình vào năm 1967 về các kết-quả đã đạt được. Một tổ-chức nữa là Viện Hudson Institute, trong đó có Kahn và Wiener, hai tác giả nói trên, phối hợp với Ủy ban Năm 2000 để tổng-kết các tài liệu.

Cứ như dự đoán của mấy nhà tiên-tri này thì nếu không có điều bất ngờ trục trặc xảy ra, vào năm 2000, một số quốc-gia, về mặt kinh tế sẽ tiến tới giai-đoạn hậu - kỹ-nghệ (post - industriel. Thời-kỳ này những quốc gia ấy ở giai-đoạn sung-túc (stade d'abondance).

Từ sung túc qua hậu-kỹ-nghệ còn lắm điều mê tơi nữa. Dĩ nhiên Mỹ với Nga là hai nước cừ khôi nhất về kỹ-thuật. Rồi tới Nhật, sau nữa tới Tây-Đức.

Nền văn minh hậu kỹ nghệ ra đời làm xuất hiện một mẫu người mới con người hậu-kỹ-nghệ.

Nói về nền văn-minh trước. Văn minh ấy có đôi ba đặc điểm. Chẳng hạn nó sẽ nhằm những lý-tưởng hường lạc, thực tế, thấp thỏm. Tuy vậy trong xã hội bấy giờ sự thành công về mặt lý tài không được quý trọng nữa, sức lao động không quý giá nữa, đức cần cù không được đề cao nữa. Bấy nhiêu sự đảo lộn giá trị trong vòng 32 năm tới đủ làm ngẩn ngơ lạc lõng lớp người hiện tại.

Về con người hậu-kỹ-nghệ, tâm lý họ cũng có đôi ba đặc điểm : quảng cáo rùm beng không còn làm ham muốn thêm thường nữa, trái lại thì giờ

nhàn rỗi quá nhiều khiến cho họ có những nét tâm trạng chắc chắn mới lạ lắm, hiện nay khó đoán trước. . .

Vậy thì hãy chờ xem. Xa xôi gì đâu. Vả lại những con người mới lạ ấy có phải ai đâu xa lạ? Chính là chúng ta đây (thêm mớ tóc bạc lên đầu, thế thôi).

Ký-giả cấp-tiến

Trong phần kết thúc cuốn *Le premier cercle* của Soljenitsyne, các tên tù thông thái của Nga-xô bị tổng cồ lên xe, chở trả về các trại khổ sai.

Sau đại chiến thứ II, việc chở tù ở Nga-xô có một cải-cách lớn lao : thay vì dùng những chiếc xe đen thui chở súc vật, thì người ta có sáng kiến dùng những chiếc xe chở thực phẩm, sơn màu xanh lơ và màu cam. Phương tiện chuyển vận trông sang trọng hẳn lên. Bên trong các xe bát bưng ấy, tù nhân ngồi ; bên ngoài có bốn thứ tiếng :

Myaso - Viande - Fleisch - Meat.

Trong lúc chiếc xe nọ ngừng ở một ngã tư để chờ đèn xanh thì một chiếc xe khác cũng ngừng bên cạnh. Trong xe là ký giả nhật-báo cấp tiến "*Libération*" của nước Pháp. Ký giả này cũng có khiếu quan sát nhanh chóng, sâu sắc và bén nhạy như mọi ký giả khác trên đời, vội vàng rút sổ tay ghi chép một nhận xét : "Trên các nẻo đường Mạc-tư-khoa, người ta trông thấy những chiếc xe bóng lộn, hoàn toàn hợp vệ sinh, chuyên chở thực phẩm. Phải công nhận rằng việc cung cấp thực phẩm cho đô-thành là toàn hảo."

Phải công nhận chứ. Cũng như phải công nhận tài năng tuyệt hảo của các ông phóng viên chứ.

TRÀNG THIÊN
x-1968.

THỜI-SỰ KINH-TẾ

kinh-tế tự chủ = kinh-tế chủ-dân

Sàigon —. ngày 27-9. Một thông cáo của Hàng Không Việt-nam báo tin cho hành khách biết phi trường Phan-thiết bị pháo kích ; phi-đạo bị hư và đường bay Phan-Thiết phải tạm-thời gián-đoạn.

Việc thông-báo trên đây chỉ có giá-trị của một tin-tức chiến-sự, và lẽ ra không đáng để cho ai phê-bình gì hết nếu không có sự ly-kỳ về đoạn chót của bản thông-cáo.

Vì đoạn chót nói rằng, tuy nhiên hành-khách vẫn có thể thuê luôn một chuyến máy bay 9 chỗ để đáp xuống Phan-Thiết.

Vậy ra phi đạo vẫn còn sử-dụng được. Và Hàng-Không Việt-Nam vẫn thiện-chí cùng mình, gặp trường hợp nào cũng ráng thỏa mãn nhu cầu xê-dịch tối khẩn-thiết của dân đen. Đọc được thông cáo dân-đen đã bị «hãm» xê-dịch từ 9, 10 ngày, một thứ «hãm» mà «phó thường dân» nào có qua cầu mới hiểu, mới thương những người đồng «cảnh ngộ», ngày, này qua ngày khác lân-la tới những tòa «Đại. lý Air Việt-Nam» uy-nghi để «xin» mua một «chuyến đi». Hạnh-phúc lắm mới được một vé «chờ», xuất ngày, đáp xe-ca lên sân bay, nhìn trời đất, đề rồi cuối ngày lại ủ rũ trở về «phòng đợi» trông mong một ngày mai tươi sáng hơn.

Đúng là một sự «hãm-di» đau khổ, không thua kém bí đại-tiện tiểu tiện, và người dân đen thoát bí, mừng sút đầu gối, ôm vội 712đ, giá tiền một vé đi — hơn hai năm trước đây mới ở mức trên 400đ — hí-hửng chạy tới công-toa mua vé, và chưng hửng khi nghe trả lời «phải có ba mươi ngàn đồng» mới hy vọng được bước chân lên máy bay 9 chỗ hy vọng thôi, vì ngày khởi hành còn tùy thuộc khi nào có máy bay rảnh.

Kể về nghệ thuật «chém» khách hàng, ngoài các tài-pán vũ trường, các em sờ-nách-ba, chủ hầm «La Ca-vơ» v.v... thì từ nay người ta phải tôn thờ Ban Giám-đốc Hàng Không Việt-nam nữa.

Đành rằng các ngài bảo-vệ cho quyền lợi của công-ty. Máy bay lớn đáp xuống phi trường không được, các ngài phải dùng máy bay nhỏ. Mà máy bay nhỏ thời tốn phí hơn. Không được phép tăng giá máy bay ngang xương, các ngài bèn nghĩ ra diệu-kế cho thuê «bao». Một mình một máy bay, xướng nhá-Xướng, thời phải trả 33.000đ. Đừng có kêu ca gì cả

Người ta thường than chính-quyền chậm như rùa, trong khi công việc chạy rục rục tại khu vực thương - mại. Bắt - chước cái hay của khu-vực thương-mại là nên lắm, nhưng chính-quyền mà theo lẽ-lối làm việc «bao» của tài-pán, thời dân đen không hoan nghênh đâu nhé.

Dân đen đã khẩn cổ kêu gào, nhiệm-vụ điều-hoà giao-thông vận-tải là một bổn-phận, một sự bó-buộc của chính-quyền. Không cần phải có khế-ước nào khác, kni người dân đã tín-nhiệm bầu lên cơ-quan Hành pháp, thời bắt-buộc cơ-quan Hành-pháp phải bảo đảm sự giao-thông cho người dân.

Cùng-như, dầu không có khế-ước nào ký-kết giữa Hàng-không Việt-Nam và hành-khách, nhưng một khi đã có độc-quyền thực-tế chuyên-chở bằng máy-bay, thì Công ty Hàng-không có bổn-phận phải đảm-bảo sự liên tục của các

đường bay nếu không có máy bay lớn, phải dùng máy bay nhỏ. Và không được viện lý-lẽ gì để đốt cháy túi hành-khách.

Ở nước này, chính-quyền đã thừa-hiểu muốn chống lại được lý-thuyết cộng-sản, muốn tranh-thủ nhân-tâm, phải mạnh-dạn đi vào đường-lối cải-cách xã-hội, phục-vụ quyền-lợi của đại-chúng, của dân nghèo. Bắt dân phải trả 33.000đ để xê dịch giữa Saigon — Phan-Thiết, có phải là đường-lối phục vụ đại-chúng không ?

Người ta càng không hiểu được thái-độ của Hàng-không Việt-nam, khi ông Chủ-tịch Tổng Giám-đốc không phải là một cá-nhân tầm-thường, một ông chủ tư-bản bụng-phệ, kiểu vua « dầu-hỏa », vua « thép, sắt », hay là vua thuốc-điều rượu-mạnh v.v...

Ông Chủ-tịch Tổng Giám-đốc chính là một vị trong nhóm chủ-trương Kinh-tế tự-chủ. Theo học-thuyết này, nền kinh-tế trước hết phải phục vụ cho quyền lợi đại-chúng. Nếu các nhu cầu căn bản khẩn thiết của dân nghèo không được thỏa mãn thì xin khoan nói tới các danh từ đao to búa lớn như « xây dựng dân chủ », « cách-mạng xã hội ».

Phải chăng cái bệnh của các chính-khách ở nước Việt-nam này là khi còn đứng bên ngoài chính quyền, thời công kích chánh phủ tưới hột sen và đưa ra những lý thuyết phục vụ dân nghèo dửng dưng lắm. Nhưng khi bắt đầu tham dự vào chánh phủ là khởi sự nhìn người dân như địch thủ, « khó chịu quá, nhiều yêu sách quá » và đề củng cố địa vị, đề được tiếng khen là hay, là giỏi, là khéo quân trị phần việc của mình, có lời cho công quỹ, thời không từ bỏ một quyết định cứng rắn nào, dầu có làm cho dân nghèo đau đớn thêm cũng không lý tới.

Phải chăng cái quan niệm của nhiều vị điều khiển các công-ty chính phủ là phải làm cho có lời với bất cứ giá nào, phải bắt người dân chịu đựng tất cả các phí tổn của công-ty.

Người dân phải túi thân mà nhận định các quan niệm sai lệch trên đây vẫn tồn tại mãi mãi qua các chánh phủ kế tiếp.

Khi chính quyền đã phải nhẩy vào thương trường cạnh tranh với tư nhân, chính vì ngành hoạt động đó có liên quan mật thiết tới đời sống của đại đa-số quần-chúng túng nghèo. Vì hoạt-động đó thoả-mãn một nhu-cầu cấp-bách của người dân yếu-đuối, nên Chính-phủ không để cho các nhà tư-bản cá-mập làm mưa làm gió trên thị-trường. Chính-phủ phải lâm vào vòng chiến, phải cạnh-tranh, đề điều-hòa và giảm giá thị trường. Nếu nhu-cầu cấp-bách, khẩn-thiết quá, thời Chánh-phủ phải nắm độc quyền. Tỷ-dụ. Điện, nước, đường-xá, cầu cống, hoả-xa, hàng-không.

Nhân-dân chỉ chấp-nhận độc-quyền, khi mục tiêu chính của sự hoạt-động thương-mại chánh-phủ là phục-vụ quyền-lợi quần-chúng, loại bỏ các nhà buôn muốn kiếm lời trên những nhu-cầu, không thể không thoả-mãn của dân-nghèo. Tiến thêm một bước nữa, nếu chánh-phủ thực-sự muốn cách-mạng xã-hội, thời Ngân-sách Quốc-gia phải bắt người giàu đóng thêm tiền để bù vào các xí-nhiệp hoạt-động phục-vụ người nghèo. Không những không thể nói đến chuyện kiếm lời trong nghiệp-vụ cung-cấp điện-nước, chuyên-chở cho dân-nghèo, mà ngược lại, còn phải trợ-cấp cho đầy-đủ để các công-ty quốc doanh bán rẻ hơn nữa cho khách-hàng, cho quần-chúng nghèo túng. Xin quý-vị lãnh-đạo công-ty chánh-phủ cảm-thông rằng, trong các ngành phục-vụ nhu-cầu khẩn-thiết của đồng-bào, mỗi một đồng bạc lời là một giọt máu của dân mà quý vị thâu thêm cho công-ty đó.

DUY